

1

Câu 3: Nhân tố quan trọng nào giúp Liên Xô hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế 1946 - 1950?

- A. Tinh thần tự lực tự cường.
- B. Tài nguyên thiên nhiên phong phú.
- C. Những tiến bộ khoa học kỹ thuật.
- D. Sự hợp tác giữa các nước XHCN.

Câu 4: Đến đầu những năm 70 của thế kỷ XX, Liên Xô đã đi đầu trong lĩnh vực

- A. công nghiệp nhẹ.
- B. công nghiệp nặng.
- C. công nghiệp vũ trụ.
- D. sản xuất nông nghiệp.

Câu 5: Năm 1949, Liên Xô đạt được thành tựu nổi bật nào về khoa học - kỹ thuật?

- A. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
- B. Chế tạo thành công bom nguyên tử.
- C. Thực hiện được nhiều kế hoạch dài hạn.
- D. Phóng thành công tàu vũ trụ bay vòng quanh trái đất.

Câu 6: Sản xuất nông nghiệp của Liên Xô năm 1950 đã

- A. đứng thứ hai thế giới.
- B. gấp đôi mức trước chiến tranh thế giới thứ hai.
- C. đạt mức trước chiến tranh.
- D. tăng so với trước Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 7: Nhiệm vụ của cách mạng dân chủ nhân dân ở các nước Đông Âu là gì?

- A. Xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, ban hành các quyền tự do dân chủ.
- B. Tiến hành cải cách ruộng đất.
- C. Quốc hữu hóa những xí nghiệp lớn của tư bản.
- D. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.

Câu 8: Cách mạng dân chủ nhân dân ở các nước Đông Âu đã làm gì để xóa bỏ sự bóc lột của địa chủ phong kiến đối với nông dân?

- A. Triệt phá âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng của bọn phản động.
- B. Cải cách ruộng đất.
- C. Quốc hữu hóa xí nghiệp của tư bản.
- D. Thực hiện các quyền tự do dân chủ cho nhân dân.

Câu 9: Sau khi hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân, các nước Đông Âu đã làm gì?

- A. Tiến lên chế độ xã hội chủ nghĩa.
- B. Tiến lên chế độ tư bản chủ nghĩa.
- C. Tiến lên xã hội chủ nghĩa, một số nước tiến lên tư bản chủ nghĩa.
- D. Một số nước thực hiện chế độ trung lập.

Câu 10: Khó khăn nào là lâu dài đối với cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu?

- A. Tàn dư lạc hậu của chế độ cũ.
- B. Hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai.
- C. Cơ sở vật chất kỹ thuật lạc hậu so với các nước Tây Âu.
- D. Sự bao vây của các nước đế quốc và sự phá hoại của các lực lượng phản động quốc tế.

Câu 11: Nguyên nhân chính của sự ra đời liên minh phòng thủ Vácsava (14/5/1955) là gì?

- A. Để tăng cường tình đoàn kết giữa Liên Xô và các nước Đông Âu.
- B. Để tăng cường sức mạnh của các nước XHCN.
- C. Để đối phó với việc vũ trang lại Tây Đức của các nước thành viên khối NATO.
- D. Để đảm bảo hòa bình và an ninh ở châu Âu.

Câu 12: Đây là mặt hạn chế trong hoạt động của khối SEV?

- A. Thực hiện quan hệ hợp tác, quan hệ với các nước tư bản chủ nghĩa.
- B. Phối hợp giữa các nước thành viên kéo dài sự phát triển kinh tế.
- C. Ít giúp nhau ứng dụng kinh tế khoa học trong sản xuất.
- D. "Khép kín cửa" không hòa nhập với nền kinh tế thế giới.

Bài 2

LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ GIỮA NHỮNG NĂM 70 ĐẾN ĐẦU NHỮNG NĂM 90 CỦA THẾ KỶ XX

A. Phần lý thuyết

1. Sự khủng hoảng và tan rã của liên bang Xô Viết

- Đầu năm 1980, nền kinh tế, xã hội của Liên Xô ngày càng rơi vào tình trạng trì trệ khủng hoảng.
- 3/1985 Góóc-ba-chốp tiến hành cải tổ khắc phục những sai lầm => không đạt kết quả.
- Đất nước càng lún sâu vào khủng hoảng và rối loạn, bãi công, các nước đòi ly khai, tệ nạn xã hội tăng.
- 8/1991 Đảng Xô Viết tiến hành đảo chính lật đổ Góóc-ba-chốp.
- 12/1991, 11 nước thành lập khối SNG. Chế độ CNXH sụp đổ ở Liên Xô.

2. Cuộc khủng hoảng và tan rã chế độ XHCN ở Đông Âu

- Cuối 1970 -> đầu 1980 các nước Đông Âu lâm vào tình trạng khủng hoảng.
- 1988 khủng hoảng ở Ba Lan, Hunggari, Tiệp Khắc, Nam tư, Anbani, đòi thực hiện đa nguyên về chính trị.
- 1989 chế độ XHCN sụp đổ ở Đông Âu.
- 6/1991 SEV chấm dứt hoạt động.
- 7/1991 khối Vác sa va giải thể => Đây là tổn thất lớn của phong trào cách mạng thế giới.

B. Phần trắc nghiệm

Câu 1. Khó khăn nào là lâu dài đối với cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu?

- A. Tàn dư lạc hậu của chế độ cũ.
- B. Hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai.
- C. Cơ sở vật chất kĩ thuật lạc hậu so với các nước Tây Âu.
- D. Sự bao vây và chống phá của các thế lực phản động.

Câu 2. Chỗ dựa chủ yếu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu là

- A. thành quả của cách mạng dân chủ nhân dân (1946 -1949) và nhiệt tình của nhân dân.
- B. sự hoạt động và hợp tác của Hội đồng Tương trợ Kinh tế (SEV).
- C. sự giúp đỡ của Liên Xô.
- D. sự hợp tác giữa các nước Đông Âu.

Câu 3. Các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội đã ưu tiên phát triển ngành kinh tế

- A. công nghiệp nhẹ.
- B. công nghiệp nặng.
- C. kinh tế đối ngoại.
- D. kinh tế thương nghiệp.

Câu 4. Nguyên nhân chính của sự ra đời liên minh phòng thủ Vác-Sa- va (14/5/1955) là gì?

- A. Để tăng cường tình đoàn kết giữa Liên Xô và các nước Đông Âu.
- B. Để tăng cường sức mạnh của các nước XHCN.
- C. Để đối phó với việc vũ trang lại Tây Đức của các nước thành viên khối NATO.
- D. Để đảm bảo hòa bình và an ninh ở châu Âu.

Câu 5. Tổ chức Hiệp ước Phòng thủ Vác- sa-va mang tính chất:

- A. Một tổ chức kinh tế của các nước XHCN ở châu Âu
- B. Một tổ chức liên minh phòng thủ về quân sự của các nước XHCN ở châu Âu.
- C. Một tổ chức liên minh chính trị của các nước XHCN ở châu Âu.
- D. Một tổ chức liên minh phòng thủ về chính trị và quân sự của các nước XHCN ở châu Âu.

Câu 6. Đây là mặt hạn chế trong hoạt động của khối SEV?

- A. Thực hiện quan hệ hợp tác, quan hệ với các nước tư bản chủ nghĩa.
- B. Phối hợp giữa các nước thành viên kéo dài sự phát triển kinh tế.
- C. Ít giúp nhau ứng dụng kinh tế khoa học trong sản xuất.
- D. Chỉ liên minh trong các nước xã hội chủ nghĩa không hòa nhập với kinh tế thế giới.

CHƯƠNG II **CÁC NƯỚC Á, PHI, MĨ LA TINH TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY**

Bài 3 **QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG** **DÂN TỘC VÀ SỰ TAN RÃ CỦA HỆ THỐNG THUỘC ĐỊA**

A. Phần lý thuyết

I. Giai đoạn từ 1945 đến giữa những năm 60 của thế kỷ XX

- Ngay sau khi Nhật đầu hàng nhân dân ĐNA khởi nghĩa vũ trang và giành được độc lập:

+ Indônêxia (8/1945)

+ Việt Nam (9/1945)

+ Lào (10/1945).

- Phong trào đấu tranh lan nhanh sang các nước Nam Á, Bắc Phi

- Năm 1960 là “Năm châu Phi”, 17 nước châu Phi giành độc lập.

=> Giữa năm 1960 hệ thống thuộc địa của CNDQ thực dân cơ bản sụp đổ.

II. Giai đoạn từ giữa những năm 60 đến giữa năm 70

- Đầu năm 1960, 3 nước đấu tranh vũ trang và giành độc lập.

+ Ghi-nê Bít-xao (1974).

+ Mô-dăm Bích (6/1975).

+ Ăng-gô-la (11/1975).

=> Đây là thắng lợi quan trọng của phong trào giải phóng dân tộc ở Châu Phi.

III. Giai đoạn từ giữa những năm 70 đến giữa năm 90

- Phong trào đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc diễn ra và thắng lợi Chính quyền người da đen thành lập

+ Đim-ba-buê (1980); Namibia (1990); Nam Phi (1993).

=> Hiện nay các nước Á, Phi, Mĩ La Tinh đang xây dựng và phát triển kinh tế.

B. Phần trắc nghiệm

Câu 1. Quá trình tan rã của hệ thống thuộc địa thế giới vào khoảng thời gian nào?

A. Từ năm 1945 đến giữa những năm 60 của thế kỉ XX.

B. Từ giữa những năm 60 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX.

C. Từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 của thế kỉ XX.

D. Từ những năm 60 đến giữa những năm 90 của thế kỉ XX.

Câu 2. Ngay sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc phong trào giải phóng dân tộc đã nổ ra mạnh mẽ nhất ở các nước nào?

A. In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào.

B. Việt Nam, Mi-an-ma, Lào.

C. In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Thái Lan.

D. Phi-lip-pin, Việt Nam, Ma-lai-xi-a.

Câu 3. Vì sao năm 1960 đã đi vào lịch sử với tên gọi là "Năm châu Phi"?

A. Có nhiều nước ở châu Phi được trao trả độc lập.

B. Châu Phi là châu có phong trào giải phóng dân tộc phát triển sớm nhất, mạnh nhất.

C. Có 17 nước ở châu Phi tuyên bố độc lập.

D. Châu Phi là "Lục địa mới trời dậy".

Câu 4. Phong trào đấu tranh giành độc lập của Ăng-gô-la, Mô-dăm-bích, Ghinê Bít-xao nhằm đánh đổ ách thống trị của

A. Phát xít Nhật.

B. Phát xít Italia.

C. Thực dân Tây Ban Nha.

D. Thực dân Bồ Đào Nha.

Câu 5. Từ cuối những năm 70 của thế kỉ XX, chủ nghĩa thực dân chỉ còn tồn tại dưới hình thức nào?

A. Chủ nghĩa thực dân kiểu cũ.

B. Chủ nghĩa thực dân kiểu mới.

C. Chế độ phân biệt chủng tộc.

D. Chế độ thực dân.

Bài 4 **CÁC NƯỚC CHÂU Á**

A. Phân lý thuyết

I. Tình hình chung

1. Chính trị:

- Ngay sau khi Nhật đầu hàng 8/1945, cao trào giải phóng dân tộc bùng lên mạnh mẽ ở khắp Châu Á.
- Cuối 1950 phần lớn các nước đã giành độc lập: Trung Quốc, Ấn Độ, Indônêxia...
- Nửa sau thế kỷ XX tình hình Châu Á không ổn định.

2. Kinh tế:

- Phát triển nhanh, tiêu biểu (Nhật Bản, Xin-ga-po, Ấn Độ, Trung Quốc, Hàn Quốc)...

II. Trung Quốc

1. Sự ra đời của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

- Từ (1946 -1949) nội chiến
- 10/1949 Nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời.
- * Ý nghĩa: Kết thúc ách nô dịch hơn 100 năm của đế quốc và hàng nghìn năm của CDPK, đưa đất nước Trung Hoa bước vào kỷ nguyên độc lập tự do.
- Hệ thống XHCN được nối liền từ Châu Âu sang Châu Á.

2. Công cuộc cải cách mở cửa

- 12/ 1978 Trung Quốc đề ra đường lối đổi mới lấy phát triển kinh tế làm trung tâm, xây dựng TQ thành quốc gia giàu mạnh, văn minh.
- Thành tựu:
- +Nền kinh tế phát triển nhanh đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới.
- + Đời sống nhân dân được nâng cao.
- * *Đối ngoại*: Mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với hầu hết các nước trên thế giới. Địa vị của TQ được nâng cao trên trường quốc tế.

B. Phản trắc nghiệm

Câu 1: Một trong những ý nghĩa quốc tế của sự thành lập nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa (1/10/1949)?

- A. Chấm dứt sự thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ.
- B. Tạo điều kiện nối liền chủ nghĩa xã hội từ châu Âu sang châu Á.
- C. Làm giảm sự căng thẳng của cục diện Chiến tranh lạnh.
- D. Làm cho chủ nghĩa xã hội trở thành một hệ thống thế giới.

Câu 2: Mục đích *chính* trong đường lối cải cách- mở cửa ở Trung Quốc nửa sau thế kỷ XX là gì?

- A. Lấy cải tổ chính trị làm trọng tâm.
- B. Lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm.
- C. Lấy phát triển kinh tế, chính trị làm trọng tâm.
- D. Lấy phát triển văn hóa làm trọng tâm.

Câu 3: Mục tiêu của công cuộc cải cách - mở cửa ở Trung Quốc (từ năm 1978) là gì?

- A. Làm cho Trung Quốc trở thành một nước có nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.
- B. Biến Trung Quốc thành quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới.
- C. Nhanh chóng xây dựng thành công xã hội chủ nghĩa.
- D. Biến Trung Quốc thành quốc gia giàu mạnh, dân chủ, văn minh.

Câu 4: Công cuộc cải cách – mở cửa Trung Quốc năm 1978, để lại cho Việt Nam bài học kinh nghiệm gì?

- A. Hỗ trợ vốn kỹ thuật cho công cuộc cải cách ở Việt Nam.
- B. Thúc đẩy nhanh quá trình cải cách đất nước..
- C. Liên kết kinh tế Việt Nam với nền kinh tế các nước.
- D. Lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm..

Câu 5: Trước chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các nước Đông Bắc Á đều bị

- A. Anh- Pháp chiếm làm thuộc địa.
- B. chủ nghĩa thực dân nô dịch.
- C. chủ nghĩa đế quốc xâm lược.
- D. Liên Xô- Trung Quốc chiếm đóng.

Câu 6: Trong bốn con rồng kinh tế ở châu Á thì Đông Bắc Á có ba đó là

- A. Hàn Quốc, Đài Loan, Triều Tiên
- B. Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan.
- C. Đài Loan, Triều Tiên, Ấn Độ
- D. Hàn Quốc, Hồng Kông, Xingapo.

D. Mở rộng việc kết nạp các nước thành viên.

Bài 6 **CÁC NƯỚC CHÂU PHI**

A. Phân lý thuyết

1. Tình hình chung

a. Chính trị

- Sau CTTG thứ 2 phong trào chống chủ nghĩa thực dân phát triển và giành độc lập như; Ai cập (1953) AnGiêri (1962); Năm 1960 “Năm châu Phi”, với 17 nước giành độc lập.

b. Kinh tế

- Đạt được nhiều thành tựu, nhưng nền kinh tế ở nhiều nước vẫn ở tình trạng lạc hậu, đói nghèo thậm chí còn diễn ra xung đột đẫm máu.

=> Hiện nay thành lập các tổ chức để giải quyết khó khăn kinh tế.

2. Nước Cộng hoà Nam Phi

- Bị Hà Lan cai trị với chế độ phân biệt chủng tộc cực kỳ tàn bạo đối với người da đen và da màu ở Nam Phi suốt hơn 3 thế kỉ.

- Dưới sự lãnh đạo của “Đại hội dân tộc Phi” (ANC).

+ 1993 chế độ phân biệt chủng tộc được tuyên bố xoá bỏ.

+ 4/1994 Nen-xon Man-đê-la được bầu làm tổng thống Cộng hoà Nam Phi.

Ý nghĩa: Chế độ phân biệt chủng tộc đã bị xoá bỏ ngay tại sào huyệt cuối cùng của nó, sau hơn 3 thế kỷ tồn tại

B. Phần trắc nghiệm

Câu 1: Vì sao năm 1960 đã đi vào lịch sử với tên gọi là Năm châu Phi?

- A. Có nhiều nước ở châu Phi được trao trả độc lập.
- B. Có 17 nước ở châu Phi được trao trả độc lập.
- C. Phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh..
- D. Châu Phi là "Lục địa mới trời dậy”.

Câu 2: Tên tuổi của Nen-xon Man-đê-la gắn liền với phong trào đấu tranh nào?

- A. Phong trào chống ách thống trị của bọn thực dân.
- B. Phong trào giải phóng dân tộc ở An-giê-ri.
- C. Phong trào giải phóng dân tộc ở Ăng-gô-la.
- Phong trào chống chế độ phân biệt chủng tộc.

Câu 3: Sự kiện nào đánh dấu sự sụp đổ về căn bản của chủ nghĩa thực dân cũ cùng hệ thống thuộc địa của nó ở châu Phi?

- A. Thắng lợi của cách mạng Mô dămbích và Ăngôla ra đời.
- B. An-giê-ri được công nhận độc lập.
- C. Nen-xon Man-đê-la trở thành tổng thống da đen đầu tiên.
- D. Thắng lợi của cách mạng Nam phi..

Câu 4: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa bản Hiến pháp tháng 11/1993 của Nam Phi

- A. chính thức xoá bỏ chế độ phân biệt chủng tộc.
- B. chính thức xoá bỏ chủ nghĩa thực dân cũ.
- C. xoá bỏ chủ nghĩa thực dân mới.
- D. xoá bỏ chế độ Apartheid và chủ nghĩa thực dân cũ.

Câu 5: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc ở Châu Phi nổ ra sớm nhất ở đâu?

- A. Nam Phi.
- B. Bắc Phi.
- C. Trung Phi.
- D. Tây Phi.

Câu 6: Kẻ thù chính trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của người dân Nam Phi là

- A. chủ nghĩa thực dân cũ.
- B. chủ nghĩa thực dân mới.
- C. chủ nghĩa Apacthai.
- D. chủ nghĩa đế quốc.

Câu 7: Sự kiện lịch sử nào đánh dấu sự chấm dứt chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi?

- A. Tháng 3/1990, nước cộng hòa Na-mi-bi-a tuyên bố độc lập
- B. Tháng 2/1990, chính quyền Nam Phi đã từ bỏ chính sách phân biệt chủng tộc
- C. Tháng 4/1994, Nen-xon Man-đê-la trở thành Tổng thống đầu tiên của Nam Phi
- D. Tháng 11/1993, Phong trào giải phóng dân tộc ở Châu Phi hoàn toàn thắng lợi.

Bài 7 **CÁC NƯỚC MỸ LA TINH**

A. Phần lý thuyết

1. Tình hình chung

- Đầu thế kỷ XIX một số nước Mỹ la tinh đã giành được độc lập nhưng sau đó lại trở thành “sân sau” của Mỹ.
- Sau CTTG2 pt đấu tranh phát triển tiêu biểu là thắng lợi của CM Cuba (1959)
- Thập niên 60-70 của thế kỷ XX, phong trào đấu tranh diễn ra ở nhiều nước như: Chi lê, Nicaragua, Vê-nê-xuê-la, Chi lê Goatêmala, Pêru...
- Kết quả : chính quyền độc tài ở nhiều nước Mỹ Latinh bị lật đổ, các chính phủ dân tộc dân chủ được thiết lập.
- Sau khi giành độc lập các nước tập trung phát triển kinh tế, củng cố độc lập và dân chủ hóa đời sống chính trị...
- Khó khăn: Một số nước tăng trưởng kinh tế chậm lại, tình hình chính trị không ổn định...

2. Cu Ba – hòn đảo anh hùng

* Trước cách mạng: Bị chế độ độc tài Batixta thống trị.

- 7/1953, 135 thanh niên yêu nước do Phiden Cátxtorô chỉ huy tấn công pháp đài Môncađa.
 - 1/1959, Chế độ độc tài Batixta bị lật đổ => Cách mạng Cuba thắng lợi.
 - Sau khi giành độc lập CuBa tiến hành cải cách dân chủ triệt để (sgk)
 - 1961 Cu Ba tiến lên CNXH.
- => Bộ mặt đất nước Cuba thay đổi căn bản và sâu sắc.
- Trong nửa thế kỷ qua, Cuba kiên cường vượt qua những khó khăn do chính sách cấm vận kinh tế của Mỹ => Cuba đứng vững và tiếp tục đạt được những thành tựu to lớn.

B. Phần trắc nghiệm

Câu 1: Sự kiện lịch sử nào được đánh giá là tiêu biểu trong phong trào giải phóng dân tộc ở Mỹ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- | | |
|--------------------------------------|--------------------------------------|
| A. Thắng lợi của cách mạng Mê-hi-cô. | B. Thắng lợi của cách mạng Ê-cua-đo. |
| C. Thắng lợi của cách mạng Cu-ba. | D. Thắng lợi của cách mạng Chi-lê |

Câu 2: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, âm mưu của Mỹ đối với Mỹ Latinh là gì?

- A. Biến Mỹ Latinh trở thành “sân sau” của mình.
- B. Lôi kéo các nước Mỹ Latinh đi theo Mỹ.
- C. Tiến hành đảo chính lật đổ chính quyền ở các nước Mỹ Latinh.
- D. Khống chế các nước ở khu Mỹ Latinh.

Câu 3: Hình ảnh “lục địa bùng cháy” chỉ hiện tượng gì ở Mỹ Latinh?

- A. Cao trào đấu tranh chống Mỹ và chế độ độc tài thân Mỹ.
- B. Một loạt nước giành độc lập.
- C. Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào đấu tranh cách mạng
- D. Bùng nổ của phong trào bãi công ở Mỹ latinh.

Câu 4: So sánh điểm khác nhau cơ bản về hoàn cảnh của các nước khu vực Mỹ Latinh với các nước ở châu Á và châu Phi trong quá trình giành và bảo vệ độc lập?

- | | |
|--|--|
| A. Giành được độc lập sớm (đầu TK XIX) | B. Giành được độc lập sớm nhưng sau đó lệ thuộc vào Mỹ |
| C. Hầu hết đều là thuộc địa và phụ thuộc | D. Các chính phủ dân tộc dân chủ được thiết lập |

Câu 5: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ La-tinh được mệnh danh là "Lục địa bùng cháy" vì:

- A. núi lửa thường xuyên hoạt động
- B. cao trào đấu tranh vũ trang bùng nổ mạnh mẽ
- C. phong trào giải phóng dân tộc nổ ra dưới nhiều hình thức
- D. lần lượt lật đổ chế độ độc tài phản động giành lại chủ quyền dân tộc

Câu 6: Cuộc đấu tranh giành và bảo vệ độc lập ở Mỹ Latinh sau chiến tranh thế giới thứ hai có điểm gì khác so với các nước châu Á và châu Phi?

- A. Đấu tranh xóa bỏ chế độ độc tài thân Mỹ.
- B. Đấu tranh lật đổ chính quyền thực dân cũ, giành độc lập.
- C. Đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc.
- D. Đấu tranh theo khuynh hướng cách mạng vô sản.

Câu 7: Từ những năm (1960 - 1980), phong trào giải phóng dân tộc ở Mỹ La- tinh diễn ra dưới hình thức nào?

- A. Bãi công của công nhân.
- B. Đấu tranh chính trị.
- C. Đấu tranh nghị trường.
- D. Đấu tranh vũ trang

Câu 8: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, âm mưu của Mỹ đối với Mỹ Latinh là gì?

- A. Biến Mỹ Latinh trở thành “sân sau” của mình.
- B. Lôi kéo các nước Mỹ Latinh đi theo Mỹ.
- C. Đảo chính lật đổ chính quyền ở các nước Mỹ Latinh.
- D. Khống chế các nước ở khu Mỹ Latinh.

Câu 9: Hình ảnh “lục địa bùng cháy” chỉ hiện tượng gì ở Mỹ Latinh?

- A. Cao trào đấu tranh chống Mỹ và chế độ độc tài thân Mỹ.
- B. Một loạt nước Mỹ Latinh giành được độc lập.
- C. Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào đấu tranh cách mạng.
- D. Bùng nổ của phong trào bãi công ở Mỹ latinh.

Câu 10: So sánh điểm *khác nhau* cơ bản về hoàn cảnh của các nước khu vực Mỹ Latinh với các nước ở châu Á và châu Phi trong quá trình giành và bảo vệ độc lập?

- A. Giành được độc lập sớm vào đầu thế kỉ XIX.
- B. Giành độc lập sớm, sau đó lệ thuộc vào Mỹ.
- C. Hầu hết đều là thuộc địa và phụ thuộc.
- D. Các chính phủ dân tộc dân chủ được thiết lập.

Câu 11: Vì sao sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ Latinh được mệnh danh là “Lục địa bùng cháy”?

- A. Tổng bãi công chính trị diễn ra ở nhiều nước Mỹ la tinh.
- B. Cao trào đấu tranh vũ trang bùng nổ mạnh mẽ.
- C. Phong trào giải phóng dân tộc nổ ra dưới nhiều hình thức.
- D. Lật đổ chế độ độc tài phản động giành lại chủ quyền dân tộc.

Câu 12: Những năm đầu thập kỉ 90, biến động chính trị nào của thế giới gây khó khăn cho phong trào cách mạng Cuba?

- A. Sự vươn lên của các nước Tây Âu.
- B. Sự sụp đổ trật tự hai cực Ianta.
- C. Xô - Mỹ tuyên bố kết thúc chiến tranh lạnh.
- D. Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu sụp đổ.

Câu 13: Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Mỹ Latinh đều là

- A. thuộc địa của Anh, Pháp.
- B. thuộc địa kiểu mới của Mỹ.
- C. thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ.
- D. thuộc địa của chủ nghĩa thực dân kiểu mới.

Câu 14: Cách mạng Cu Ba thành công đã mở đầu cho phong trào gì sau đây ở Mỹ Latinh?

- A. Đấu tranh vũ trang.
- B. Đấu tranh chính trị.
- C. Đấu tranh nghị trường.
- D. Đấu tranh đòi ruộng đất của nông dân.

CHƯƠNG III
MỸ, NHẬT BẢN, TÂY ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY
BÀI 8
NƯỚC MỸ

A. Phần lý thuyết

I. Tình hình kinh tế nước Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ 2

- Sau CTTG thứ 2, Mỹ là nước giàu mạnh nhất trong thế giới Tư Bản.
- + Công nghiệp: chiếm hơn 1 nửa sản lượng CN thế giới 56,47% (1948).
- + Nông nghiệp: Gấp 2 lần sản lượng nông nghiệp của Anh, Pháp, Tây Đức, Italia và Nhật Bản cộng lại (1949).
- + Năm 3/4 trữ lượng vàng của thế giới (24,6 tỉ USD)
- => Sau chiến tranh Mỹ trở thành trung tâm kinh tế - tài chính duy nhất của thế giới.
- Từ 1973 đến nay kinh tế Mỹ suy giảm.

*** Nguyên nhân phát triển**

- + Lãnh thổ rộng lớn; Áp dụng KH-KT hiện đại; Vai trò quản lý của nhà nước; Các công ty có sức sản xuất lớn. Lợi dụng chiến tranh để làm giàu nhờ buôn bán vũ khí.

II. Sự phát triển về KH –KT của Mỹ sau chiến tranh

- Mỹ là nước khởi đầu các CM KH –KT hiện đại và đạt được nhiều thành tựu to lớn như; chế tạo công cụ sản xuất mới, vật liệu mới, năng lượng mới, chinh phục vũ trụ, cách mạng xanh trong nông nghiệp.

B. Phân trắc nghiệm

Câu 1: Nhận xét nào là đúng về chính sách đối ngoại của Mỹ từ năm 1945 - 2000?

- A. Tiến hành chạy đua vũ trang, chống lại các nước trên thế giới.
- B. Tiến hành chiến tranh xâm lược, chống lại chủ nghĩa khủng bố.
- C. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, khống chế các nước tư bản.
- D. Hình thức thực hiện khác nhau nhưng có cùng tham vọng muốn làm bá chủ thế giới.

Câu 2: Nguyên nhân cơ bản nào thúc đẩy nền kinh tế Mỹ phát triển *mạnh mẽ* sau chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Áp dụng thành tựu của cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại để nâng cao năng suất lao động.
- B. Các công ty tập đoàn tư bản Mỹ có sức sản xuất cạnh tranh có hiệu quả ở trong và ngoài nước.
- C. Lãnh thổ Mỹ rộng lớn, tài nguyên phong phú, nguồn nhân lực dồi dào, trình độ kĩ thuật cao.
- D. Chính phủ Mỹ quân sự hoá kinh tế để buôn bán vũ khí, phương tiện chiến tranh thu lợi nhuận cao.

Câu 3: Lí do nào sau đây giúp nước Mỹ đạt được nhiều thành tựu rực rỡ về khoa học - kĩ thuật?

- A. Mỹ là nước khởi đầu cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai.
- B. Mỹ xem phát triển khoa học - kĩ thuật là trung tâm chiến lược để phát triển đất nước.
- C. Mỹ chủ yếu là mua bằng phát minh sáng chế từ các nước khác trên thế giới
- D. Nhiều nhà khoa học lỗi lạc trên thế giới sang Mỹ, nhiều phát minh khoa học hiện đại ra đời.

Câu 4: Nhận xét nào là *đúng nhất* về chính sách đối ngoại của Mỹ từ năm (1945 - 2000)?

- A. Tiến hành chạy đua vũ trang, chống lại các nước trên thế giới.
- B. Tiến hành chiến tranh xâm lược, chống lại chủ nghĩa khủng bố.
- C. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, khống chế các nước tư bản.
- D. Hình thức thực hiện khác nhau nhưng có cùng tham vọng muốn làm bá chủ thế giới.

Câu 5: Nội dung “Chiến lược toàn cầu” của Mỹ nhằm mục tiêu cơ bản nào?

- A. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc.
- B. Ngăn chặn và tiêu diệt các nước xã hội chủ nghĩa.
- C. Thiết lập sự thống trị trên toàn thế giới.
- C. Khống chế các nước đồng minh của Mỹ.

Câu 6: Thành tựu nào *không phải* của nước Mỹ?

- A. Năm 1948 chiếm 56% sản lượng công nghiệp toàn thế giới.
- B. Đi đầu trong các lĩnh vực chế tạo công cụ sản xuất mới, vật liệu mới.
- C. Năm 1961 phóng tàu vũ trụ có người lái bay vòng quanh trái đất.
- D. Nền kinh tế chiếm gần 40% tổng sản phẩm kinh tế thế giới.

Bài 9 **NHẬT BẢN**

A. Phần lý thuyết

I. Tình hình Nhật bản sau chiến tranh

- Sau CTTG 2 Nhật bị tàn phá nặng nề; bị Mĩ chiếm đóng.
- Nhật tiến hành cải cách dân chủ: Ban hành hiến pháp mới (1946) thực hiện quyền tự do dân chủ.

II. Nhật Bản khôi phục và phát triển kinh tế

- 1952 – 1973 kinh tế Nhật Bản tập phát triển nhanh được đánh giá là "thần kỳ".
- Công nghiệp tăng trưởng 15%.
- 1968 kinh tế Nhật Bản đứng thứ hai thế giới (sau Mỹ)
- => *Nhật Bản trở thành một trong 3 trung tâm kinh tế, tài chính của thế giới.*
- Nguyên nhân: Con người Nhật Bản được đào tạo chu đáo và có ý chí vươn lên; sự quản lý hiệu quả của các xí nghiệp và công ty, vai trò điều tiết của chính phủ Nhật Bản...
- Thập kỷ 90, kinh tế Nhật bị suy thoái kéo dài, có năm tăng trưởng âm (1997; - 0.7%)

III. Chính sách đối ngoại của Nhật sau chiến tranh.

- Liên minh chặt chẽ với Mĩ; Ký kết Hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật (9/1951).
- Thi hành chính sách đối ngoại mềm mỏng về chính trị, tập trung vào phát triển quan hệ kinh tế với các nước Châu Á.

B. Phần trắc nghiệm

Câu 1: Sự phát triển “thần kì” của Nhật Bản được biểu hiện rõ nhất thời điểm nào?

- A. Từ nước chiến bại, hết sức khó khăn, thiếu thốn, Nhật Bản vươn lên thành một siêu cường về kinh tế.
- B. Năm 1968, tổng sản phẩm quốc dân đứng hàng thứ hai trên thế giới sau Mĩ.
- C. Trong khoảng hơn 20 năm (1950 – 1973), tổng sản phẩm quốc dân của Nhật Bản tăng 20 lần
- D. Từ thập niên 70 (thế kỉ XX) Nhật Bản trở thành 1 trong 3 trung tâm kinh tế tài chính của thế giới tư sản

Câu 2: Để phát triển khoa học – kỹ thuật, ở Nhật Bản có hiện tượng gì ít thấy ở các nước khác?

- A. Coi trọng và phát triển nền giáo dục quốc dân, khoa học – kỹ thuật
- B. Đi sâu vào các ngành công nghiệp dân dụng
- C. Xây dựng nhiều công trình hiện đại trên mặt biển và dưới đáy biển
- D. Coi trọng việc nhập kỹ thuật hiện đại, mua bằng phát minh của nước ngoài

Câu 3: Ngoài liên minh chặt chẽ với Mĩ, Nhật Bản vẫn coi trọng quan hệ với Tây Âu và chú trọng phát triển quan hệ với các nước

- A. Đông Bắc Á.
- B. Nam Á.
- C. Đông Nam Á.
- D. Mĩ Latinh.

Câu 4: Sự kiện nào đặt nền tảng mới cho quan hệ giữa Mĩ và Nhật Bản?

- A. Mĩ đóng quân tại Nhật Bản.
- B. Mĩ xây dựng căn cứ quân sự trên lãnh thổ Nhật Bản.
- C. Hiệp ước an ninh Mĩ – Nhật được kí kết.
- D. Mĩ viện trợ kinh tế cho Nhật Bản.

Câu 5: Nhân tố cơ bản nhất dẫn tới sự phát triển của nền kinh tế Nhật Bản trong những năm 1952-1973 là

- A. chi phí cho quốc phòng thấp (không vượt quá 1% GDP).
- B. tận dụng triệt để các yếu tố thuận lợi từ bên ngoài để phát triển.
- C. con người được coi là vốn quý nhất, là chìa khóa của sự phát triển.
- D. áp dụng những thành tựu khoa học-kỹ thuật để nâng cao năng suất.

Câu 6: Mục tiêu lớn nhất của Nhật Bản muốn vươn đến từ năm 1991 đến năm 2000?

- A. Vị trí trên trường quốc tế về kinh tế - chính trị.
- B. Là cường quốc về công nghệ và kinh tế.
- C. Là cường quốc về kinh tế và quân sự.
- D. Là cường quốc về quân sự và chính trị.

Bài 10 **CÁC NƯỚC TÂY ÂU**

A. Phân lý thuyết

I. Tình hình chung

1. Kinh tế

- Tây Âu bị CTTG2 tàn phá nặng nề.
- 1948-1951 Tây Âu nhận viện trợ của Mỹ theo "Kế hoạch Mác-san" .
- => Kinh tế Tây Âu phục hồi nhưng các nước Tây Âu ngày càng lệ thuộc vào Mỹ.

2. Chính trị

- Đối nội: Xoá bỏ những cải cách tiến bộ, củng cố quyền lực của giai cấp tư sản.
- Đối ngoại: Tăng cường chiến tranh tái chiếm thuộc địa.

II. Sự liên kết khu vực

- 1951: 6 nước: Pháp, Đức, Bỉ, Hà Lan, Lúc-xăm-bua thành lập Cộng đồng than thép Châu Âu.
- 1957: Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu và " Cộng đồng kinh tế Châu Âu" (EEC).
- 1967: hợp nhất thành Cộng đồng châu Âu (EC).
- 1/ 1993: đổi thành Liên minh Châu Âu (EU).
- 1/1999, một đồng tiền chung châu Âu được phát hành với tên gọi là đồng orô (EURO).
- => Là liên minh kinh tế - chính trị lớn nhất thế giới có tổ chức chặt chẽ với 27 thành viên (2007).Chiếm ¼ GDP thế giới

B. Phản trắc nghiệm

Câu 1: Vì sao nói "Liên minh Châu Âu là tổ chức liên kết khu vực lớn nhất hành tinh"?A. Số lượng thành viên nhiều .

B. Kết nạp tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị.

B. Chiếm khoảng hơn ¼ GDP của toàn thế giới.

D. Quan hệ với hầu hết các quốc gia trên thế giới.

Câu 2: Kế hoạch Mác-san (6/1947) còn được gọi là

A. kế hoạch khôi phục châu Âu.

B. kế hoạch phục hưng châu Âu.

C. kế hoạch phục hưng kinh tế châu Âu.

D. kế hoạch phục hưng kinh tế Tây Âu.

Câu 3: Nguyên nhân quan trọng nhất góp phần thúc đẩy nền kinh tế các nước Tây Âu phát triển nhanh sau chiến tranh thế giới thứ hai là?

A. tận dụng các cơ hội bên ngoài để phát triển.

B. vai trò quản lí, điều tiết, có hiệu quả của nhà nước.

C. áp dụng thành tựu khoa học kĩ thuật hiện đại.

D. sự bóc lột của các nhà tư bản đối với công nhân.

Câu 4: Liên minh châu Âu (EU) ra đời không chỉ nhằm hợp tác liên minh giữa các nước thành viên trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ mà còn trong

A. lĩnh vực chính trị, văn hóa và an ninh chung.

B. cả trong lĩnh vực chính trị và đối ngoại.

B. chính trị, đối ngoại và an ninh chung.

D. lĩnh vực đối ngoại và an ninh chung.

Câu 5: Nguyên nhân phát triển kinh tế nào là đặc trưng riêng của Tây Âu so với Mỹ và Nhật Bản?

A. Áp dụng những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại

B. Các chính sách và biện pháp điều tiết của Nhà nước.

C. Tận dụng các yếu tố bên ngoài để phát triển

D. Hợp tác có hiệu quả trong khuôn khổ của Cộng đồng châu Âu (EC)

Câu 3: Sự phát triển của Liên minh châu Âu (EU) có điểm gì *khác biệt* so với Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

A. Quá trình hợp tác, mở rộng thành viên diễn ra khá lâu dài.

B. Hạn chế sự can thiệp và chi phối của các cường quốc.

C. Hợp tác, giúp đỡ các nước trong khu vực phát triển kinh tế.

D. Diễn ra quá trình nhất thể hóa trong khu vực (EU).

CHƯƠNG IV

QUAN HỆ QUỐC TẾ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

Bài 11

TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

A. Phần lý thuyết

I. Sự hình thành trật tự thế giới mới

a. Hoàn cảnh

- 2/1945 Hội nghị quốc tế Ianta (Liên xô) với sự tham dự của nguyên thủ 3 cường quốc Liên Xô, Mỹ, Anh thông qua các quyết định quan trọng.

b. Quyết định

- Phân chia khu vực ảnh hưởng giữa Liên xô và Mỹ.

c. Hệ quả: Những thỏa thuận trên đã trở thành khuôn khổ của một trật tự thế giới mới => “*Trật tự hai cực Ianta*”

II. Sự thành lập Liên hợp quốc

- Thành lập vào tháng 10/1945.

- Nhiệm vụ: Duy trì hoà bình và an ninh thế giới phát triển mối quan hệ hữu nghị, hợp tác quốc tế về kinh tế văn hoá xã hội.

- Vai trò: Duy trì hòa bình và an ninh thế giới, đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giúp đỡ các nước phát triển kinh tế.

III. Chiến tranh lạnh

- Chiến tranh lạnh là chính sách thù địch căng thẳng trong quan hệ giữa Mĩ và các nước Phương Tây đối với Liên Xô và các nước XHC

IV. Thế giới sau chiến tranh lạnh

1. Hoà hoãn và hòa dịu trong quan hệ quốc tế.

2. Xác lập trật tự thế giới mới theo xu hướng đa cực.

3. Điều chỉnh chiến lược phát triển, lấy kinh tế làm trọng điểm.

4. Ở nhiều nơi còn xảy ra nội chiến.(Châu Phi, Trung Á...) với những hậu quả nghiêm trọng.

=> Xu thế chung của thế giới hiện nay là hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển.

B. Phần trắc nghiệm

Câu 1: Đề nhanh chóng kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai, ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh đã thống nhất nội dung nào dưới đây?

A. Sử dụng bom nguyên tử để tiêu diệt phát xít Nhật.

B. Liên Xô sẽ vào giải giáp quân phiệt Nhật ở Bắc Triều Tiên.

C. Hồng quân Liên Xô sẽ tấn công vào sào huyệt Béc-lin của Đức.

D. Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật.

Câu 2: Trật tự hai cực Ianta được hình thành trên cơ sở nào?

A. Những quyết định của Hội nghị Ianta và thỏa thuận sau đó của ba cường quốc.

B. Những quyết định của các nước thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

C. Những thỏa thuận sau đó của ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh.

D. Những quyết định của Hội nghị Pôttxđam.

Câu 3: Quyết định nào của Hội nghị Pôttxđam (7-1945) tạo ra những khó khăn mới cho cách mạng Đông Dương sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Liên Xô không được đưa quân đội vào Đông Dương.

B. Quân Anh sẽ mở đường cho thực dân Pháp chiếm lại Đông Dương.

C. Đông Nam Á vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước phương Tây.

D. Đồng ý cho quân Trung Hoa Dân quốc và quân Anh vào Đông Dương.

Câu 4: Nội dung nào *không* phải là nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc?

A. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.

- B. Chung sống hòa bình với sự nhất trí của năm cường quốc.
- C. Không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực với nhau.
- D. Không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.

Câu 5: Việc Liên Xô là Ủy viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có ý nghĩa như thế nào trong quan hệ quốc tế?

- A. Thể hiện là tổ chức quốc tế có vai trò quan trọng duy trì hòa bình an ninh thế giới.
- B. Góp phần hạn chế sự thao túng của chủ nghĩa tư bản ở tổ chức Liên hợp quốc.
- C. Tổ chức quốc tế quan trọng nhất trong đời sống chính trị quốc tế sau năm 1945.
- D. Khẳng định vai trò tối cao của 5 nước lớn trong tổ chức Liên hợp quốc.

Câu 6: Biểu hiện nào không phản ánh đúng xu thế phát triển của thế giới từ khi Chiến tranh lạnh chấm dứt đến năm 2000?

- A. Hòa bình, hợp tác và phát triển là xu thế chủ đạo của thế giới.
- B. Các quốc gia đều tập trung lấy phát triển kinh tế làm trọng điểm.
- C. Trật tự thế giới đơn cực được xác lập trong quan hệ quốc tế.
- D. Các nước lớn điều chỉnh quan hệ theo hướng đối thoại, thỏa hiệp.

Câu 7: Nội dung nào dưới đây *không* phải là quyết định của Hội nghị Ianta (2/1945)?

- A. Thành lập tổ chức Liên hợp quốc.
- B. Nhanh chóng khắc phục hậu quả của chiến tranh.
- C. Thống nhất chung là tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít.
- D. Thỏa thuận việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp phát xít.

Câu 8: Nội dung nào sau đây là nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc?

- A. Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc.
- B. Không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa bằng vũ lực đối với nhau.
- C. Hợp tác có hiệu quả trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục.
- D. Thúc đẩy các mối quan hệ hữu nghị, hợp tác quốc tế.

Câu 9: Mọi nghị quyết của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc được thông qua với điều kiện là

- A. phải quá nửa số thành viên của Hội đồng tán thành.
- B. phải có 2/3 số thành viên đồng ý.
- C. phải được tất cả thành viên tán thành.
- D. phải có sự nhất trí của Liên Xô (Nga), Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc.

Câu 10: Cơ quan nào giữ vai trò *trọng yếu* trong duy trì hòa bình và an ninh thế giới của tổ chức Liên hợp quốc?

- A. Đại hội đồng.
- B. Tòa án quốc tế.
- C. Hội đồng Bảo an.
- D. Hội đồng quản thác.

Câu 11: Vì sao Hiến chương được xem là văn kiện quan trọng nhất của tổ chức Liên hợp quốc?

- A. Được các nước thành viên phê chuẩn.
- B. Quy định bộ máy tổ chức của Liên hợp quốc.
- C. Đề ra nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc.
- D. Nêu rõ mục đích hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc.

Câu 12: Từ năm 1945 đến nay, tổ chức nào đã trở thành diễn đàn quốc tế vừa hợp tác vừa đấu tranh nhằm duy trì hòa bình và an ninh thế giới?

- A. Liên hợp quốc (UN).
- B. Liên minh châu Âu (EU).
- C. Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM).
- D. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

Câu 13: Những quyết định của Hội nghị Ianta (2/1945) đã tác động như thế nào đến quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Đánh dấu trật tự thế giới mới được hình thành.
- B. Góp phần hình thành nên khuôn khổ của trật tự thế giới mới.
- C. Giải quyết được mâu thuẫn của ba cường quốc Liên Xô, Mĩ và Anh.
- D. Tạo điều kiện để giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.

CHƯƠNG V **CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC – KỸ THUẬT TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY**

Bài 12 **NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ** **CỦA CÁCH MẠNG KHOA HỌC - KỸ THUẬT**

A. Phân lý thuyết

I. Những thành tựu chủ yếu của CM KHKT

- Khoa học cơ bản: phát minh lớn trong toán học, vật lý, Hóa học, sinh học (bản đồ gen người, cừu Đô-li ra đời bằng phương pháp nhân bản vô tính).
 - Công cụ sản xuất mới: Máy tính điện tử, máy tự động, hệ thống máy tự động.
 - Năng lượng mới: nguyên tử, năng lượng mặt trời, năng lượng gió
 - Vật liệu mới: Chất dẻo, vật liệu siêu bền, siêu dẫn.
 - Cuộc “cách mạng xanh” trong nông nghiệp.
 - GTVT, thông tin liên lạc có những tiến bộ thần kỳ.
 - Chinh phục vũ trụ: con người bay vào vũ trụ, đặt chân lên mặt trăng.
- => Quy mô nhịp điệu phát triển nhanh chóng và những hệ quả của nó.

B. Phản trắc nghiệm

Câu 1: Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học- kỹ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. kỹ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
- B. khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
- C. sự bùng nổ của các lĩnh vực khoa học - công nghệ.
- D. mọi phát minh kỹ thuật đều bắt nguồn từ sản xuất.

Câu 2: Hạn chế lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật hiện đại là gì?

- A. Nạn khủng bố gây nên tình trạng căng thẳng.
- B. Chế tạo vũ khí hiện đại có sức công phá và hủy diệt lớn.
- C. Gây nên những áp lực lớn trong công việc của người lao động.
- D. Phát minh ra nhiều máy móc đe dọa đến sự mất việc làm của con người.

Câu 3: Ý nghĩa quan trọng nhất của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật lần thứ hai?

- A. Tạo ra khối lượng hàng hóa đồ sộ.
- B. Đưa con người sang nền văn minh trí tuệ.
- C. Thay đổi một cách cơ bản các nhân tố sản xuất.
- D. Sự giao lưu quốc tế ngày càng được mở rộng.

Câu 4: Nguồn gốc sâu xa của hai cuộc cách mạng: cách mạng công nghiệp thế kỷ XVIII – XIX và cuộc cách mạng khoa học - công nghệ thế kỷ XX là

- A. sự bùng nổ dân số.
- B. nhu cầu vật chất và tinh thần của con người.
- C. yêu cầu của việc sáng tạo vũ khí hiện đại.
- D. chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh hạt nhân.

Câu 5: Điểm nào *không* có trong cuộc cách mạng kỹ thuật lần thứ nhất và là đặc trưng riêng của cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ hai?

- A. Mọi phát minh về kỹ thuật đều bắt nguồn từ nguyên cứu khoa học
- B. Mọi phát minh về kỹ thuật đều bắt nguồn từ thực tiễn
- C. Mọi phát minh về kỹ thuật đều dựa vào các ngành khoa học cơ bản
- D. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp

Câu 6: Tại sao gọi là cách mạng khoa học công nghệ?

- A. Cuộc cách mạng chủ yếu diễn ra về kỹ thuật.
- B. Với sự ra đời của các loại máy móc tiên tiến.
- C. Với sự ra đời của hệ thống các công trình kỹ thuật.
- D. Công nghệ trở thành cốt lõi của CM KH- KT.

BÀI 13

TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI TỪ SAU NĂM 1945 ĐẾN NAY

A. Phần lý thuyết

I. Những nội dung chính của lịch sử thế giới từ sau năm 1945 đến nay

1. Hệ thống các nước XHCN.
2. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Châu Á, Châu Phi và MLT (1945 đến nay).
3. Sự phát triển của các nước TBCN: Mĩ, Nhật, Tây Âu.
4. Quan hệ quốc tế (1945 đến nay).
5. Sự phát triển của cuộc cách mạng KH - Kt lần thứ 2 và ý nghĩa lịch sử của nó.

II. Các xu thế phát triển của thế giới ngày nay

- 1945 - 1991: Thế giới chịu sự chi phối của trật tự 2 cực Ianta.

- Từ 1991 đến nay:

- + Trật tự thế giới mới theo chiều hướng đa cực.
- + Các quốc gia điều chỉnh chiến lược lấy kinh tế là trọng điểm.
- + Hòa bình được củng cố nhưng nhiều nơi (Châu Phi, Trung Á...) lại xảy ra các cuộc xung đột, nội chiến.

=> Tuy nhiên, xu thế chung của thế giới hiện nay là hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển.

B. Phần trắc nghiệm

Câu 1: Đặc trưng nổi bật của trật tự thế giới hai cực Ianta là:

- | | |
|---------------------------------|------------------------------|
| A. Thế giới chia thành hai phe. | C. Mĩ đứng đầu một phe. |
| B. Mĩ làm bá chủ. | D. Liên Xô đứng đầu một phe. |

Câu 2: Sau chiến tranh lạnh xu thế chủ đạo của tình hình thế giới là

- | | |
|------------------------|----------------------------|
| A. Hòa bình. | C. Hòa bình và ổn định. |
| B. Hợp tác phát triển. | D. Đối thoại và thỏa hiệp. |

Câu 3: Kết quả của phong trào giải phóng dân tộc sau chiến tranh TG thứ 2:

- | | |
|-------------------------------------|---------------------------------------|
| A. Pháp rút khỏi Đông Dương. | B. Các nước Đông Nam Á độc lập. |
| C. Hơn 100 quốc gia độc lập ra đời. | D. Chế độ phân biệt chủng tộc sụp đổ. |

Câu 4: Nhân tố hàng đầu chi phối nền chính trị thế giới từ sau năm 1945 – 1991 là do

- | | |
|-------------|-------------------------------|
| A. Mĩ. | C. Đặc trưng hai cực hai phe. |
| B. Liên Xô. | D. Liên Xô và Mĩ. |

Câu 5: Dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật, xu hướng phát triển của các nước tư bản hiện nay là gì?

- A. Tập trung nghiên cứu, phát minh và bán bản quyền thu lợi nhuận.
- B. Liên kết kinh tế khu vực để tăng sức cạnh tranh.
- C. Đầu tư nhiều cho giáo dục để đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao.
- D. Mở rộng quan hệ hợp tác với tất cả các nước trên thế giới.

Câu 6: Vì sao sau chiến tranh lạnh, quan hệ giữa các nước lớn theo chiều hướng đối thoại, thỏa hiệp, tránh xung đột trực tiếp?

- A. Các nước đều trong tình trạng thăm dò tiềm lực lẫn nhau.
- B. Mọi sự đối đầu và xung đột sẽ làm họ mất nhiều cơ hội trong thời đại toàn cầu hóa.
- C. Muốn tạo ra môi trường quốc tế thuận lợi để vươn lên, xác lập vị thế quốc tế.
- D. Các nước lớn muốn cạnh tranh với nhau trên các lĩnh vực kinh tế - và quân sự.

Câu 7: Trong giai đoạn sau Chiến tranh lạnh, các cường quốc điều chỉnh quan hệ theo xu hướng đối thoại, thỏa hiệp, tránh xung đột trực tiếp chủ yếu là do

- A. tác động tích cực của các tập đoàn tư bản đối với nền chính trị.
- B. muốn có điều kiện thuận lợi để vươn lên xác lập vị thế quốc tế.
- C. các tổ chức chính trị tăng cường can thiệp vào quan hệ quốc tế.
- D. hoạt động hiệu quả của các tổ chức liên kết thương mại quốc tế.

BÀI 13

BÀI TẬP LỊCH SỬ TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI TỪ SAU NĂM 1945 ĐẾN NAY

Câu 1: Đặc trưng nổi *bật nhất* của tình hình thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. phong trào giải phóng dân tộc diễn ra mạnh mẽ ở các nước Á, Phi và Mỹ Latinh.
- B. Mỹ vươn lên trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất.
- C. thế giới bị chia làm hai phe - tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.
- D. Chủ nghĩa xã hội trở thành một hệ thống thế giới.

Câu 2: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới giành được thắng lợi cơ bản nào?

- A. Chế độ phân biệt chủng tộc (Apacthai) bị xóa bỏ.
- B. Nhiều quốc gia tuyên bố độc lập và có vai trò to lớn trong đời sống kinh tế, chính trị thế giới.
- C. Làm sụp đổ hoàn toàn hệ thống chủ nghĩa thực dân và chế độ phân biệt chủng tộc.
- D. Làm suy yếu hệ thống chủ nghĩa đế quốc trên thế giới.

Câu 3: Ý nào *không* phải là chuyển biến quan trọng của chủ nghĩa đế quốc nửa sau thế kỉ XX?

- A. Mỹ trở thành nước giàu mạnh nhất thực hiện chiến lược toàn cầu nhằm mưu đồ bá chủ thế giới.
- B. Sự phát triển kinh tế các nước tư bản dẫn đến hình thành trung tâm kinh tế lớn của thế giới.
- C. Cách mạng khoa học – kĩ thuật, xuất hiện liên nhiều tổ chức hợp tác kinh tế, chính trị lớn.
- D. Ba trung tâm kinh tế Mỹ – Tây Âu – Nhật Bản vươn lên lũng đoạn thị trường thế giới.

Câu 4: Ý nào sau đây *không* phản ánh xu thế phát triển chính của thế giới ngày nay

- A. các quốc gia đều ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển lấy kinh tế làm trọng tâm.
- B. các nước lớn có sự điều chỉnh quan hệ theo chiều hướng đối thoại, thỏa hiệp, tránh xung đột trực tiếp.
- C. trong quan hệ quốc tế dần hình thành một trật tự thế giới mới – trật tự thế giới đơn cực, do Mỹ đứng đầu.
- D. xu thế toàn cầu hóa diễn ra ngày càng mạnh mẽ.

Câu 5: Ảnh hưởng của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ đến quan hệ quốc tế như thế nào?

- A. Tạo ra xu thế toàn cầu hóa, tăng cường khả năng giao lưu, trao đổi và hợp tác quốc tế.
- B. Tạo ra cuộc cạnh tranh quyết liệt về công nghệ giữa các nước.
- C. Giúp các nước xích lại gần nhau nhờ các phương tiện giao thông và thông tin liên lạc.
- D. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

Câu 6: Đảng ta nhận định như thế nào về tác động của xu thế toàn cầu hóa đối với Việt Nam?

- A. Xu thế toàn cầu hóa là một cơ hội lớn để Việt Nam vươn lên, hiện đại hóa đất nước.
- B. Xu thế toàn cầu hóa là một thách thức lớn đối với các nước kém phát triển, trong đó có Việt Nam.
- C. Xu thế toàn cầu hóa là một cơ hội, đồng thời là một thách thức lớn đối với sự phát triển của dân tộc.
- D. Xu thế toàn cầu hóa không có ảnh hưởng lớn gì đến công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Câu 7: Sau năm 1945 thế giới như bị phân thành hai phe, hai cực là do

- A. sự tranh giành quyền lợi giữa các nước thắng trận trong phe đồng minh
- B. do sự xung đột chính trị giữa hai phe XHCN và TBCN
- C. do xu thế muốn vươn lên làm bá chủ thế giới của các siêu cường kinh tế
- D. do Liên Xô chống lại âm mưu chống phá phong trào cách mạng thế giới của Mỹ.

Câu 8: Trong cuộc đối đầu căng thẳng giữa hai siêu cường Xô – Mỹ, những quốc gia được lợi là

- A. các nước thuộc địa.
- B. các nước tư bản là đồng minh của Mỹ.
- C. các nước XHCN anh em của Liên Xô.
- D. các nước trung lập.

Câu 9: Đặc điểm nổi *bật nhất* của Chủ nghĩa xã hội sau chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. trở thành một hệ thống thế giới.
- B. sản xuất ra lượng hàng hóa khổng lồ
- C. khoa học kĩ thuật phát triển vượt bậc.
- D. Làm thất bại chiến lược toàn cầu của Mỹ.

Câu 10: Phong trào giải phóng dân tộc bùng nổ sau chiến tranh thế giới thứ hai vì:

- A. Các nước đế quốc suy yếu về chính trị và kinh tế. B. Có sự ủng hộ và giúp đỡ của Liên Xô.
C. Các nước thuộc địa đã đủ thế và lực. D. Xu thế hòa bình, hợp tác phát triển mạnh.

Câu 11: Biến chuyển rõ nhất của hệ thống chủ nghĩa đế quốc sau chiến tranh thế giới thứ hai

- A. Hệ thống thuộc địa bị thu hẹp trên toàn thế giới.
B. Các nước phátxít bại trận đều quay lại liên minh với Mỹ.
C. Mỹ vươn lên trở thành đế quốc giàu mạnh nhất với mưu đồ thống trị thế giới.
D. Các nước đế quốc tăng cường lực lượng chống Liên Xô.

Câu 12: Dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật, xu hướng phát triển của các nước tư bản hiện nay là gì?

- A. Tập trung nghiên cứu, phát minh và bán bản quyền thu lợi nhuận.
B. Liên kết kinh tế khu vực để tăng sức cạnh tranh.
C. Đầu tư nhiều cho giáo dục để đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao.
D. Mở rộng quan hệ hợp tác với tất cả các nước trên thế giới.

Câu 13: Vì sao sau chiến tranh lạnh, quan hệ giữa các nước lớn theo chiều hướng đối thoại, thỏa hiệp, tránh xung đột trực tiếp?

- A. Các nước đều trong tình trạng thăm dò tiềm lực lẫn nhau.
B. Mọi sự đối đầu và xung đột sẽ làm họ mất nhiều cơ hội trong thời đại toàn cầu hóa.
C. Muốn tạo ra môi trường quốc tế thuận lợi để vươn lên, xác lập vị thế quốc tế.
D. Các nước lớn muốn cạnh tranh với nhau trên các lĩnh vực kinh tế - và quân sự.

Câu 14: Sự xuất hiện của chủ nghĩa li khai, chủ nghĩa khủng bố tác động như thế nào đến xu thế phát triển của thế giới hiện nay

- A. hình thành sự đối đầu giữa chủ nghĩa khủng bố và lực lượng chống khủng bố.
B. tình hình an ninh thế giới bất ổn ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội.
C. Do chính trị bất ổn nên quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa các quốc gia bị phá vỡ.
D. tạo ra cuộc chạy đua vũ trang mới giữa các cường quốc trên thế giới.

Câu 15: Trật tự thế giới hai cực "Ianta" bị chi phối bởi hai cường quốc nào?

- A. Mỹ và Trung Quốc. B. Mỹ và Anh.
C. Mỹ và Đức. D. Mỹ và Liên Xô.

Câu 16: Từ những năm 70 trở đi, tình hình kinh tế Liên Xô như thế nào?

- A. Khủng hoảng trầm trọng. B. Lậm vào tình trạng "trì trệ",
C. Đang đạt mức tăng trưởng. D. Giữ mức phát triển bình thường.

Câu 17: Yếu tố nào dưới đây tác động tới sự thành bại của Mỹ trong nỗ lực vươn lên xác lập trật tự thế giới đơn cực giai đoạn sau Chiến tranh lạnh?

- A. Sự xuất hiện và ngày càng phát triển của các công ty độc quyền.
B. Sự hình thành của các trung tâm kinh tế Tây Âu và Nhật Bản.
C. Tương quan lực lượng giữa các cường quốc trên thế giới.
D. Sự mở rộng không gian địa lý của hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Câu 18: Nguyên nhân có tính chất quyết định nhất đến sự khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu là

- A. xây dựng một mô hình về chủ nghĩa xã hội chưa đúng đắn.
B. chậm sửa chữa, thay đổi trước những biến động của tình hình thế giới.
C. sự tha hóa, biến chất của một số người lãnh đạo Đảng và Nhà nước.
D. do hoạt động chống phá của các thế lực phản cách mạng.

Câu 19: Khu vực nào trên thế giới thường diễn ra tranh chấp về sắc tộc và chiến tranh?

- A. Khu vực Đông Nam Á. B. Khu vực Trung Phi và Đông Phi.
C. Khu vực Trung Đông. D. Khu vực Mỹ La-tinh.

PHẦN II
LỊCH SỬ VIỆT NAM 1919 ĐẾN NAY
CHƯƠNG I
VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1919 – 1930
Bài 14
VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

A. Phân lý thuyết

1. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp

a Nguyên nhân

+ Pháp bị chiến tranh TGT nhất tàn phá nặng nề, kinh tế kiệt quệ -> Khai thác thuộc địa để bù đắp thiệt hại do chiến tranh gây ra.

b. Chương trình khai thác

+ Nông nghiệp: đầu tư vào đồn điền cao su, khai mỏ, tăng diện tích trồng cao su của cả nước.

+ Công nghiệp: Chú trọng khai mỏ,

+ Thương nghiệp: Pháp nắm độc quyền, đánh thuế nặng hàng hoá nhập khẩu.

+ GTVT: đầu tư và phát triển thêm, đường sắt được nối liền nhiều đoạn.

+ Ngân hàng Đông Dương: Pháp chỉ huy.

=> Hạn chế phát triển công nghiệp, tăng cường thủ đoạn bóc lột vơ vét.

II. Các chính sách chính trị, văn hoá, giáo dục.

- Chính trị: Chia để trị, thu tóm mọi quyền hành, cấm đoán mọi quyền tự do dân chủ, thẳng tay đàn áp khủng bố...

- Văn hoá giáo dục: Khuyến khích các hoạt động mê tín dị đoan, tệ nạn xã hội, hạn chế mở trường học.

=> Những chính sách thâm độc, xảo quyệt.

III. Xã hội Việt Nam phân hoá

- *Địa chủ phong kiến*: làm tay sai cho Pháp, áp bức bóc lột nhân dân. Một bộ phận nhỏ có tinh thần yêu nước.

- *Giai cấp tư sản*: Ra đời sau chiến tranh, phân hóa thành hai bộ phận:

Tư sản mại bản và Tư sản dân tộc

- *Tiểu tư sản thành thị*: tăng nhanh về số lượng, bị chèn ép, họ có tinh thần cách mạng.

- *Nông dân*: chiếm 90% dân số, họ bị thực dân, phong kiến áp bức. Họ bị bần cùng hóa, đây là lực lượng đông đảo và hăng hái của cách mạng.

- *Giai cấp công nhân*: ngày càng phát triển, bị áp bức bóc lột, có quan hệ gần bó với nông dân, có truyền thống yêu nước...

=> Công nhân là giai cấp nắm quyền lãnh đạo cách mạng.

B. Phân trắc nghiệm

Câu 1. Mục đích khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam là

A. bù đắp những tổn thất và thiệt hại của Pháp trong Chiến tranh thế giới thứ nhất.

B. bù đắp những thiệt hại của Pháp trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

C. thúc đẩy nền kinh tế tư bản ở Việt Nam phát triển.

D. để tăng cường sức mạnh về kinh tế của Pháp đối với các nước tư bản chủ nghĩa.

Câu 2. Điểm mới nhất trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam là

A. vơ vét triệt để nguồn tài nguyên ở Đông Dương.

B. đầu tư với quy mô lớn, tốc độ nhanh vào các ngành kinh tế.

D. Việt Nam thành thị trường tiêu thụ hàng hóa cho Pháp.

Câu 3. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam, thực dân Pháp đầu tư vốn nhiều nhất vào lĩnh vực nào?

A. Thương nghiệp B. Giao thông vận tải. C. Công nghiệp D. Nông nghiệp.

Câu 4. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp làm nền kinh tế Việt Nam có bước phát triển như thế nào?

A. chủ yếu vẫn là nền nông nghiệp lạc hậu, mất cân đối và lệ thuộc vào kinh tế Pháp.

- B. phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa.
- C. có yếu tố tư bản chủ nghĩa nhưng vẫn là nền nông nghiệp lạc hậu.
- D. là nền nông nghiệp phát triển.

Câu 5: Mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là

- A. mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và bọn tay sai.
- B. mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân với địa chủ phong kiến.
- C. mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân với thực dân Pháp và giai cấp tư sản.
- D. mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản dân tộc với tư sản người Pháp.

Câu 6: Vì sao trong thương nghiệp thực dân Pháp đánh thuế nặng những mặt hàng ngoại nhập vào thị trường Việt Nam?

- A. cản trở sự xâm nhập của hàng hóa nước ngoài.
- B. độc chiếm thị trường Việt Nam và Đông Dương.
- C. tạo điều kiện cho thương nghiệp Đông Dương phát triển.
- D. tạo sự cạnh tranh hàng hóa các nước nhập vào Đông Dương.

Câu 7: Vì sao tư bản Pháp hạn chế phát triển công nghiệp nặng ở Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919 – 1929)?

- A. Vì phải đầu tư nhiều tiền.
- B. muốn biến Việt Nam thành thị trường riêng của Pháp.
- C. Vì phải đầu tư lớn về vốn và kĩ thuật.
- D. Kinh tế Việt Nam chậm phát triển, lệ thuộc kinh tế Pháp.

Câu 8: Các phong trào đấu tranh của giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam trong những năm 1919 - 1925 nhằm mục đích gì?

- A. đòi quyền lợi kinh tế cho bộ phận giai cấp mình, đòi một số quyền tự do dân chủ .
- B. đấu tranh đòi đánh đổ chế độ phong kiến, thiết lập chính quyền của giai cấp tư sản.
- C. đấu tranh đòi đánh đổ đế quốc Pháp và chính quyền phong kiến tay sai.
- D. đòi chính quyền thuộc địa cải thiện đời sống cho nhân dân thuộc địa.

Câu 9: Tính chất của cuộc đấu tranh chống độc quyền của tư bản Pháp ở cảng Sài Gòn và độc quyền xuất cảng lúa gạo ở Nam Kỳ năm 1923 là

- A. cuộc vận động chính trị, tập hợp lãnh đạo quần chúng đấu tranh của giai cấp tư sản Việt Nam.
- B. cuộc xung đột về quyền lợi của tư sản Việt Nam với tư sản Pháp.
- C. cuộc đấu tranh ủng hộ hàng nội, bài trừ hàng ngoại.
- D. sự kiện mở đầu cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc theo khuynh hướng dân chủ tư sản.

Câu 10: Vì sao tác phẩm “Bản án chế độ thực dân Pháp” của Nguyễn Ái Quốc, xuất bản năm 1925 tại Pari đã trở nên nổi tiếng?

- A. Lên án tội ác của Pháp và kêu gọi quần chúng đấu tranh.
- B. Tác phẩm đã buộc Pháp phải thỏa hiệp.
- C. Một tác phẩm được nhiều người quan tâm đến.
- D. Tác phẩm chính trị của Nguyễn Ái Quốc.

Câu 11: Trong những năm 1925 - 1926, ở nước ta diễn ra sự kiện nổi bật nhất là

- A. nhân dân xuống đường mít tinh kỉ niệm sự kiện Phạm Hồng Thái ám sát toàn quyền Đông Dương.
- B. cuộc đấu tranh đòi Pháp trả tự do cho Phan Bội Châu, truy điệu để tang Phan Châu Trinh.
- C. mít tinh, biểu tình ủng hộ Phan Châu Trinh viết “Thất điều trần” vạch tội vua Khải Định.
- D. giai cấp tư sản và tiểu tư sản, trí thức đòi thực dân Pháp cho xuất bản các loại sách báo tiến bộ.

Câu 12: Thái độ chính trị của giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919 - 1929) của thực dân Pháp là

- A. có tinh thần đấu tranh cách mạng triệt để.
- B. có thái độ phản đối đấu tranh cách mạng.
- C. thái độ không kiên quyết để thỏa hiệp khi Pháp mạnh.
- D. thái độ kiên quyết trong việc đấu tranh chống thực dân Pháp.

BÀI 16 HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC Ở NƯỚC NGOÀI TRONG NHỮNG NĂM 1919 – 1925

A. Phần lý thuyết

I. Nguyễn Ái Quốc ở Pháp (1917 - 1923)

- Cuối 1917 Người trở lại Pháp
- 18/6/ 1919 Người gửi đến hội nghị Véc-xai bản yêu sách của nhân dân An Nam → đòi các quyền tự do, dân chủ, bình đẳng, quyền tự quyết của dt Việt Nam.
- 7/ 1920, Người đọc *sơ thảo luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lê Nin => Tìm thấy con đường GPDT-> CM vô sản.
- 12/1920, tham gia sáng lập Đảng CS Pháp -> Từ chủ nghĩa yêu nước đến CN Mác – Lênin
- 1921, Người sáng lập *hội liên hiệp thuộc địa* ở Pa ri.
- 1922, Sáng lập báo "*Người cùng khổ*", viết bài cho báo "*Nhân đạo*", "*Đời sống công nhân*" và viết cuốn "*Bản án CDTĐ Pháp*".

II. Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô (1923 - 1924)

- 6/1923 Người sang L.Xô dự hội nghị quốc tế nông dân
- 1924, Người dự đại hội V của Quốc tế Cộng sản
- => Người đã chuẩn bị về tư tưởng chính trị cho sự ra đời của Đảng cộng sản VN.

III. Nguyễn Ái Quốc ở Trung Quốc (1924 - 1925)

- 6/1925 Hội VN cách mạng Thanh niên ra đời.
- Hoạt động
- + Mở các lớp huấn luyện chính trị để đào tạo cán bộ
- + Xuất bản báo "*Thanh niên*"
- + Báo thanh niên và những bài giảng chính trị in thành sách "*Đường cách mệnh*" (1927)
- 1928 chủ trương «Vô sản hóa» đưa hội viên vào nhà máy xí nghiệp để truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê nin làm cho phong trào công nhân phát triển.
- => Chuẩn bị tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng.

B. Phần trắc nghiệm

Câu 1: Nhà thơ Chế Lan Viên viết: “Phút khóc đầu tiên là phút Bác Hồ cười”. Câu thơ đó nói lên điều gì?

- A. Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước.
- B. Bác Hồ đọc tuyên ngôn độc lập.
- C. Bác Hồ đọc sơ thảo luận cương của Lênin.
- D. Bác Hồ đưa yêu sách đến Hội nghị Vécxai.

Câu 2: Sự kiện nào đánh dấu Nguyễn ái Quốc bước đầu tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn

- A. Nguyễn Ái Quốc đưa yêu sách đến Hội nghị Vécxai (18/6/1919)
- B. Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (12/1920)
- C. Nguyễn Ái Quốc đọc sơ thảo luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (7/1920)
- D. Nguyễn ái Quốc thành lập tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên(6/1925)

Câu 3: Tác dụng trong quá trình hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến 1925 là gì?

- A. Quá trình chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam
- B. Quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam.
- C. Quá trình thành lập ba tổ chức Cộng sản ở Việt Nam
- D. Quá trình thực hiện chủ trương “Vô sản hóa” để truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam

Câu 4: Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc cùng một số người yêu nước châu Phi thành lập “Hội liên hiệp thuộc địa” ở Pari nhằm mục đích gì?

- A. Đoàn kết các lực lượng cách mạng thế giới chống chủ nghĩa thực dân.
- B. Xuất bản các loại sách báo để truyền bá chủ nghĩa Mac-Lênin về nước.
- C. Kêu gọi nhân dân các nước ủng hộ cách mạng Việt Nam.
- D. Kêu gọi nhân dân các nước ủng hộ CM tháng Mười Nga.

Câu 5: Ngày 11/11/1924 Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (Trung Quốc) nhằm mục đích gì?

- A. viết sách “Đường Kách mệnh”. B. viết sách “Bản án chế độ thực dân Pháp”.
C. trực tiếp lãnh đạo nhân dân Việt Nam tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc.

D. tuyên truyền, giáo dục lý luận, xây dựng tổ chức cách mạng giải phóng dân tộc cho Việt Nam.

Câu 6: Việc xác định con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc chịu ảnh hưởng sâu sắc từ Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, trước hết vì cuộc cách mạng này

- A. là cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới.
B. lật đổ được sự thống trị của tư sản và phong kiến.
C. giải phóng các dân tộc thuộc địa trong đế quốc Nga.
D. giải phóng hoàn toàn giai cấp công nhân và nông dân.

Câu 7: Sự kiện lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc gửi yêu sách đến Hội nghị Vécxai năm 1919 để lại bài học kinh nghiệm gì cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay?

- A. Phải phát huy sức mạnh nội sinh của cả dân tộc, không trông chờ vào sự giúp đỡ từ bên ngoài.
B. Phát biết lợi dụng những sự kiện chính trị nổi tiếng của thế giới để đòi quyền lợi cho Việt Nam.
C. Phải biết kết hợp giữa đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao.
D. Tranh thủ tối đa sự ủng hộ của bè bạn quốc tế.

Câu 8: Vì sao tác phẩm “Bản án chế độ thực dân Pháp” của Nguyễn Ái Quốc, xuất bản năm 1925 tại Pari đã trở nên nổi tiếng?

- B. Lên án tội ác của Pháp và kêu gọi quần chúng đấu tranh.
B. Tác phẩm đã buộc Pháp phải thỏa hiệp.
C. Một tác phẩm được nhiều người quan tâm đến.
D. Tác phẩm chính trị của Nguyễn Ái Quốc.

Câu 9: Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc cùng một số nhà cách mạng yêu nước trên thế giới lập ra tổ chức nào để tập hợp lực lượng chống chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc?

- A. Hội Liên hiệp thuộc địa. B. Báo Người cùng khổ.
C. Đảng Cộng sản Pháp. D. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

Câu 10: Công lao to lớn đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn từ năm 1919 - 1924 là

- A. tìm ra được con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam.
B. truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào trong nước.
C. giác ngộ những thanh niên yêu nước, chuẩn bị về mặt tổ chức cho việc thành lập Đảng.
D. tập hợp lực lượng yêu nước trên thế giới cùng đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.

Câu 11: Hoạt động yêu nước của Nguyễn Tất Thành trong những năm 1911 - 1918 có ý nghĩa như thế nào đối với cách mạng Việt Nam?

- A. Đặt cơ sở cho việc xác định con đường cứu nước mới.
B. Chuẩn bị điều kiện về tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản.
C. Xác định được con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc.
D. Thiết lập mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và thế giới.

BÀI 17

CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRƯỚC KHI ĐẢNG CỘNG SẢN RA ĐỜI

A. Phần lý thuyết

I. Bước phát triển mới của phong trào cách mạng Việt Nam (1926 - 1927)

1. Phong trào công nhân

- Nhiều cuộc đấu tranh của công nhân nổ ra: bãi công của công nhân nhà máy sợi Nam Định, đồn điền cao su Phú Riềng; Cam Tiêm.
- Phong trào mang tính thống nhất toàn quốc và mang tính chính trị, có sự liên kết với nhau.

2. Phong trào đấu tranh của các tầng lớp khác

- Phong trào đấu tranh của nông dân, TTS và các tầng lớp nhân dân đã kết thành 1 làn sóng chính trị khắp cả nước.

II. Tân Việt cách mạng Đảng (7 /1928)

1. Thành lập

- 7/1928 Tân Việt cách mạng Đảng ra đời.
- Thành phần: những trí thức trẻ và thanh niên yêu nước.
- Địa bàn: Chủ yếu ở Trung Kỳ.

2. Hoạt động

- + Cử người sang dự các lớp huấn luyện của hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.
- + Nội bộ diễn ra cuộc đấu tranh giữa hai xu hướng vô sản và tư sản, vô sản chiếm ưu thế.
- + Một số đảng viên tiên tiến chuyển sang Hội VNCMTN, tích cực chuẩn bị thành lập Đảng

III. Ba tổ chức cộng sản nối tiếp nhau ra đời trong năm 1929

1. Hoàn cảnh

- Cuối 1928 đầu 1929 phong trào dân tộc, dân chủ ở trong nước phát triển mạnh đòi hỏi phải có một đảng cộng sản để lãnh đạo cách mạng nước ta.

2. Quá trình thành lập

- 3/1929, chi bộ Cộng sản đầu tiên được thành lập tại số nhà 5D phố Hàm Long (Hà Nội) tích cực chuẩn bị thành lập Đảng.
 - 5/1929 đoàn đại biểu Bắc Kỳ đề nghị thành lập Đảng Cộng sản nhưng không được chấp nhận họ bỏ Đại hội về nước.
 - 17/6/1929 Đông Dương cộng sản Đảng thành lập ở Bắc kì; ra báo Búa liềm làm cơ quan ngôn luận.
 - 8/1929, An Nam cộng sản Đảng thành lập ở Nam Kỳ; ra báo Đỏ làm cơ quan ngôn luận.
 - Tháng 9/1929, Đông Dương cộng sản liên đoàn được thành lập tại Trung kỳ.
- => Ý nghĩa: Sự ra đời của ba tổ chức Cộng sản phản ánh xu thế phát triển tất yếu khách qua của cuộc vận động giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản.

B. Phần trắc nghiệm

Câu 1: Hãy nêu rõ thành phần và địa bàn hoạt động của Tân Việt cách mạng đảng?

- A. Trí thức trẻ và thanh niên tiểu tư sản, hoạt động ở Trung Kì.
- B. Công nhân và nông dân, hoạt động ở Trung Kì.
- C. Tư sản dân tộc, công nhân, hoạt động ở Bắc Kì.
- D. Tất cả các giai cấp và tầng lớp, hoạt động ở Nam Kì.

Câu 2: Tân Việt cách mạng đảng đã phân hóa như thế nào dưới tác động của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên?

- A. Một số đảng viên tiên tiến chuyển sang Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.
- B. Tích cực chuẩn bị tiến tới thành lập một chính đảng kiểu mới theo chủ nghĩa Mác – Lênin.
- C. Một số gia nhập vào Việt Nam quốc dân đảng.
- D. Tiến tới thành lập một chính đảng của giai cấp tư sản Việt Nam.

Câu 3: Những tổ chức chính trị như: Việt Nam Nghĩa đoàn, Hội Phục Việt, Hội Hưng Nam, Đảng Thanh Niên là tiền thân của tổ chức nào?

A. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

B. Việt Nam quốc dân đảng.

C. Tân Việt cách mạng đảng.

D. Đông Dương Cộng sản đảng.

Câu 4: Xu hướng bạo động và xu hướng cải cách trong phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX đều

A. do giai cấp tư sản khởi xướng và lãnh đạo.

B. không bị động trông chờ vào sự giúp đỡ từ bên ngoài.

C. xuất phát từ truyền thống yêu nước của dân tộc.

D. có sự kết hợp nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến.

Câu 5: Một trong những nguyên nhân thất bại của phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX là

A. phong trào còn mang nặng tính tự phát.

B. chưa sử dụng nhiều phương pháp đấu tranh.

C. không gắn cứu nước với canh tân đất nước.

D. thiếu sự lãnh đạo của một giai cấp tiên tiến.

Câu 6: Trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), phong trào công nhân Việt Nam có đặc điểm gì?

A. Bước đầu chuyển sang tự giác.

B. Mang tính tự giác.

C. Chuyển dần sang tự giác.

D. Mang tính tự phát.

Câu 7: Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản trong năm 1929 ở Việt Nam có ý nghĩa gì?

A. Phản ánh xu thế khách quan cuộc vận động giải phóng dân tộc ở Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản.

B. Báo hiệu thời cơ cách mạng đã đến, dân tộc Việt Nam nhất tề đứng lên tổng khởi nghĩa.

C. Phản ánh cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hướng vô sản và tư sản và sự thất bại của khuynh hướng cứu nước theo con đường dân chủ tư sản.

D. Phong trào đấu tranh của các tầng lớp theo khuynh hướng dân chủ tư sản phát triển mạnh.

Câu 8: Một trong những nguyên nhân thất bại của phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX là

A. phong trào còn mang nặng tính tự phát.

B. chưa sử dụng nhiều phương pháp đấu tranh.

C. thiếu sự lãnh đạo của một giai cấp tiên tiến.

D. không gắn cứu nước với canh tân đất nước.

Câu 9: Hoạt động *tiêu biểu* của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên khi mới ra đời là

A. tập hợp lực lượng.

B. xây dựng cơ sở trong nước.

C. xây dựng cơ sở trong kiều bào.

D. mở lớp đào tạo cán bộ cách mạng.

Câu 10: Sự ra đời và hoạt động của 3 tổ chức cộng sản ở Việt Nam năm 1929 có hạn chế nào?

A. Làm phong trào cách mạng Việt Nam chậm phát triển.

B. Ngăn cản sự đoàn kết lực lượng cách mạng Việt Nam.

C. Tranh giành phạm vi ảnh hưởng của tổ chức đảng với nhau.

D. Làm mất đoàn kết, ảnh hưởng không tốt đến cách mạng Việt Nam.

Câu 11: Năm 1929, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên phân liệt thành các tổ chức cộng sản

A. Tân Việt và Đông Dương Cộng sản đảng.

B. Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng.

C. Việt Nam Quốc dân Đảng và Đông Dương Cộng sản đảng.

D. Đông Dương Cộng sản đảng và Đông Dương cộng sản liên đoàn.

Câu 12: Sự kiện lịch sử nào dưới đây đánh dấu khuynh hướng cách mạng vô sản thắng thế, giành quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam?

A. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên ra đời.

B. Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập.

C. Tân Việt Cách mạng đảng bị phân hoá.

D. Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản.

CHƯƠNG II
VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1930 - 1939
BÀI 18
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI

A. Phần lý thuyết

I. Hội nghị thành lập Đảng cộng sản Việt Nam (3/2/1930)

1. Hoàn cảnh

- Năm 1929, Ba tổ chức cộng sản ra đời, hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng của nhau.
- => Yêu cầu phải có một Đảng thống nhất để lãnh đạo cách mạng VN.
- Dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị tiến hành họp từ ngày 3->7/2/1930 tại Cửu Long - Hương Cảng (Trung Quốc)

2. Nội dung

- Hợp nhất ba tổ chức cộng sản thành Đảng duy nhất lấy tên Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo
- => Đây là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Ý nghĩa: Hội nghị có ý nghĩa như một đại hội thành lập Đảng.

II. Luận cương chính trị (10/1930)

- 10/1930 Hội nghị lần thứ nhất Ban chấp hành trung ương lâm thời họp tại Hương Cảng (Trung Quốc)
- + Thông qua Luận cương chính trị.
- + Đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng cộng sản Đông Dương.
- Nội dung
- + Cách mạng Việt Nam lúc đầu làm cách mạng tư sản dân quyền sau đó bỏ qua thời kì tư bản chủ nghĩa, tiến thẳng lên XHCN.
- + Đảng phải vận động quần chúng phải liên lạc với vô sản và các dân tộc thuộc địa nhất là vô sản Pháp.

III. Ý nghĩa thành lập Đảng

- Là kết quả của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp ở Việt Nam, là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác Lê-nin với phong trào công nhân và PT yêu nước VN
- Là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử CMVN, chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về giai cấp lãnh đạo cách mạng.
- Cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận của cách mạng thế giới.

B. Phần trắc nghiệm

Câu 1: Tư tưởng cốt lõi của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (2/1930) do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo là gì?

- | | |
|------------------------|--|
| A. Độc lập, tự do. | B. Độc lập, tự do, hạnh phúc. |
| C. Người cày có ruộng. | D. Đánh đổ đế quốc Pháp và phong kiến tay sai. |

Câu 2: Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt và Điều lệ vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng được xem là

- A. văn kiện của Đảng.
- B. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- C. tài liệu chính trị đặc biệt của Đảng.
- D. nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 3: Lực lượng của cách mạng Việt Nam được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (3/2/1930) là

- A. công nhân, nông dân, đại địa chủ phong kiến, tư sản mại bản.
- B. công nhân, tư sản dân tộc, trí thức, phú nông.
- C. công nhân, nông dân và địa chủ yêu nước, trung và tiểu địa chủ.
- D. công, nông, tiểu tư sản trí thức, phú nông, trung, tiểu địa chủ, tư sản dân tộc

Câu 4: Sự kiện nào dưới đây đánh dấu bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam?

- A. thành lập Đông Dương Cộng sản đảng. B. thành lập An Nam Cộng sản đảng.
C. thành lập Đông Dương Cộng sản liên đoàn. D. thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 5: Nội dung nào thể hiện tính *đúng đắn* của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng?

- A. Đánh giá đúng khả năng lãnh đạo của giai cấp công nhân.
B. Thể hiện rõ tinh thần quốc tế vô sản.
C. Tạo ra mối liên hệ gắn bó giữa công nhân và nông dân.
D. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Câu 6: Vì sao Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng xác định giai cấp công nhân là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam?

- A. giai cấp công nhân là lực lượng đông đảo. B. công nhân có ý thức quyền lợi giai cấp.
C. có tinh thần cách mạng triệt để. D. lực lượng đại diện cho phương thức sản xuất mới.

Câu 7: Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản 2/1930?

- A. Đào tạo thanh niên giác ngộ cách mạng.
B. Truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.
C. Soạn thảo Luận cương chính trị đầu tiên để Hội nghị thông qua.
D. Chủ trì Hội nghị, soạn thảo Chính cương, Sách lược văn tắt.

Câu 8: Nội dung nào thể hiện tính *đúng đắn* của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng?

- A. Đánh giá đúng khả năng lãnh đạo của giai cấp công nhân.
B. Thể hiện rõ tinh thần quốc tế vô sản.
C. Tạo ra mối liên hệ gắn bó giữa công nhân và nông dân.
D. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Câu 9: Vì sao Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng xác định giai cấp công nhân là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam?

- A. giai cấp công nhân là lực lượng đông đảo.
B. công nhân có ý thức quyền lợi giai cấp.
C. giai cấp công nhân có tinh thần Cách mạng triệt để.
D. lực lượng đại diện cho phương thức sản xuất mới.

Câu 10: Sự ra đời và hoạt động của 3 tổ chức cộng sản ở Việt Nam năm 1929 có hạn chế nào?

- A. Làm phong trào cách mạng Việt Nam chậm phát triển.
B. Ngăn cản sự đoàn kết lực lượng cách mạng Việt Nam.
C. Tranh giành phạm vi ảnh hưởng của tổ chức đảng với nhau.
D. Làm mất đoàn kết, ảnh hưởng không tốt đến cách mạng Việt Nam.

Câu 11: Vì sao nói Đảng cộng sản Việt Nam ra đời (3/2/1930) là sự chuẩn bị đầu tiên có tính quyết định cho bước phát triển nhảy vọt mới của cách mạng Việt Nam?

- A. Đáp ứng căn bản nguyện vọng của các giai cấp trong xã hội Việt Nam.
B. Chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo cách mạng.
C. Lãnh đạo nhân dân Việt Nam Tổng khởi nghĩa tháng Tám thành công.
D. Đề ra đường lối chính trị đúng đắn và hệ thống tổ chức chặt chẽ.

Câu 12: Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam cuối năm 1929 là

- A. bước ngoặt của phong trào cách mạng Việt Nam.
B. bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam.
C. xu thế khách quan của cuộc vận động giải phóng dân tộc.
D. bước chuẩn bị trực tiếp cho sự ra đời của chính đảng Cộng sản sau này.

Câu 13: Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam (2/1930) có điểm gì *khác* so với Luận cương chính trị (10/1930) của Đảng Cộng sản Đông Dương?

- A. Khẳng định vai trò lãnh đạo thuộc về chính đảng vô sản.
B. Xác định được công nhân và nông dân là lực lượng cách mạng.
C. Đánh giá đúng khả năng chống đế quốc của giai cấp bóc lột.
D. Xác định đúng nhiệm vụ cách mạng là đánh đổ đế quốc.

BÀI 19

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG TRONG NHỮNG NĂM 1930 – 1935

A. Phần lý thuyết

I. Việt Nam trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933)

* **Kinh tế:** Chịu hậu quả nặng nề về công nông nghiệp và thương nghiệp.

* **Xã hội:** Đời sống mọi giai cấp tầng lớp đều bị ảnh hưởng.

- Thực dân Pháp: Tăng sưu thuế, đẩy mạnh khủng bố, đàn áp.

=> Làm cho tinh thần cách mạng của nhân dân càng lên cao.

II. Phong trào cách mạng 1930 - 1931 với đỉnh cao Xô Viết Nghệ Tĩnh

1. Phong trào toàn quốc

Tháng 2 -> 5/1930: diễn ra nhiều cuộc đấu tranh của công nhân và nông dân trên cả nước tiêu biểu là ở Nghệ An – Hà Tĩnh.

2. Phong trào ở Nghệ Tĩnh

- Tháng 9/1930, phong trào phát triển đến đỉnh cao với những cuộc đấu tranh quyết liệt như biểu tình có vũ trang, tấn công cơ quan chính quyền địch.

- 12/9/1930 biểu tình của 8000 nông dân Hưng Nguyên (Nghệ An)

- Kết quả:

+ Chính quyền của thực dân phong kiến tan rã nhiều nơi.

+ Chính quyền Xô Viết được thành lập.

- Chính quyền cách mạng kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng, bãi bỏ các thứ thuế, thực hiện quyền tự do dân chủ, chia lại ruộng đất cho nhân dân...

=> Xô Viết Nghệ Tĩnh là chính quyền kiểu mới chính quyền của dân do dân và vì dân.

B. Phần trắc nghiệm

Câu 1: Trong cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933) Việt Nam phải gánh chịu hậu quả nặng nề như thế nào?

A. Pháp đã trút gánh nặng của cuộc khủng hoảng kinh tế lên nhân dân các nước thuộc địa.

B. Kinh tế Việt Nam phụ thuộc vào kinh tế Pháp.

C. Kinh tế Việt Nam rất què quặt, lạc hậu.

D. Việt Nam có nhiều nguồn tài nguyên phong phú và công nhân rẻ mạt.

Câu 2: Ngày 1/5/1930, ở Việt Nam diễn ra sự kiện gì?

A. Lần đầu tiên giai cấp công nhân Việt Nam tổ chức mít tinh quy mô lớn.

B. Lần đầu tiên giai cấp công nhân Việt Nam biểu tình kỉ niệm ngày Quốc tế Lao động, thể hiện tình đoàn kết cách mạng với nhân dân lao động thế giới.

C. Các tầng lớp nhân dân lao động tổ chức cuộc mít tinh ở Quảng trường Đấu Xảo (Hà Nội).

D. Lần đầu tiên cờ đỏ búa liềm xuất hiện trong các cuộc đấu tranh của giai cấp nông dân Việt Nam.

Câu 3: Sự khác biệt giữa phong trào đấu tranh của nông dân Nghệ - Tĩnh với phong trào đấu tranh cả nước trong năm 1930 là

A. các cuộc biểu tình của nông dân đòi cải thiện đời sống.

B. nông dân đấu tranh chưa có khẩu hiệu cụ thể.

C. nông dân đấu tranh bằng lực lượng chính trị.

D. những cuộc đấu tranh của nông dân có vũ trang tự vệ.

Câu 4: Phong trào đấu tranh ở Nghệ - Tĩnh sau ngày 12/9/1930 đã dẫn đến hiện tượng gì?

A. Nâng mục tiêu đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế lên đấu tranh lật đổ đế quốc và phong kiến tay sai.

B. Chính quyền tay sai ở cấp thôn, xã tích cực hỗ trợ thực dân Pháp đàn áp và khủng bố phong trào.

C. Chính quyền của đế quốc phong kiến bị tê liệt và tan rã ở nhiều nơi.

D. Đảng đã phát động nhân dân đấu tranh vũ trang giành chính quyền thắng lợi.

Câu 5: Khối liên minh công - nông ở Việt Nam được hình thành từ khi nào?

A. Từ trong phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh. B. Trong phong trào công nhân 1930 - 1931.

C. Từ trong phong trào cách mạng 1930 - 1931. D. Trong phong trào dân tộc dân chủ 1926 - 1930.

Câu 6: Nguyên nhân cơ bản nhất quyết định sự bùng nổ phong trào cách mạng 1930 - 1931 là

- A. ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933).
- B. thực dân Pháp khủng bố dã man những người yêu nước sau thất bại của khởi nghĩa Yên Bái.
- C. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời, kịp thời lãnh đạo quần chúng công - nông cả nước đấu tranh.
- D. địa chủ phong kiến cấu kết với thực dân Pháp đàn áp, bóc lột thậm tệ đối với nông dân.

Câu 7: Điều gì chứng tỏ rằng: Từ tháng 9/1930 trở đi phong trào cách mạng 1930 - 1931 dần dần đạt tới đỉnh cao?

- A. Phong trào diễn ra sôi nổi, rộng khắp trong cả nước.
- B. Sử dụng hình thức vũ trang khởi nghĩa và thành lập chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh.
- C. Vấn đề ruộng đất của nông dân được giải quyết triệt để.
- D. Đã thực hiện được liên minh công nông vững chắc.

Câu 8: Chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh đã tỏ rõ bản chất cách mạng của mình: Đó là chính quyền của dân, do dân và vì dân. Tính chất nào dưới đây *không* phải là bản chất của Chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh?

- A. Thực hiện các quyền tự do dân chủ.
- B. Xóa bỏ các tập tục lạc hậu, xây dựng đời sống mới.
- C. Chia ruộng đất công cho dân cày nghèo, bãi bỏ các thứ thuế vô lý.
- D. Mở lớp dạy chữ Hán cho các tầng lớp nhân dân.

Câu 9: Điểm nổi bật *nhất* trong phong trào cách mạng 1930 - 1931 là gì?

- A. Vai trò lãnh đạo của Đảng và liên minh công nông.
- B. Thành lập được đội quân chính trị đông đảo của quần chúng.
- C. Đảng được tập dượt trong thực tiễn lãnh đạo đấu tranh.
- D. Quần chúng được tập dượt đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Câu 10: Đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 - 1931?

- A. Cuộc biểu tình của nông dân huyện Hưng Nguyên (Nghệ An).
- B. Chính quyền Xô viết được thành lập ở Nghệ An và Hà Tĩnh.
- C. Cuộc đấu tranh của công nhân Vinh - Bến Thủy.
- D. Biểu tình của công nhân kỉ niệm ngày Quốc tế Lao động 1/5/1930.

Câu 11: Khẩu hiệu đấu tranh nào được Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra trong phong trào cách mạng (1930 - 1931)?

- A. “Tự do dân chủ, cơm áo hòa bình”.
- B. “Độc lập dân tộc và người cày có ruộng”.
- C. “Giảm tô, giảm thuế và người cày có ruộng”.
- D. “Chống đế quốc và chống phát xít”.

Câu 12: Phong trào cách mạng Việt Nam 1930 - 1931 để lại bài học kinh nghiệm gì cho Cách mạng tháng Tám năm 1945?

- A. Sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng để giành chính quyền.
- B. Kết hợp các hình thức đấu tranh bí mật, công khai và hợp pháp.
- C. Đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền.
- D. Thành lập ở mỗi nước Đông Dương một hình thức mặt trận riêng.

Câu 13: Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933) dẫn đến hậu quả gì cho giai cấp nông dân Việt Nam?

- A. Nông dân phải chịu cảnh thuế cao.
- B. Nông dân bị bán cùng hóa.
- C. Nông dân phải vay nợ nặng lãi.
- D. Nông dân bị chiếm đoạt ruộng đất.

Câu 14: Điểm mới của phong trào cách mạng 1930 - 1931 so với các phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam trước năm 1930 là

- A. đã thành lập được chính phủ cách mạng lâm thời.
- B. Đảng Cộng sản lãnh đạo, thành lập được chính quyền Xô viết.
- C. giai cấp công nhân đã chuyển từ đấu tranh tự phát sang tự giác.
- D. đã lật đổ được chính quyền thực dân phong kiến.

Câu 15: Hậu quả *lớn nhất* của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933) gây ra cho xã hội Việt Nam là

- A. nhiều công nhân bị sa thải.
- B. hàng hóa khan hiếm, giá cả đắt đỏ.
- C. người có việc làm thì đồng lương ít ỏi.
- D. tình trạng đói khổ của các tầng lớp nhân dân.

BÀI 20

CUỘC VẬN ĐỘNG DÂN CHỦ NHỮNG NĂM 1936 – 1939

A. Phần lý thuyết

I. Tình hình thế giới, trong nước

1. Thế giới

- CN phát xít xuất hiện đe dọa nền dân chủ và hoà bình thế giới.
- Đại hội VII của quốc tế cộng sản (7/1935) họp chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất ở các nước chống PX, chống chiến tranh
- 1936, chính phủ mặt trận nhân dân Pháp cầm quyền, thực hiện 1 số cải cách TD, DC cho các nước thuộc địa, trong đó có VN.

2. Trong nước

- Cuộc khủng hoảng đã tác động sâu sắc đến mọi giai cấp và tầng lớp trong xã hội.
- Thực dân phản động thuộc địa và tay sai tiếp tục chính sách vơ vét, bóc lột, khủng bố cách mạng.

II. Mặt trận dân chủ Đông Dương và phong trào đấu tranh đòi tự do dân chủ.

1. Chủ trương của Đảng

- Kẻ thù trước mắt của nhân dân ĐD là bọn TD phản động Pháp và bè lũ tay sai.
- Tạm gác khẩu hiệu: "Đánh đổ đế quốc Pháp, Đông Dương hoàn toàn độc lập" ; "Tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày."
- Nhiệm vụ trước mắt: Chống phát xít, chống chiến tranh đòi " tự do, dân chủ, cơm áo, hoà bình".
- Chủ trương thành lập mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương (1936) sau đổi thành mặt trận dân chủ Đông Dương (3/1938)

2. Hình thức và phương pháp đấu tranh

- Phương pháp đấu tranh: Hợp pháp nửa hợp pháp; công khai và mở cửa công khai
- Hình thức phong phú: (Đông Dương đại hội, phong trào đấu tranh công khai, mít tinh biểu tình đấu tranh báo trí công khai, đấu tranh nghị trường...)

III. Ý nghĩa của phong trào

- Là một cao trào dân tộc dân chủ rộng lớn. Uy tín của Đảng ngày càng cao trong quần chúng.
- Chủ nghĩa Mác Lê Nin và đường lối chính sách của Đảng được truyền bá sâu rộng trong quần chúng, giáo dục, vận động, tổ chức quần chúng đấu tranh.
- Đảng đào tạo đội quân chính trị đông đảo cho cách mạng tháng 8/1945.

B. Phần trắc nghiệm

Câu 1: Đại hội VII Quốc tế Cộng sản (7/1935) xác định nhiệm vụ trước mắt của cách mạng thế giới là

- | | |
|------------------------------|--------------------------------------|
| A. chống chủ nghĩa đế quốc. | B. chống chủ nghĩa phát xít. |
| C. chống chủ nghĩa thực dân. | D. chống chế độ phản động thuộc địa. |

Câu 2: Phương pháp đấu tranh cách mạng thời kì (1936 - 1939) là sự kết hợp

- A. công khai, bí mật và đấu tranh vũ trang. B. đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang, bất hợp pháp.

- C. hợp pháp, bất hợp pháp, đấu tranh chính trị. D. công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp.

Câu 3: Mục tiêu đấu tranh trong giai đoạn (1936 - 1939) được Đảng ta xác định là gì?

- | | |
|--|--|
| A. Đánh đổ đế quốc - phát xít. | B. Độc lập dân tộc và người cày có ruộng. |
| C. Tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo, hòa bình. | D. Đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng dân tộc. |

Câu 4: Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (7/1936) chủ trương thành lập mặt trận nào sau đây?

- A. Mặt trận Việt Nam độc lập Đồng minh.
- B. B. Mặt trận thống nhất dân chủ Đông Dương.
- C. Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương.
- D. Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

Câu 5: Trong giai đoạn 1936 - 1939, nhân dân Việt Nam chưa thực hiện được nhiệm vụ

- A. đòi các quyền tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.
- B. chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít.
- C. kết hợp các hình thức đấu tranh công khai và bí mật.
- D. giành độc lập dân tộc và cách mạng ruộng đất.

Câu 6: Nhân tố nào làm cho phong trào dân chủ (1936 - 1939) thu hút được sự hưởng ứng của đông đảo các tầng lớp nhân dân?

- A. Sự xuất hiện của chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh.
- B. Quần chúng đã được tuyên truyền và giác ngộ cao về chính trị.
- C. Đảng đã có mục tiêu, phương pháp và khẩu hiệu đấu tranh phù hợp.
- D. Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp nói lỏng một số chính sách tiền bộ.

Câu 7: Vì sao trong phong trào dân chủ 1936 - 1939, Đảng Cộng sản Đông Dương có sự điều chỉnh về đường lối và phương pháp đấu tranh?

- A. Tương quan lực lượng giữa ta và địch có sự thay đổi lớn.
- B. Hoàn cảnh thế giới và trong nước thay đổi so với trước.
- C. Sự nhảy vọt với thời cuộc của Đảng Cộng sản Đông Dương.
- D. Thực dân Pháp đàn áp dã man phong trào đấu tranh của nhân dân ta.

Câu 8: Mục đích chủ yếu của Đảng khi tổ chức phong trào đón phái viên Gôđa vào năm 1937 là

- A. tập dợt lực lượng cách mạng.
- B. thức tỉnh quần chúng đấu tranh.
- C. biểu dương sức mạnh quần chúng.
- D. đưa ra những yêu sách dân sinh, dân chủ.

Câu 9: Hình thức đấu tranh *mới* nào được Đảng vận dụng trong phong trào dân chủ (1936 - 1939)?

- A. Mít tinh, hội họp.
- B. Mít tinh, biểu tình đòi quyền sống.
- C. Đấu tranh nghị trường, đấu tranh báo chí.
- D. Biểu tình có vũ trang, tổng bãi công chính trị.

Câu 10: So với phong trào cách mạng (1930 - 1931) điểm *khác biệt* nhất về phương pháp đấu tranh trong thời kì 1936 - 1939 là

- A. đấu tranh chính trị và vũ trang.
- B. đấu tranh công khai và bí mật.
- C. đấu tranh nghị trường và đấu tranh báo chí.
- D. đấu tranh ngoại giao với vận động quần chúng.

Câu 11: Điểm *khác biệt* về mục tiêu đấu tranh trong phong trào dân chủ (1936 - 1939) so với phong trào cách mạng (1930 - 1931) là gì?

- A. Tập trung vào nhiệm vụ phản đế.
- B. Đòi cải thiện đời sống, tự do dân chủ, hòa bình.
- C. Tập trung vào nhiệm vụ phản phong.
- D. Đòi giảm tô, giảm tức, xóa nợ cho nông dân.

Câu 12: Phong trào Đông Dương Đại hội (8/1936) có vai trò như thế nào trong cuộc vận động dân chủ (1936 - 1939)?

- A. Chứng minh sức mạnh to lớn của quần chúng cách mạng.
- B. Thức tỉnh quần chúng, Đảng rút ra nhiều kinh nghiệm lãnh đạo.
- C. Tạo điều kiện cho cuộc đấu tranh nghị trường giành nhiều thắng lợi.
- D. Chính quyền thực dân phải nhượng bộ một số yêu cầu của nhân dân ta.

Câu 13: Một trong những ý nghĩa của phong trào dân chủ 1936 - 1939 ở Việt Nam là

- A. buộc thực dân Pháp nhượng bộ tất cả các yêu sách dân chủ.
- B. bước đầu khẳng định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân.
- C. giúp cán bộ, đảng viên được rèn luyện và trưởng thành.
- D. bước đầu hình thành trên thực tế liên minh công - nông.

Câu 14: Cuộc đấu tranh công khai, hợp pháp trong những năm 1936 - 1939 thực chất là

- A. vận động dân tộc, dân chủ.
- B. cách mạng giải phóng dân tộc.
- C. tuyên truyền, giác ngộ quần chúng.
- D. đấu tranh giai cấp để giải phóng dân tộc.

Câu 15: Phong trào dân chủ (1936 - 1939) để lại bài học kinh nghiệm gì trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay?

- A. Chủ trương phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc.
- B. Phương pháp tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh.
- C. Linh hoạt các phương pháp đấu tranh kinh tế, chính trị, ngoại giao.
- D. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào cách mạng nước ta.

CHƯƠNG III
CUỘC VẬN ĐỘNG TIẾN TỚI CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945
BÀI 21
VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1939 - 1945

A. Phân lý thuyết

I. Tình hình thế giới và Đông Dương

1. Thế giới

- 1/9/1939 chiến tranh thế giới thứ 2 bùng nổ.
- 8/1940 Pháp đầu hàng Đức.
- Ở Viễn Đông: Nhật đẩy mạnh xâm lược Trung Quốc, tiến sát biên giới Việt Trung.

2. Đông Dương

- Thực dân Pháp đứng trước hai nguy cơ
 - Cách mạng Đông Dương sắp nổ ra
 - Nhật hất cẳng Pháp
- => Thực dân Pháp bắt tay với Nhật cùng thống trị Đông Dương.
- Pháp thi hành chính sách “kinh tế chỉ huy” để bóc lột nhiều hơn vụn vặt các loại thuế.
 - Nhật thu mua gạo theo lối cưỡng bức với giá rẻ
 - Hậu quả: Hơn 2 triệu dân ta bị chết đói vào cuối 1944 - 1945.

II. Những cuộc nổi dậy đầu tiên

1. K/n Bắc Sơn (27/9/1940)

- 27/9/1940 Đảng bộ Bắc Sơn lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa -> chính quyền cách mạng được thành lập.
- Đội du kích Bắc Sơn được thành lập .phát triển thành cứu quốc quân (1941)

2. K/n Nam Kỳ (23/11/1940)

*** Hoàn cảnh**

- Thực dân Pháp bắt binh lính Nam Kỳ đi làm bia đỡ đạn cho chúng, ở Cầm phu chia.

*** Diễn biến**

- Đêm 22 rạng 23/01/1940 cuộc khởi nghĩa bùng nổ lan ra khắp các tỉnh Nam Kỳ .
- Chính quyền nhân dân và toà án cách mạng được thành lập ở nhiều nơi.

*** Bài học kinh nghiệm**

- Về khởi nghĩa vũ trang.
- Xây dựng lực lượng vũ trang
- Chiến tranh du kích.

B. Phần trắc nghiệm

Câu 1: Đảng Cộng sản Đông Dương xác định kẻ thù của cách mạng Đông Dương trong giai đoạn 1939 - 1945 là

- | | |
|----------------------------|--|
| A. đế quốc, phát xít. | B. thực dân, phong kiến. |
| C. phát xít Nhật, tay sai. | D. bọn phản động thuộc địa và tay sai. |

Câu 2: Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Pháp đã thực hiện chính sách gì ở Việt Nam?

- | | | | |
|-----------------|---------------------|------------------------|--------------------------|
| A. Kinh tế mới. | B. Kinh tế chỉ huy. | C. Kinh tế thời chiến. | D. Thuộc địa thời chiến. |
|-----------------|---------------------|------------------------|--------------------------|

Câu 3: Pháp có thái độ như thế nào khi quân Nhật vượt biên giới Việt - Trung tiến vào miền Bắc Việt Nam?

- A. Kiên quyết đấu tranh chống quân Nhật.
- B. Phối hợp cùng nhân dân ta đấu tranh chống Nhật.
- C. Vừa chống Nhật, vừa bắt tay với chúng để đàn áp nhân dân Đông Dương.
- D. Nhanh chóng đầu hàng, cầu kết với Nhật cùng thống trị và bóc lột nhân dân.

Câu 4: Trong quá trình chuẩn bị lực lượng tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền (1941 - 1945), một trong những nhiệm vụ cấp bách của Đảng Cộng sản Đông Dương là vận động quần chúng tham gia

- A. các Ủy ban hành động.
C. các Hội Phản đế.

- B. Mặt trận Việt Minh.
D. Hội Liên Việt.

Câu 5: Căn cứ địa cách mạng là nơi cần có những điều kiện thuận lợi, trong đó “nhân hòa” là yếu tố quan trọng nhất. Đây là yếu tố “nhân hòa” để Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng làm nơi xây dựng căn cứ địa vào năm 1941?

- A. Có lực lượng du kích phát triển sớm.
C. Có phong trào quần chúng tốt từ trước.

- B. Sớm hình thành các Hội Cứu quốc.
D. Mọi người đều tham gia Việt Minh.

Câu 6: Tổ chức nào đã xây dựng cơ sở chính trị trong quần chúng tại các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn trong giai đoạn 1939-1945?

- A. Đội du kích Bắc Sơn.
C. Đội du kích Thái Nguyên.

- B. Đội Cứu quốc quân.
D. Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân.

Câu 7: Hành động nào dưới đây của Nhật sau khi vào Đông Dương (9-1940)?

- A. Thay đổi toàn bộ bộ máy thống trị của thực dân Pháp.
A. Thiết lập bộ máy thống trị của Nhật.
C. Thi hành chính sách thù địch đối với chính quyền Pháp.
D. Giữ nguyên bộ máy thống trị của Pháp để vơ vét và đàn áp cách mạng.

Câu 8: Căn cứ địa cách mạng đầu tiên của Việt Nam trong giai đoạn 1939 - 1945 là

- A. Bắc Kạn.
C. Tân Trào - Tuyên Quang.

- B. Bắc Sơn - Võ Nhai.
D. Thái Nguyên.

Câu 9: Việt Nam Giải phóng quân ra đời là sự hợp nhất của các tổ chức nào?

- A. Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân với du kích Ba Tơ.
B. Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân với Cứu quốc quân.
C. Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân với đội du kích Bắc Sơn.
D. Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân với du kích Thái Nguyên.

Câu 10: Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Pháp đã thực hiện chính sách gì dưới đây ở Việt Nam?

- A. Kinh tế mới.
B. Kinh tế chỉ huy.
C. Kinh tế thời chiến.
D. Thuộc địa thời chiến.

Câu 11: Khu giải phóng Việt Bắc ra đời từ trong?

- A. phong trào cách mạng 1930 - 1931.
B. phong trào Dân chủ 1936 - 1939.
C. khi Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945).
D. khởi nghĩa từng phần (tháng 3 đến 8 năm 1945).

Câu 12: Tổ chức nào đã xây dựng cơ sở chính trị trong quần chúng tại các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn trong giai đoạn 1939 - 1945?

- A. Đội du kích Bắc Sơn.
C. Đội du kích Thái Nguyên.

- B. Đội Cứu quốc quân.
D. Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân.

Câu 13: Điều kiện *khách quan* nào đã tạo thời cơ thuận lợi cho nhân dân ta đứng lên giành lại độc lập vào tháng 8/1945?

- A. Thắng lợi của lực lượng cách mạng.
C. Sự đầu hàng của phát xít phát xít Đức.
B. Sự đầu hàng vô điều kiện của phát xít Nhật.
D. Sự thất bại của phe phát xít ở chiến trường châu Âu.

Câu 14: Nhiệm vụ cấp bách nào của cách mạng Đông Dương trong thời kỳ (1939 - 1945)?

- A. Chống phát xít.
C. Giải phóng dân tộc.
B. Chống phong kiến.
D. Chống đế quốc, phong kiến.

BÀI 22

CAO TRÀO CÁCH MẠNG TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG 8 NĂM 1945

A. Phân lý thuyết

I. Mặt trận Việt Minh ra đời (19/ 5/ 1941)

1. Hoàn cảnh

a) Thế giới

- 6/1941 Đức tấn công Liên Xô
- Thế giới hình thành 2 trận tuyến:
- + Lực lượng dân chủ.
- + Phát Xít Đức, ý, Nhật.

b) Trong nước

- Nhật – Pháp cấu kết với nhau thống trị Đông Dương.
- 1/1941 Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo CM.
- Hội nghị TW lần thứ 8 (5/1941) do Nguyễn Ái Quốc chủ trì
- Nội dung Hội nghị
- + Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc, lên hàng đầu; đánh đuổi Nhật - Pháp.
- + Tạm gác khẩu hiệu "Đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày."
- + 19/5/1941 thành lập VN Độc lập đồng minh (Việt Minh)

2. Hoạt động của mặt trận Việt Minh

a) Xây dựng lực lượng vũ trang

- Lập đội du kích Bắc Sơn
- Lập các đội cứu quốc quân thực hiện chiến tranh du kích.
- 22/ 12/ 1944 đội VN tuyên truyền giải phóng quân ra đời.

b) Xây dựng lực lượng chính trị

- Các đoàn thể cứu quốc được XD khắp cả nước(Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn...)
- Đảng chú trọng XD lực lượng chính trị trong các tầng lớp nhân dân .
- Báo chí của Đảng được lưu hành rộng rãi => tuyên truyền vận động quần chúng đấu tranh

II. Cao trào kháng Nhật cứu nước tiến tới tổng khởi nghĩa tháng 8 /1945

1. Nhật đảo chính Pháp (9/ 3/ 1945)

- Tình hình thế giới:
- + Đầu 1945 chiến tranh thế giới thứ 2 sắp kết thúc.
- + Ở Thái Bình Dương; Phát xít Nhật thất bại liên tiếp.
- Ở Đông Dương: Nhật đảo chính Pháp; độc chiếm Đông Dương.

2. Tiến tới tổng khởi nghĩa tháng 8/ 1945

a) Hội nghị ban thường vụ trung ương Đảng (12/3/1945)

- Xác định kẻ thù chính, cụ thể, trước mắt và duy nhất của nhân dân Đông Dương: phát xít Nhật.
- Ra chỉ thị: "Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta"
- Phát động cao trào "Kháng Nhật cứu nước."

b) Diễn biến cao trào "Kháng Nhật cứu nước"

- Giữa 3/ 1945 phong trào khởi nghĩa từng phần xuất hiện ở nhiều địa phương Bắc Kì; Trung Kì , Nam Bộ
- Phong Trào phá kho thóc Nhật cứu đói thu hút hàng vạn người tham gia.
- 15/4/1945 thành lập VN giải phóng quân.
- Ủy ban quân sự Bắc Kì được thành lập.
- 6/ 1945 khu giải phóng Việt Bắc được thành lập .

B. Phản trắc nghiệm

Câu 1: Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 5 - 1941) chủ trương hoàn thành cuộc cách mạng nào?

A. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

B. Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

C. Cách mạng giải phóng dân tộc.

D. Cách mạng tư sản dân quyền.

Câu 2: Trong quá trình chuẩn bị lực lượng tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền (1941 - 1945), một trong những nhiệm vụ cấp bách của Đảng Cộng sản Đông Dương là vận động quần chúng tham gia

A. các Ủy ban hành động.

B. Mặt trận Việt Minh.

C. các Hội Phản đế.

D. Hội Liên Việt.

Câu 3: Nội dung nào không thuộc Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8/1941?

A. Tạm gác cách mạng ruộng đất.

B. Kẻ thù của cách mạng là Pháp-Nhật.

C. Nhiệm vụ chủ yếu là đấu tranh giai cấp.

D. Nhiệm vụ chủ yếu là giải phóng dân tộc.

Câu 4: Chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc của Đảng Cộng sản Đông Dương tại Hội nghị (5/1941) có điểm gì khác so với Hội nghị (11/1939)?

A. Giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.

B. Đặt vấn đề giải phóng dân tộc trong phạm vi từng nước.

C. Đặt vấn đề giải phóng dân tộc là mục tiêu số một của cách mạng.

D. Đẩy mạnh đấu tranh vũ trang, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền.

Câu 5: Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt được xác định tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (5-1941) là gì?

A. Giải phóng dân tộc.

B. Giải phóng các dân tộc Đông Dương.

C. Giảm tô, giảm thuế, chia lại ruộng đất.

D. Thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Câu 6: Điểm giống nhau cơ bản giữa nội dung Hội nghị (11/1939) và Hội nghị (5/1941) là gì?

A. Liên kết công-nông chống phát xít.

B. Chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh.

C. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp bách.

D. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp lên hàng đầu.

Câu 7: Tổ chức nào đã xây dựng cơ sở chính trị trong quần chúng tại các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn trong giai đoạn 1939-1945?

A. Đội du kích Bắc Sơn.

B. Đội Cứu quốc quân.

C. Đội du kích Thái Nguyên.

D. Đội Việt Nam Tuyên truyền giải

phóng quân.

Câu 8: Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến nạn đói cuối 1944 đầu 1945 ở Việt Nam?

A. Năm 1945 do thiên tai, mất mùa.

B. Pháp bắt dân ta bán thóc theo diện tích cây cấy cho chúng

C. Lương thực từ miền Nam không vận chuyển ra miền Bắc.

D. Phát xít Nhật bắt dân ta nhổ lúa, hoa màu để trồng đay, thầu dầu.

Câu 9: Trong chỉ thị "Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", Trung ương Đảng xác định kẻ thù của nhân dân Đông Dương là

A. thực dân Pháp.

B. phát xít Nhật.

C. các thế lực phong kiến tay sai.

D. thực dân Pháp và phát xít Nhật.

Câu 10: Vai trò Mặt trận Việt Minh trong cao trào kháng Nhật cứu nước là gì?

A. Lãnh đạo nhân dân đứng lên đấu tranh chống Nhật giành độc lập dân tộc.

B. Phát động và đưa ra chỉ thị "Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta".

C. Lãnh đạo nhân dân đứng lên lật đổ chế độ phong kiến, xây dựng một xã hội mới.

D. Tập hợp các lực lượng yêu nước, phân hóa, cô lập kẻ thù tiến tới đánh bại chúng.

Câu 11: Trong quá trình chuẩn bị lực lượng tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền (1941 - 1945), một trong những nhiệm vụ cấp bách của Đảng Cộng sản Đông Dương là vận động quần chúng tham gia

A. các Ủy ban hành động.

B. các Hội Phản đế.

C. Mặt trận Việt Minh.

D. Hội Liên Việt.

Câu 12: Trong Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân (tháng 12 - 1944), Hồ Chí Minh viết: “*Vì cuộc kháng chiến của ta là kháng chiến của toàn dân cần phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân...*” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 3, NXB. Chính trị quốc gia, H., 2011, tr. 3). Trong bối cảnh lịch sử cụ thể của Việt Nam lúc đó, câu trích trên thể hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về

- A. tuyên truyền toàn dân.
- B. quân đội nhân dân.
- C. khởi nghĩa toàn dân.
- D. quốc phòng toàn dân.

Câu 13: Quyết định nào được xem là quan trọng nhất tại Hội nghị toàn quốc của Đảng (14- >15/8/1945)?

- A. Phát động toàn dân tổng khởi nghĩa.
- B. Cử ra Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam.
- C. Kêu gọi nhân dân đứng lên chuẩn bị tổng khởi nghĩa.
- D. Giành chính quyền trước khi Đồng minh vào Đông Dương.

Câu 14: Hội nghị tháng 11 - 1939 và Hội nghị tháng 5 - 1941 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương có điểm *khác biệt* về

- A. việc xác định hình thức chính quyền cách mạng.
- B. chủ trương đoàn kết các lực lượng dân tộc.
- C. việc giải quyết quyền lợi ruộng đất cho nông dân.
- D. giải quyết vấn đề quyền dân tộc tự quyết.

Câu 15: Cách mạng tháng Tám năm 1945 và cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 ở Việt Nam có điểm chung là

- A. hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- B. hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ nhân dân.
- C. xóa bỏ được tình trạng đất nước bị chia cắt.
- D. được sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân thế giới.

BÀI 23

TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG 8 - 1945

VÀ SỰ THÀNH LẬP NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

A. Phần lý thuyết

I. Lệnh tổng khởi nghĩa được ban bố

1. Thế giới

- Châu Âu: Phát Xít Đức đầu hàng đồng minh vô điều kiện (5/1945)
- Châu Á: px Nhật đầu hàng đồng minh không điều kiện (8/1945)

2. Trong nước

- Quân Nhật hoang mang dao động cực độ.
- Đảng và nhân dân ta chuẩn bị chu đáo, sẵn sàng nổi dậy.
- Từ 14 → 15/8/1945 hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào (Tuyên Quang) quyết định tổng khởi nghĩa trong cả nước.
- Ủy ban khởi nghĩa được thành lập và ra quân lệnh số 1.
- 16/8/1945, Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào, tán thành khởi nghĩa. Lập Ủy ban dân tộc giải phóng VN do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.
- Chiều 16/8/1945 giải phóng thị xã Thái Nguyên.

II. Giành chính quyền ở Hà Nội

- 19/8/1945 khởi nghĩa thắng lợi hoàn toàn ở Hà Nội.
- => Ý nghĩa : Cổ vũ mạnh mẽ đối với phong trào khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.
- Làm cho kẻ thù hoang mang, dao động.

III. Giành chính quyền trong cả nước

- 18/8/1945; bốn tỉnh giành chính quyền sớm nhất; Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.
- 23/8/1945, Huế giành chính quyền.
- 25/8/1945, Sài Gòn giành chính quyền.
- 28/8/1945 tổng khởi thành công trong cả nước.

IV. Ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thành công của cách mạng tháng Tám

1. Ý nghĩa lịch sử

- Cách mạng Tháng 8 thành công thành công đập tan ách thống trị hơn 80 năm của TDP và Phát Xít Nhật, đồ CDPK tồn tại hàng ngàn năm đất nước ta.
- Mở ra kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc- Kỉ nguyên độc lập tự do.
- Là quần cổ vũ lớn lao trước phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới.

2. Nguyên nhân thắng lợi (sgk)

B. Phần trắc nghiệm

Câu 1: Nguyên nhân có quyết định nhất đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945?

- A. Có khối liên minh công-nông vững chắc.
- B. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Hồ Chí Minh.
- C. Nhật bị quân Đồng minh đánh bại, kẻ thù chính của Đông Dương đã gục ngã.
- D. Truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất của nhân dân.

Câu 2: Một trong những điểm chung của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và hai cuộc kháng chiến chống đế quốc xâm lược (1945 - 1975) ở Việt Nam là có sự kết hợp

- A. hoạt động của bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích.
- B. tác chiến trên cả ba vùng rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị.
- C. đấu tranh đồng thời trên ba mặt trận: quân sự, chính trị và ngoại giao.
- D. phong trào đấu tranh ở nông thôn với phong trào đấu tranh ở thành thị.

Câu 3: Đoạn cuối bản Tuyên ngôn Độc lập, Hồ Chí Minh khẳng định “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước

- A. tự do, dân chủ”. B. độc lập, tự do”. C. tự do, độc lập”. D. độc lập, tự do”.

Câu 4: Cách mạng tháng Tám 1945 đã góp phần vào chiến thắng chống phát xít của thế giới là vì

- A. giành chính quyền ở Hà Nội sớm nhất. B. lật đổ chế độ phong kiến và phát xít Nhật.
C. lật đổ nền thống trị của phát xít Nhật ở Việt Nam. D. lật đổ sự thống trị của Pháp - Nhật.

Câu 5: Nội dung nào dưới đây *không* phải là ý nghĩa của cách mạng tháng Tám 1945?

- A. Góp phần vào chiến thắng chống phát xít của phe Đồng minh.
B. Mở ra một kỉ nguyên mới: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.
C. Phá tan xiềng xích của Pháp-Nhật và phong kiến, đưa nhân dân nắm chính quyền.
D. Buộc Pháp công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Câu 6: Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (13/8/1945) thông qua quyết định quan trọng nào?

- A. Quyết định khởi nghĩa ở Hà Nội.
B. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.
C. Thành lập Ủy ban khởi nghĩa và hạ lệnh tổng khởi nghĩa.
D. Thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam Giải phóng quân.

Câu 7: Phương pháp đấu tranh chủ yếu nào được Đảng ta sử dụng trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945?

- A. Đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh báo chí.
B. Đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.
C. Đấu tranh vũ trang với đấu tranh ngoại giao.
D. Đấu tranh chính trị với đấu tranh nghị trường.

Câu 8: Bài học kinh nghiệm quan trọng nhất của Đảng trong Cách mạng tháng Tám năm 1945?

- A. Phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù.
B. Kết hợp đấu tranh chính trị, vũ trang chớp thời cơ giành chính quyền.
C. Nắm bắt tình hình thế giới đề ra chủ trương phù hợp.
D. Tập hợp, tổ chức các lực lượng yêu nước rộng rãi.

Câu 9: Tổ chức nào đã xây dựng cơ sở chính trị trong quần chúng tại các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn trong giai đoạn 1939 - 1945?

- A. Đội du kích Bắc Sơn. B. Đội Cứu quốc quân.
C. Đội du kích Thái Nguyên. D. Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân.

Câu 10: Điều kiện *khách quan* nào đã tạo thời cơ thuận lợi cho nhân dân ta đứng lên giành lại độc lập vào tháng 8/1945?

- A. Thắng lợi của lực lượng cách mạng. B. Sự đầu hàng vô điều kiện của phát xít Nhật.
C. Sự đầu hàng của phát xít Đức. D. Sự thất bại của phe phát xít ở chiến trường châu Âu.

Câu 11: Hình thái từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa được xác định tại Hội nghị nào?

- A. Hội nghị toàn quốc của Đảng ở Tân Trào (8/1945). B. Hội nghị Trung ương Đảng (11/1939).
C. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 7 (11/1940). D. Hội nghị Trung ương Đảng lần 8 (5/1941).

Câu 12: Căn cứ địa cách mạng là nơi cần có những điều kiện thuận lợi, trong đó “nhân hòa” là yếu tố quan trọng nhất. Đây là yếu tố “nhân hòa” để Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng làm nơi xây dựng căn cứ địa vào năm 1941?

- A. Có lực lượng du kích phát triển sớm. B. Sớm hình thành các Hội Cứu quốc.
C. Có phong trào quần chúng tốt từ trước. D. Mọi người đều tham gia Việt Minh.

Câu 13: Phương pháp đấu tranh *chủ yếu* được Đảng ta sử dụng trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là

- A. đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh báo chí.
B. đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.
C. đấu tranh vũ trang với đấu tranh ngoại giao.
D. đấu tranh chính trị với đấu tranh nghị trường.

Câu 14: Sự kiện lịch sử nào tạo ra cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc ở Đông Dương trong năm 1945?

- A. Nhật đảo chính Pháp. B. Phát xít Đức đầu hàng Đồng minh.
C. Nhật thất bại nặng nề. D. Quân Pháp âm mưu phản công quân Nhật.

CHƯƠNG IV VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM ĐẾN TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN

BÀI 24

CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ VÀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN (1945 - 1946)

A. Phần lý thuyết

I. Tình hình nước ta sau cách mạng tháng Tám

1. Khó khăn

- *Ngoại xâm và nội phản*
 - + Phía Bắc quân Tưởng và bọn tay sai Việt Quốc, Việt Cách.
 - + Phía Nam : Pháp trở lại xâm lược.
 - + Hơn 1 vạn quân Anh vào nước ta giải giáp quân Nhật
 - + 6 vạn quân Nhật còn lại trên đất nước ta.
 - *Nạn đói* : đe dọa đời sống của nhân dân
 - *Tài chính* : Ngân quỹ trống rỗng, giá cả tăng vọt.
 - *Nạn đốt* : Hơn 90 % dân số mù chữ. Các tệ nạn xã hội tràn lan.
- => Những khó khăn trên đặt nước ta trước tình thế "*ngàn cân treo sợi tóc*".

2. Thuận lợi

- Nhân dân tích cực xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng.
- ND Liên Xô và các lực lượng dân chủ trên thế giới ủng hộ và cổ vũ ND ta.

II. Bước đầu xây dựng chế độ mới

- 6/1/1946 tổng tuyển cử trong cả nước để bầu quốc hội.
- Khắp các địa phương: Ở Bắc - Trung Bộ tiến hành bầu cử HĐND các cấp.

III. Diệt giặc đói, giặc đốt và giải quyết khó khăn về tài chính

1. Diệt giặc đói

- Biện pháp trước mắt: Lập các *hũ gạo cứu đói*; *ngày đồng tâm*.
- Biện pháp lâu dài:
- + Tăng gia sản xuất, khai hoang phục hoá. Chia lại ruộng công, giảm tô => Nạn đói được đẩy lùi.

2. Diệt giặc đốt

- 8/9/1945 thành lập cơ quan “nha bình dân” học vụ kêu gọi toàn dân tham gia phong trào xoá nạn mù chữ.
- Các cấp học phát triển, nội dung và phương pháp được đổi mới.

3. Giải quyết khó khăn về tài chính

- Xây dựng "*Quỹ độc lập*" và phong trào "*Tuần lễ vàng*".
- 31/1/1946 chính phủ ra sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam.
- 23/11/1946 tiền Việt Nam được lưu hành trong cả nước.

IV. Nhân dân Nam Bộ kháng chiến chống TDP trở lại xâm lược

- 23/9/1945 TDP tấn công Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ 2.
- Quân dân Sài Gòn - Chợ lớn anh dũng đánh trả bằng mọi vũ khí có sẵn trong tay với nhiều hình thức phong phú.
- Đảng phát động phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến.

V. Đấu tranh chống Tưởng và bọn phản cách mạng

*** Ám mưu của quân Tưởng**

- Khiêu khích phá hoại ta, sử dụng tay sai lật đổ chính quyền cách mạng
- * *Chủ trương và sách lược của ta*
- Hoà hoãn với Tưởng và thoả mãn 1 số yêu sách của chúng về chính trị và kinh tế.
- Ban hành 1 số sắc lệnh trấn áp bọn phản cách mạng, bác bỏ những yêu sách vi phạm chủ quyền dân tộc.

VI. Hiệp định sơ bộ (6/3/1946) và tạm ước Việt Pháp (14/9/1946)

- Pháp - Tưởng kí hiệp ước Hoa - Pháp (28/2/1946) để chống cách mạng nước ta.

=> Đảng ta chủ trương hòa hoãn với Pháp, kí hiệp ước sơ bộ (6/3/1946) nhằm đuổi 20 vạn quân.

***. Nội dung hiệp định sơ bộ 6/3/1946. (sgk - 102)**

- 14/9/1946 Chủ tịch HCM kí với Pháp bản tạm ước Việt -Pháp.

B. Phần trắc nghiệm

Câu 1: Để bảo vệ thành quả cách mạng, nhiệm vụ cơ bản nhất mà nước ta cần thực hiện ngay sau cách mạng tháng Tám 1945 là

- | | |
|--------------------------------------|------------------------------------|
| A. giải quyết nạn đói. | B. giải quyết nạn dốt. |
| C. giải quyết khó khăn về tài chính. | D. xây dựng chính quyền cách mạng. |

Câu 2: Nội dung cơ bản của bản Tạm ước Việt - Pháp (14/9/1946) là

- A. thực dân Pháp ngừng bắn ngay ở Nam Bộ.
 B. nhượng cho Pháp một số quyền lợi chính trị.
 C. ta nhượng bộ thêm cho Pháp một số quyền lợi kinh tế - văn hoá ở Việt Nam.
 D. Pháp công nhận Việt Nam có Chính phủ tự trị nằm trong khối Liên Hiệp Pháp.

Câu 3: Thành công của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội (1946) ở Việt Nam chứng tỏ

- A. sự ủng hộ to lớn của cộng đồng quốc tế đối với Việt Nam.
 B. quyền lực nhà nước chính thức thuộc về cơ quan hành pháp.
 C. nhân dân có tinh thần đoàn kết và ý thức làm chủ đất nước.
 D. nhân dân bước đầu giành chính quyền, làm chủ đất nước.

Câu 4: Lực lượng nào đã dọn đường và tiếp tay cho thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Việt Nam?

- A. Đế quốc Mỹ. B. Phát xít Nhật. C. Thực dân Anh. D. Quân Trung Hoa Dân quốc.

Câu 5: Nội dung nào dưới đây *không* được ghi trong Hiệp định sơ bộ (6/3/1946)?

- A. Hai bên ngừng bắn ở Nam Bộ.
 B. Nhượng cho Pháp một số quyền lợi kinh tế, văn hoá ở Việt Nam.
 C. Ta đồng ý cho Pháp ra miền Bắc thay thế cho quân Trung Hoa Dân Quốc.
 D. Pháp công nhận Việt Nam là quốc gia tự do, nằm trong khối Liên Hiệp Pháp.

Câu 6: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, quân đội Đồng minh nào vào Việt Nam làm nhiệm vụ giải giáp quân đội phát xít Nhật?

- | | |
|------------------------------------|--|
| A. Quân Anh và Mỹ. | B. Quân Anh và Pháp. |
| C. Quân Anh và Trung Hoa dân quốc. | D. Quân Mỹ và quân Trung Hoa dân quốc. |

Câu 7: Sự kiện *cơ bản* đánh dấu việc củng cố nền móng cho chế độ mới trong năm 1946?

- | | |
|---|--|
| A. Thành lập quân đội Quốc gia. | B. Bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp. |
| C. Thành lập Ủy ban hành chính các cấp. | D. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội trong cả nước. |

Câu 8: Việc đàm phán và ký kết Hiệp định Sơ bộ giữa đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với đại diện Chính phủ Pháp (6/3/1946) có tác dụng như thế nào?

- A. Chuyển quan hệ giữa Việt Nam và Pháp từ đối đầu sang đối thoại.
 B. Tạo thời gian hòa bình để Việt Nam tổ chức bầu cử Quốc hội.
 C. Giúp Việt Nam ngăn chặn được mọi nguy cơ xung đột với Pháp.
 D. Thể hiện thiện chí hòa bình của hai chính phủ Việt Nam và Pháp.

Câu 9: Khó khăn cơ bản *nhất* mà nước ta phải đối mặt sau cách mạng tháng Tám 1945 là

- | | |
|---|---|
| A. Giặc ngoại xâm và nội phản. | B. Ngân quỹ nhà nước trống rỗng. |
| C. Nạn đói, nạn dốt đang đe dọa nghiêm trọng. | D. Các tổ chức phản động chống phá cách mạng. |

Câu 10: Sách lược của Đảng và Chính phủ đề ra trước ngày 6/3/1946 là gì?

- A. Hòa với Pháp để đuổi Trung Hoa Dân quốc.
 C. Nhân nhượng với Trung Hoa Dân quốc để đánh Pháp.
 B. Nhân nhượng với quân Trung Hoa Dân quốc.
 D. Hòa với Pháp và đề chống Trung Hoa dân quốc.

CHƯƠNG V
VIỆT NAM TỪ CUỐI NĂM 1946 ĐẾN NĂM 1954
BÀI 25
NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC
CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946 - 1950)

A. Phần lý thuyết

I. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ (19/12/1946).

1. Kháng chiến toàn quốc chống TDP xâm lược bùng nổ

* *Hoàn cảnh:*

- Sau hiệp định sơ bộ (6/3/1946) và tạm ước (14/9/1946) TDP liên tiếp bội ước.
- + 23/11/1946, Pháp chiếm Nam Bộ và Nam Trung Bộ.
- + 18/12/1946 Pháp gửi tới hậu thư đòi chính phủ ta phải hạ vũ khí và đầu hàng.
- => Ban thường vụ trung ương Đảng quyết định phát động toàn quốc kháng chiến.
- 19/12/1946, Chủ tịch HCM ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.
- Đêm 19/12/1946 tiếng súng kháng chiến toàn quốc bắt đầu.

2. Đường lối kháng chiến chống Thực dân Pháp của ta

- Đường lối kháng chiến: toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

II. Cuộc chiến đấu ở các đô thị Phía Bắc vĩ tuyến 16

- Tại Hà Nội: Từ ngày 19/12/1946 -> 17/2/1947 cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt nhằm giam chân địch, tiêu diệt 1 bộ phận sinh lực địch.
- Tại các thành phố khác: Nam Định, Huế, Đà Nẵng.
- + Chủ động tấn công, giam chân chúng trong các thành phố từ 2 - 3 tháng để chủ lực ta rút lui về căn cứ.

* **Ý nghĩa:**

- Tạo điều kiện thuận lợi để trung ương Đảng, chính phủ và bộ đội chủ lực ta rút lui lên chiến khu an toàn. Chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài.

III. Chiến dịch Việt Bắc Thu Đông năm 1947

1. Thực dân Pháp tiến công căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc

* **Âm mưu của địch**

- Thực hiện chiến lược "Đánh nhanh, thắng nhanh".

* **Mục tiêu**

- Phá căn cứ địa chính của cả nước, tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và quân chủ lực.
- Khoá chặt biên giới Việt - Trung, ngăn chặn liên lạc giữa ta và quốc tế.

* **Hành động**

- 10/1947 Pháp tiến công Việt Bắc

2. Quân dân ta chiến đấu bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc

- Quân dân ta anh dũng chiến đấu.
- Tiêu diệt nhiều sinh lực địch.
- Bẻ gãy từng gọng kìm của chúng.

- **Kết quả**

- + Ta giành thắng lợi. Cơ quan đầu não kháng chiến an toàn.
- + Bộ đội chủ lực trưởng thành nhanh chóng.

- **Ý nghĩa**

- + Đánh bại âm mưu "Đánh nhanh, thắng nhanh" của giặc.
- + Châm dứt giai đoạn phòng ngự của cuộc kháng chiến → chứng tỏ đường lối kháng chiến của ta là đúng đắn.

IV. Đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện

- **Âm mưu của địch:** "Dùng người Việt trị người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" nhằm chống lại cuộc kháng chiến lâu dài, toàn dân, toàn diện của ta.

- **Chủ trương của ta**

- + Đánh lâu dài, phá âm mưu của địch.
- + Tăng cường sức mạnh và hiệu lực của chính quyền dân chủ nhân dân, tăng cường lực lượng vũ trang nhân dân.
- + Đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện (sgk)

B. Phần trắc nghiệm

Câu 1: Kết quả lớn nhất trong những ngày toàn quốc kháng chiến chống Pháp ở Hà Nội là gì?

- A. Giải phóng được thủ đô Hà Nội.
- B. Phá hủy nhiều kho tàng của thực dân Pháp.
- C. Tiêu diệt toàn bộ quân Pháp ở thủ đô Hà Nội.
- D. Giam chân địch trong thành phố để ta chuẩn bị lực lượng kháng chiến

Câu 2: Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống Pháp xâm lược (1945 - 1954) là

- A. toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ ủng hộ quốc tế.
- B. tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
- C. trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ ủng hộ của quốc tế.
- D. toàn diện, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

Câu 3: Sau Tạm ước 14-9-1946, quân Pháp vẫn khiêu khích tấn công quân ta ở những khu vực nào?

- A. Hà Nội - Bắc Ninh.
- B. Hải Phòng - Lạng Sơn.
- C. Hải Phòng- Quảng Ninh.
- D. Lạng Sơn- Thái Nguyên.

Câu 4: Lực lượng quân sự nào của ta được thành lập và chiến đấu ở Hà Nội trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến?

- A. Cứu quốc quân.
- B. Dân quân du kích.
- C. Trung đoàn thủ đô.
- D. Việt Nam giải phóng quân.

Câu 5: Sự kiện lịch sử nào Đảng và Chính phủ đưa đến quyết định phải phát động toàn quốc kháng chiến?

- A. Pháp đánh chiếm Hải Phòng và Lạng Sơn.
- B. Pháp tàn công Hà Nội – Hòa Bình – Sơn La.
- C. Pháp tấn công Nam Bộ, Nam Trung bộ và một số khu vực khác.
- D. Pháp gửi tối hậu thư buộc ta giao quyền kiểm soát thủ đô Hà Nội cho Pháp.

Câu 6: Đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng Cộng sản Đông Dương (1946-1954) đã phát huy nét tinh hoa đường lối

- A. chiến tranh tâm lí.
- B. chiến tranh tổng lực.
- C. chiến tranh nhân dân.
- D. chiến tranh toàn diện.

Câu 7: Sau khi kí Hiệp định sơ bộ 6/3/1946 và Tạm ước 14/9/1946, thực dân Pháp tiếp tục âm mưu

- A. buộc ta tiếp tục kí kết tiếp những văn kiện nhân nhượng khác.
- B. nghiêm chỉnh thực hiện theo tinh thần các văn kiện đã kí kết.
- C. chỉ thực hiện một số điều trong các văn kiện đã kí kết.
- D. vi phạm những điều đã kí kết với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Câu 8: Nội dung nào *không* được thể hiện trong đường lối kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta

- A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Chí Minh.
- B. Bản chỉ thị toàn dân kháng chiến của ban thường vụ trung ương Đảng.
- C. Tác phẩm kháng chiến nhất định thắng lợi của Tổng Bí thư Trường Chinh.
- D. Đảng ra chỉ thị phải phá tan cuộc hành quân mùa đông của của giặc Pháp.

Câu 9: Sau khi phát động toàn quốc kháng chiến, Đảng và chính phủ ta đã

- A. tiến hành chiến tranh tổng lực đánh Pháp.
- B. tích cực chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài.
- C. chuẩn bị kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh.
- D. đợi thời cơ phản công Pháp.

Câu 10: Vì sao Đảng và Chính phủ quyết tâm bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc?

- A. Việt Bắc là căn cứ địa của ba nước Đông Dương.

- B. Việt Bắc tập trung các cơ quan đầu não của ta.
- C. Việt Bắc là chiến trường chính giữa ta và Pháp.
- D. Việt Bắc là trung tâm gần thủ đô Hà Nội.

Câu 11: Tính *quyết tâm* trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện

- A. Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa!
- B. Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ.
- C. Bất kì đàn ông, đàn bà, người già, người trẻ không phân chia tôn giáo, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh Pháp.
- D. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước.

Câu 12: Đảng Cộng sản và Chính phủ Việt Nam quyết định phát động hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945 - 1975) đều xuất phát từ

- A. sự ủy nhiệm của Liên Xô và Trung Quốc.
- B. tác động của cục diện hai cực - hai phe.
- C. phản ứng tất yếu trước nguy cơ bị xâm lược.
- D. yêu cầu khách quan của lịch sử dân tộc.

Câu 13: Khi thực dân Pháp tiến công lên Việt Bắc vào thu đông 1947, Đảng ta đã ra chỉ thị gì?

- A. “đánh nhanh thắng nhanh”.
- B. “phải phá tan cuộc hành quân mùa đông của giặc Pháp”.
- C. “phải phòng ngự trước, tiến công sau”.
- D. “phải thực hiện tiến công chiến lược lên biên giới”.

Câu 14: Mục đích của Pháp khi mở cuộc tiến công lên Việt Bắc thu - đông 1947 là

- A. nhanh chóng kết thúc chiến tranh.
- B. giành thắng lợi về quân sự để rút quân về nước.
- C. buộc ta phải đàm phán với những điều khoản có lợi cho chúng.
- D. khóa chặt biên giới Việt- Trung chặn nguồn liên lạc của ta với thế giới.

Câu 15: Ý nghĩa quan trọng nhất của chiến thắng Việt Bắc thu - đông năm 1947 là

- A. chứng tỏ sự trưởng thành vượt bậc của quân đội ta.
- B. cuộc phản công lớn đầu tiên của quân dân ta đã giành thắng lợi.
- C. buộc Pháp phải chuyển từ “đánh nhanh thắng nhanh” sang đánh lâu dài với ta.
- D. chứng tỏ khả năng quân và dân ta có thể đẩy lùi những cuộc tấn công của Pháp.

Câu 16: Chiến thắng nào của ta đã làm thất bại hoàn toàn âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của Pháp?

- A. Chiến dịch Việt Bắc thu- đông năm 1947.
- B. Chiến dịch Biên giới thu- đông năm 1950.
- C. Chiến cuộc Đông- Xuân 1953-1954.
- D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

Câu 17: Vì sao Đảng quyết tâm bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc?

- A. Việt Bắc là căn cứ địa của ba nước Đông Dương.
- B. Việt Bắc tập trung các cơ quan đầu não của ta.
- C. Việt Bắc là chiến trường chính giữa ta và Pháp.
- D. Việt Bắc là trung tâm gần thủ đô Hà Nội.

Câu 18: Điểm khác nhau của chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 so với chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950 của quân dân Việt Nam là về

- A. loại hình chiến dịch.
- B. địa hình tác chiến.
- C. đối tượng tác chiến.
- D. lực lượng chủ yếu.

Câu 19: Kết quả lớn *nhất* mà quân dân ta giành được sau chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947 là

- A. bảo vệ cơ quan đầu não kháng chiến của ta.
- B. loại khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn tên địch.
- C. làm thất bại âm mưu đánh nhanh thắng nhanh.
- D. bộ đội của ta trưởng thành trong chiến đấu.

BÀI 26

BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1950 – 1953)

A. Phân lý thuyết

I. Chiến dịch biên giới Thu Đông 1950

1. Hoàn cảnh

- Cách mạng Trung Quốc thành công (1/10/1949) -> CMVN nối liền với phe xã hội chủ nghĩa.
- Mĩ trực tiếp can thiệp vào cuộc chiến tranh Đông Dương.

2. Quân ta tiến công địch ở biên giới phía Bắc

a. Âm mưu của Pháp

- Thực hiện kế hoạch Rơ-ve:
- + Khoá chặt biên giới Việt- Trung để cô lập Việt Bắc.
- + Thiết lập hành lang Đông Tây.
- + Chuẩn bị tấn công Việt Bắc lần thứ 2.

b. Chủ trương của ta

- Tiêu diệt 1 bộ phận quan trọng sinh lực địch.
- Khai thông liên lạc quốc tế...
- Mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

c. Diễn biến: (gạch sgk/112)

d. Kết quả

- Ta khai thông 750 km đường biên giới .
 - Ta giải phóng 35 vạn dân.
 - Hành lang Đông -Tây bị chọc thủng ở Hoà Bình.
 - Căn cứ địa Việt Bắc được giữ vững.
- => Kế hoạch Rơ-Ve của Pháp bị phá sản.

e. Ý nghĩa:

- Ta giành quyền chủ động đánh địch trên chiến trường chính Bắc Bộ.
- Chuyển cuộc kháng chiến của ta từ thế phòng ngự sang thế tiến công.

II. Âm mưu đẩy mạnh chiến tranh xâm lược Đông Dương của thực dân Pháp

- Pháp âm mưu đẩy mạnh chiến tranh ở Đông Dương, giành lại thế chủ động trên chiến trường.
- Đề ra kế hoạch Đơ-Lát-đờ-Tát-xi-nhi (12/1950) nhằm gấp rút bình định vùng tạm chiếm, kết hợp phản công và tiến công lực lượng cách mạng.

III. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2.1951)

1. Hoàn cảnh

- 2/1951 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng họp tại Chiêm Hoá (Tuyên Quang)

2. Nội dung

- Báo cáo chính trị của CT HCM.
- Báo cáo bàn về cách mạng VN của Đồng Chí Trường Chinh
- Quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai lấy tên là Đảng Lao động VN.
- Bầu ra BCH TW Đảng do HCM làm chủ tịch, Trường Chinh là Tổng bí thư.

*** Ý nghĩa**

- Đánh dấu sự trưởng thành của Đảng ta trong quá trình lao động cách mạng.
- Thúc đẩy cuộc kháng chiến nhanh chóng đến thắng lợi.

IV. Phát triển hậu phương kháng chiến về mọi mặt

1. Về chính trị

- 3/3/1951 mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt hợp nhất thành Mặt trận Liên Việt.
- 11/3/1951, "*Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào*" ra đời để cùng đoàn kết chống Pháp.

2. Về kinh tế

- 1952, Đảng chính phủ đề ra cuộc vận động tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm.

- Xây dựng nền tài chính, ngân hàng, thương nghiệp.
- Đầu 1953, phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện cải cách ruộng đất.
- 12/1953 Quốc hội thông qua **"Luật cải cách ruộng đất"**
- 4/1953 → 7/1954 tiến hành 5 đợt giảm tô và 1 đợt cải cách ruộng đất và vùng tự do.
- Kết quả (sgk - 115)

3. Về văn hoá, giáo dục

- Giáo dục: tiếp tục củng cố giáo dục và phát triển.
- Văn hoá.
- + Phong trào thi đua yêu nước lan rộng khắp các ngành.
- + 1/5/1952 Đại hội thi đua toàn quốc lần I tại Việt Bắc, tuyên dương 7 anh hùng.

B. Phần trắc nghiệm

Câu 1: Trong kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi (1950) mục đích *chủ yếu* của Pháp trong việc tập trung quân Âu-Phi nhằm

- A. bình định các vùng tạm chiếm của Pháp.
- B. tiến hành chiến tranh toàn diện, tổng lực.
- C. xây dựng lực lượng cơ động chiến lược mạnh.
- D. càn quét vào các căn cứ địa của quân và dân ta.

Câu 2: Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi năm 1950 được xây dựng dựa trên cơ sở nào dưới đây?

- A. Viện trợ của Mỹ.
- B. Kinh tế Pháp phát triển.
- C. Sự lớn mạnh của nguy quân.
- D. Kinh nghiệm chỉ huy của Tatxinhi.

Câu 3: Điểm *giống nhau* trong kế hoạch Rove(1949) và kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi (1950) là gì?

- A. Bảo vệ chính quyền tay sai do Pháp lập ra.
- B. Muốn xoay chuyển cục diện chiến tranh.
- C. Thể hiện sức mạnh quân sự của Pháp.
- D. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

Câu 4: Ý nghĩa lớn *nhất* của chiến thắng Biên Giới thu- đông năm 1950 là

- A. chứng tỏ quân đội ta đã trưởng thành.
- B. chứng minh sự vững chắc của căn cứ địa Việt Bắc.
- C. ta giành quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.
- D. là chiến dịch tiến công lớn đầu tiên của ta giành thắng lợi.

Câu 5: Chiến thắng Biên Giới (1950), làm cho kế hoạch Rơ-ve của thực dân Pháp:

- A. bị phá sản một bước.
- B. bị phá sản bước đầu.
- C. bị phá sản hoàn toàn.
- D. bước đầu giành thắng lợi.

Câu 6: Chiến dịch nào quân ta *chủ động* mở cuộc tấn công lớn đầu tiên trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954)?

- A. Chiến dịch Thượng Lào năm 1954.
- B. Chiến dịch Biên giới thu- đông 1950.
- C. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.
- D. Chiến dịch Việt Bắc thu-đông năm 1947.

Câu 7: Khó khăn lớn nhất đối với cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta là gì?

- A. Mĩ can thiệp sâu và "dính líu" trực tiếp vào chiến tranh Đông Dương.
- B. Pháp đẩy mạnh xây dựng quân đội tay sai và thành lập chính quyền bù nhìn.
- C. Cuộc kháng chiến của ta tiến hành trong điều kiện hoàn toàn tự lực cánh sinh.
- D. Tương quan lực lượng giữa ta và địch theo hướng có lợi cho Pháp, bất lợi cho ta.

Câu 8: Để tăng cường khối đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương trong cuộc tranh chống thực dân Pháp và can thiệp Mĩ, Hội nghị đại biểu của nhân dân ba nước Đông Dương đã thành lập

- A. Mặt trận Việt – Miên – Lào.
- B. Liên minh Việt – Miên – Lào.
- C. Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào.
- D. Mặt trận thống nhất Việt – Miên – Lào.

Câu 9: Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (2 - 1951) có ý nghĩa là

- A. Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- B. Đại hội kháng chiến thắng lợi.

C. Đại hội kháng chiến toàn dân.

D. Đại hội xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Câu 10: Đại hội đại biểu toàn quốc lần II (2-1951) quyết định thành lập ở mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia một Đảng riêng vì lí do chủ yếu nào dưới đây?

A. Để phù hợp với đặc điểm phát triển của mỗi nước.

B. Để tạo thuận lợi cho phong trào cách mạng.

C. Để phù hợp với xu hướng phát triển của cách mạng.

D. Đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

Câu 11: Lí do nào Chính phủ ta quyết định phát động quần chúng triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất (1953)?

A. Nhanh chóng khôi phục lại nông nghiệp.

D. Đáp ứng nhu cầu lương thực phục vụ cho chiến trường.

C. Đẩy mạnh tăng gia sản xuất trong nông nghiệp.

B. Để bồi dưỡng sức dân, nhất là nông dân.

Câu 12: Mục tiêu cốt lõi nhất của công cuộc cải cách giáo dục năm 1950 là nhằm

A. thực hiện khẩu hiệu “Kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến”.

B. phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh, phục vụ sản xuất.

C. đẩy lùi nạn thất học, mù chữ trong nhân dân.

D. đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng.

Câu 13: Từ việc thành lập Mặt trận Liên Việt (3-1951) Việt Nam có thể rút ra bài học kinh nghiệm gì về xây dựng mặt trận hiện nay?

A. Xây dựng khối liên minh công-nông.

B. Xây dựng khối đoàn kết dân tộc.

C. Đoàn kết các tôn giáo.

D. Đoàn kết các dân tộc.

Câu 14: Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mở cuộc vận động lao động sản xuất năm 1952 nhằm mục đích chủ yếu nào dưới đây?

A. Đáp ứng yêu cầu sản xuất, đời sống và đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

B. Phục vụ cho việc xây dựng hậu phương kháng chiến vững mạnh.

C. Động viên nhân dân hăng hái tham gia sản xuất.

D. Tiếp tục xây dựng nền kinh tế tự chủ.

BÀI 27

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC KẾT THÚC (1953 - 1954)

A. Phần lý thuyết

I. Kế hoạch Na va của Pháp và Mỹ

- 7/5/1953, Na -Va sang làm tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương. Kế hoạch quân sự mới Nava ra đời:

- **Mục đích:** Chuyển bại thành thắng trong vòng 18 tháng kết thúc chiến tranh trong danh dự.

- **Nội dung:**

+ **Bước 1:** thu đông 1953, Xuân 1954 giữ thế phòng ngự chiến lược ở MB, tiến công chiến lược ở MN.

+ **Bước 2:** Thu đông 1954, chuyển lực lượng ra Bắc, thực hiện tiến công chiến lược ở MB, giành thắng lợi quyết định, kết thúc chiến tranh.

II. Cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954 và chiến dịch ĐBP 1954.

1. Cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954.

a) Chủ trương chiến lược của ta.

Tập trung lực lượng đánh vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai, buộc địch phải phân tán lực lượng ở những điểm sung yếu.

b) Cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954 của ta.

- Đầu 12/1953 ta đánh mạnh ở Lai Châu → buộc địch phải cho quân nhảy dù giữ chốt ĐBP.

- Đầu 12/1953 Liên quân Việt - Lào chiến thắng ở Trung Lào.

- 1/1954 Liên quân Lào- Việt thắng lớn ở Thượng Lào.

- Cuối tháng 1 → đầu tháng 2/1954 ta thắng địch ở Bắc Tây Nguyên.

- Chiến tranh du kích phát triển mạnh ở vùng sau lưng

⇒ Kế hoạch Na-va bước đầu bị phá sản.

2. Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ (1954)

*** Chủ trương của ta:**

- Đầu 12/1953 ta quyết định mở chiến dịch ĐBP nhằm:

+ Tiêu diệt lực lượng địch.

+ Giải phóng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.

*** Diễn biến.**

Đợt 1: (13 → 17/3/1954) ta đánh chiếm phân khu Bắc.

Đợt 2 : (30/3 → 26/4/1954) quân ta tiến công tiêu diệt căn cứ phía Đông phân khu trung tâm.

- **Đợt 3:** 1/5 → 7/5/1954) ta đánh các căn cứ còn lại ở phân khu trung tâm và phân khu Nam.

⇒ Chiều 7/5/1954 chiến dịch toàn thắng.

*** Kết quả : SGK/125**

III. Hiệp định Giơ-ne-vơ về (chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương)

*** Nội dung**

- Các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào, Campuchia.

- Các bên ngừng bắn, lập lại hòa bình trên toàn Đông Dương.

- Các bên thực hiện tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực (lấy vĩ tuyến 17 (dọc sông Bến Hải) làm giới tuyến quân sự tạm thời).

- Cấm việc đưa quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí nước ngoài vào các nước Đông Dương.

*** Ý nghĩa lịch sử**

- Đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp, buộc Pháp phải chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút hết quân đội về nước; Mỹ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng chiến tranh xâm lược Đông Dương.

-MB hoàn toàn giải phóng, chuyển sang giai đoạn CM-XHCN.

IV. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954)

1. Ý nghĩa lịch sử.

- Chấm dứt ách thống trị thực dân của Pháp gần một thế kỉ trên đất nước ta.
- Miền Bắc được giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng XHCN.
- Giáng một đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược, nô dịch của CNĐQ, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chúng.
- Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi và khu vực Mỹ Latinh.

2. Nguyên nhân thắng lợi.

- Có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh...
- Có chính quyền dân chủ nhân dân, có Mặt trận dân tộc thống nhất, có hậu phương rộng lớn vững mạnh...
- Sự đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương, sự giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô...

B. Phần trắc nghiệm

Câu 1: Cuộc Tiến công chiến lược của ta trong Đông - Xuân (1953 - 1954) đã

- A. làm cho kế hoạch Nava bước đầu bị phá sản, buộc quân chủ lực của chúng phải bị động phân tán.
- B. làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava, buộc Pháp phải ngồi vào bàn đàm phán với ta ở Giơnevơ.
- C. nước Mỹ cắt giảm viện trợ cho Pháp, trực tiếp can thiệp vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.
- D. buộc Pháp phải tuyên bố chấm dứt chiến tranh xâm lược ở Đông Dương.

Câu 2: Sách giáo khoa lịch sử 12 trang 150 có đoạn: “Chiến dịch này là một chiến dịch lịch sử của quân đội ta, ta đánh thắng chiến dịch này có ý nghĩa quân sự và ý nghĩa chính trị quan trọng”. Hãy cho biết đoạn trích trên nói về chiến dịch nào?

- A. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông (1947).
- B. Chiến dịch Biên giới thu - đông (1950).
- C. Cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân (1953 - 1954).
- D. Chiến dịch Biên Biên Phủ (1954).

Câu 3: Nguyên nhân có tính quyết định nhất đối với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược năm (1945 - 1954) là

- A. có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- B. có lực lượng vũ trang 3 thứ quân, hậu phương miền Bắc vững mạnh.
- C. có sự liên minh chiến đấu của nhân dân 3 nước Đông Dương.
- D. có sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 4: Chủ trương chiến lược của quân ta trong Đông - Xuân 1953 - 1954 là tiến công vào

- A. vùng đồng bằng Bắc Bộ, nơi tập trung quân cơ động của Pháp.
- B. những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu.
- C. Điện Biên Phủ, trung tâm điểm của kế hoạch quân sự Nava.
- D. toàn bộ các chiến trường ở Việt Nam, Lào và Campuchia.

Câu 5: Từ cuối 1953 đến đầu 1954, ta phân tán lực lượng địch ra những vùng nào?

- A. Lai Châu, Điện Biên Phủ, Sê Nô, Luôngphabang.
- B. Điện Biên Phủ, Sê Nô, Plâyku, Luôngphabang.
- C. Điện Biên Phủ, Thakhet, Plâyku, Luôngphabang.
- D. Điện Biên Phủ, Sê Nô, Plâyku, Sầm Nưa.

Câu 6: Năm 1953, thực dân Pháp gặp khó khăn nào trong cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam?

- A. Bước đầu để mất quyền chủ động.
- B. Mỹ cắt giảm nguồn viện trợ.
- C. Bị Mỹ ép kết thúc chiến tranh.
- D. Vùng chiếm đóng bị thu hẹp.

Câu 7: Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai, đồng thời buộc chúng phải bị động đối phó. Đó là phương hướng chiến lược của ta trong chiến dịch quân sự nào?

- A. Phá sản kế hoạch Nava.
- B. Chiến dịch Tây Bắc.
- C. Đông Xuân 1953 - 1954.
- D. Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Câu 8: Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ 1954 có ý nghĩa *cơ bản* như thế nào đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta?

- A. Làm thất bại hoàn toàn âm mưu kéo dài chiến tranh của Pháp - Mĩ.
- B. Tiêu diệt, bắt sống hàng vạn tù binh Pháp.
- C. Làm thất bại âm mưu mở rộng chiến tranh của Mĩ ở Đông Dương.
- D. Đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh.

Câu 9: Thắng lợi có tính *quyết định nhất* trong cuộc kháng chiến chống Pháp của ta thể hiện trên mặt trận?

- A. Chính trị.
- B. Kinh tế.
- C. Quân sự.
- D. Ngoại giao.

Câu 10: Điểm *giống nhau* cơ bản nhất giữa Hiệp định Giơnevơ (1954) và Hiệp định Pari (1973) là

- A. đều công nhận các quyền dân tộc cơ bản.
- B. đều qui định ngừng bắn, lập lại hòa bình.
- C. qui định quân đội nước ngoài phải rút khỏi nước ta.
- D. qui định Ủy ban quốc tế giám sát việc thi hành hiệp định.

Câu 11: Tại sao Pháp lại chấp nhận đàm phán với ta ở Hội nghị Giơnevơ?

- A. Do sức ép của Liên Xô.
- B. Pháp sợ Trung Quốc đưa quân sang.
- C. Pháp bị thất bại ở Điện Biên Phủ.
- D. Dư luận nhân dân thế giới phản đối.

Câu 12: Bước 1 của kế hoạch Nava từ thu đông 1953 - xuân 1954 quân Pháp sẽ giữ thế phòng ngự chiến lược ở đâu?

- A. Bắc Bộ.
- B. Trung Bộ.
- C. Nam Bộ.
- D. Tây Nguyên.

Câu 13: Chiến dịch nào của ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava?

- A. Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954).
- B. Đồng Xuân (1953 - 1954).
- C. Chiến dịch Biên Giới.
- D. Chiến dịch Tây Bắc.

Câu 14: Trong hai cuộc kháng chiến chống đế quốc xâm lược (1945 - 1975), nhân dân Việt Nam đã giành thắng lợi bằng việc

- A. lấy số lượng quân đông thắng vũ khí chất lượng cao.
- B. lấy lực thắng thế, lấy ít thắng nhiều về quân số.
- C. dùng sức mạnh của vật chất đánh thắng sức mạnh của ý chí và tinh thần.
- D. dùng sức mạnh của nhiều nhân tố thắng sức mạnh quân sự và kinh tế.

Câu 15: Nội dung *quan trọng nhất* của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 là

- A. các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hòa bình trên toàn Đông Dương.
- B. các bên tham chiến thực hiện cuộc tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực.
- C. hiệp định cấm đưa quân đội và vũ khí nước ngoài vào các nước Đông Dương.
- D. các nước tham dự cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương.

Câu 16: Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương là một thắng lợi nhưng *chưa* trọn vẹn đối với nhân dân ta là nhận định chính xác vì

- A. Mĩ tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta nhưng sau đó lại xâm lược.
- B. cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam vẫn chưa hoàn thành.
- C. ngay sau ngày kí kết, Mĩ đã câu kết với Pháp phá hoại Hiệp định Giơnevơ.
- D. thực dân Pháp không phối hợp với nhân dân ta thực hiện cuộc tổng tuyển cử tự do.

Câu 17: Hạn chế *lớn nhất* của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương đối với Việt Nam là

- A. chưa giải phóng được vùng nào ở nước ta.
- B. mới giải phóng được miền Bắc.
- C. chỉ giải phóng được miền Nam.
- D. chỉ giải phóng được vùng Tây Bắc.

Câu 18: Bước vào Đông Xuân 1953 - 1954, âm mưu của Pháp - Mĩ ở Đông Dương là

- A. giành lại quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ.
- B. giành một thắng lợi quyết định để “kết thúc chiến tranh trong danh dự”.
- C. giành thắng lợi quân sự để nâng cao vị thế của nước Pháp trên thế giới.
- D. giành lấy thắng lợi quân sự để tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương.

Câu 19: Khu vực nào dưới đây được Nava tập trung quân mạnh nhất từ thu - đông 1953?

- A. Tây Bắc.
- B. Thượng Lào.
- C. Bắc Trung Bộ.
- D. Đồng bằng Bắc Bộ.

BÀI 28

XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (1954 - 1965)

A. Phần lý thuyết

I. Tình hình nước ta sau hiệp định Giơnevơ

- Miền Bắc: hoàn toàn giải phóng chuyển sang CMXH CN.
- Miền Nam: Mỹ dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm
- => Âm mưu biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ

II/Miền Bắc hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất (1954 – 1960)

1.Hoàn thành cải cách ruộng đất

Ta tịch thu 81 vạn héc-ta ruộng đất, 10 vạn trâu bò, 1,8 triệu nông cụ chia cho hơn 2 triệu hộ nông dân, đưa nông dân lên địa vị làm chủ ở nông thôn.

=> Cũng cố khối liên minh công nông, khẩu hiệu người cày có ruộng đã được thực hiện.

2. Mục 2, 3 giảm tải (đọc thêm)

III. Miền Nam đấu tranh chống chế độ Mỹ – Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng tiến tới phong trào Đồng Khởi (1959 – 1960)

1. Nguyên nhân

- 1957- 1959, Mỹ - Diệm tăng cường khủng bố đàn áp, đề ra luật 10/59, đặt Cộng sản ngoài vòng pháp luật...làm lực lượng cách mạng MN bị tổn thất nặng.
- 1/1959, Hội nghị trung ương Đảng lần thứ 15 quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mỹ -Diệm.

2. Diễn biến

- 17/1/1960, “Đồng khởi” nổ ra ở huyện Mỏ Cày (tỉnh Bến Tre), sau đó lan ra nhanh chóng lan ra khắp Nam Bộ, Tây Nguyên...

3. Kết quả

- 1960, ta đã làm chủ nhiều thôn, xã ở Nam Bộ, ven biển Trung Bộ và Tây Nguyên..
- 20/12/1960. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời ngày

4. Ý nghĩa

- Giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ, làm lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm
- Đánh dấu bước phát triển của CMMN từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

IV. Miền Bắc xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kĩ thuật của CNXH (1961 – 1965)

1. Đại hội đại biểu lần thứ III của Đảng (9/1960)

a. Hoàn cảnh

- CM miền Bắc giành được thắng lợi trong cải tạo và phát triển quan hệ sản xuất.
- Sau phong trào “Đồng khởi” CM miền Nam có bước phát triển nhảy vọt, chuyển sang thế tiến công
- Tháng 9/1960, Đảng Lao động VN tiến hành đại hội.

b. Nội dung

- CMXHCN ở MBắc có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của cách mạng cả nước.
- CMDTDCND ở MNam có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.
- CM hai miền có mối quan hệ mật thiết, gắn bó và tác động lẫn nhau nhằm thực hiện hòa bình, thống nhất đất nước.
- Thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo sửa đổi Điều lệ Đảng và thông qua kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965).

c. Ý nghĩa

- Nghị quyết của Đại hội là nguồn ánh sáng mới cho toàn Đảng, toàn dân xây dựng thắng lợi CNXH ở miền và đấu tranh thực hiện hòa bình, thống nhất nước nhà.

2. Miền Bắc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 - 1965).

a. Mục đích

- Xây dựng CNXH làm trọng tâm.

Thành tựu

- Công nghiệp: sản lượng năm 1965 tăng 3 lần so với năm 1960.
- Nông nghiệp: nhiều hợp tác xã đạt năng suất 5 tấn thóc/ha, trên 90% hộ nông dân vào hợp tác xã.
- Thương nghiệp: quốc doanh được ưu tiên phát triển, cải thiện đời sống nhân dân.
- Hệ thống giao được củng cố. Việc đi lại trong nước, quốc tế thuận lợi.
- Hệ thống giáo dục từ phổ thông đến đại học phát triển nhanh.
- Hệ thống y tế, chăm sóc sức khỏe được đầu tư phát triển.
- Miền Bắc còn làm nghĩa vụ chi viện cho tiền tuyến miền Nam

b. Ý nghĩa: Làm thay đổi bộ mặt xã hội miền Bắc, cổ vũ nhân dân miền Nam chiến đấu chống Mĩ.

V. Miền Nam chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ (1961-1965)

1. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ở miền Nam

a. Âm mưu

- “Chiến tranh đặc biệt” là chiến tranh thực dân kiểu mới được tiến hành bằng quân đội tay sai + cố vấn Mĩ, và vũ khí của Mĩ nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta.

- Âm mưu: “dùng người Việt đánh người Việt”.

b. Thủ đoạn

- Mĩ đề ra “Kế hoạch Xtalây-Taylo” bình định miền Nam trong 18 tháng và dồn dân lập “ấp chiến lược”.

- Quân đội Sài Gòn liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng, phá hoại miền Bắc.

2. Miền Nam chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ (1961-1965).

a. Chống và phá “ấp chiến lược”

Cuối năm 1962, CM miền Nam kiểm soát trên nửa tổng số ấp với gần 70% nông dân.

b. Quân sự

- Quân dân miền Nam giành thắng lợi to lớn trong trận Ấp Bắc – Mĩ Tho (1/1963). Chiến thắng này chứng minh quân dân miền Nam hoàn toàn có khả năng đánh bại “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ngụy, mở ra phong trào “Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công”.

c. Chính trị

- Ở các đô thị ở Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng có bước phát triển, nổi bật là cuộc đấu tranh của sinh viên xuống đường đấu tranh của các tín đồ Phật giáo và “đội quân tóc dài”.

- Phong trào đấu tranh của quân và dân miền Nam đã làm suy yếu chính quyền Ngô Đình Diệm.

=> Đông – Xuân 1964 - 1965, ta mở chiến dịch và giành thắng lợi ở Bình Giả, An Lão (Bình Định), Ba Gia (Quảng Ngãi), Đồng Xoài (Bình Phước). Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ bị phá sản.

d. Ý nghĩa

- Đây là thất bại có tính chất chiến lược lần thứ hai của Mĩ, buộc Mĩ phải chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ” trực tiếp đưa quân Mĩ vào tham chiến ở miền Nam.

B. Phần trắc nghiệm

Câu 1: Sau Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương, Mĩ đưa ai lên nắm quyền ở miền Nam Việt Nam?

A. Nguyễn Văn Thiệu

B. Bảo Đại

C. Ngô Đình Diệm

D. Nguyễn Cao Kỳ

Câu 2: Thắng lợi nào của ta đánh dấu bước phát triển của cách mạng miền Nam Việt Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công?

A. Thắng lợi ở Ấp Bắc- Mĩ Tho.

B. Thắng lợi phong trào Đồng Khởi 1959 - 1960

C. Thắng lợi ở An Lão (Bình Định).

D. Thắng lợi ở Đồng xoài (Bình Phước).

Câu 3: Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 15 (1/1959) đã xác định phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam là:

- A. Đấu tranh chính trị đòi thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ.
- B. Đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh ngoại giao.
- C. khởi nghĩa giành chính quyền bằng lực lượng chính trị là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh vũ trang.
- D. Đấu tranh giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.

Câu 4: Mĩ dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm ở miền Nam Việt Nam nhằm:

- A. chia cắt Việt Nam lâu dài
- B. thu lợi về kinh tế
- C. chia để trị
- D. theo nguyện vọng của nhân dân miền Nam

Câu 5: Kết quả lớn nhất của phong trào “Đồng khởi “ là:

- A. phá vỡ từng mảng lớn bộ máy cai trị của địch.
- B. lực lượng vũ trang được hình thành và phát triển, lực lượng chính trị được tập hợp đông đảo.
- C. ủy ban nhân dân tự quản tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ chia cho dân cày nghèo.
- D. ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20 – 12 – 1960).

Câu 6: Ý nghĩa quan trọng nhất của phong trào “ Đồng Khởi “ là gì?

- A. Giáng một đòn mạnh vào chính sách thực dân mới của Mĩ ở miền Nam, làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.
- B. Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam Việt Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.
- C. Sự ra đời của mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam (20 – 12 – 1960).
- D. Làm phá sản chiến lược chiến tranh đặc biệt của Mĩ.

Câu 7: Vì sao nói, Đại Hội toàn quốc lần thứ III của Đảng (1960) đưa ra đường lối cách mạng khoa học và sáng tạo?

- A. Đảng đã xác định vai trò quyết định của miền Bắc đối với sự nghiệp thống nhất đất nước.
- B. Đảng đã xác định vai trò quyết định của miền Nam đối với sự phát triển của cách mạng cả nước.
- C. Tiến hành cách mạng XHCN ở miền Bắc và cách mạng Dân tộc, dân chủ, nhân dân ở miền Nam.
- D. Khẳng định vai trò quyết định nhất của cách mạng miền Bắc đối với cách mạng cả nước.

Câu 8: Vì sao Đảng ta xác định phải ưu tiên phát triển công nghiệp nặng để đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội?

- A. Xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật cho miền Bắc.
- B. Xây dựng kinh tế chủ nghĩa xã hội hiện đại.
- C. Đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp.
- D. Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Câu 9: Điểm khác nhau cơ bản giữa Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960) với đại hội lần thứ II (2-1951) là gì?

- A. Thông qua báo cáo chính trị.
- B. Bầu Ban chấp hành Trung ương mới.
- C. Xây dựng cơ sở vật chất cho Chủ nghĩa xã hội.
- D. Thông qua nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam.

Câu 10: Hạn chế cơ bản của Đại hội đại biểu toàn quốc lần III của Đảng tháng 9 năm 1960 là gì?

- A. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa miền Bắc.
- B. Tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân miền Nam.
- C. Cả nước hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ thống nhất đất nước.
- D. Đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên Chủ nghĩa Xã hội.

Câu 11: Bài học kinh nghiệm của Đại hội đại biểu toàn quốc lần III (9-1960) để lại cho Đảng ta trong công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội hiện nay là gì?

- A. Tiến nhanh tiến mạnh lên Chủ nghĩa xã hội.
- B. Xây dựng nền kinh tế xã hội Chủ nghĩa hiện đại.
- C. Tiến hành công nghiệp hóa Xã hội chủ nghĩa ưu tiên công nghiệp nặng.
- D. Tiến hành công nghiệp hóa Xã hội chủ nghĩa phù hợp thực tế điều kiện đất nước.

Câu 12: Thắng lợi của quân và dân miền Nam chiến đấu chống “chiến tranh đặc biệt” chứng tỏ

- A. sự lớn mạnh của cách mạng miền Nam.
- B. vai trò to lớn của hậu phương miền Bắc.
- C. sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng.
- D. sự phát triển của lực lượng vũ trang miền Nam.

- B. quân dân miền Nam đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ.
 C. quân và dân ta trên cả hai miền đất nước.
 D. quân dân miền Nam trong cuộc tiến công chiến lược 1972.

Câu 5: Điểm *giống nhau* giữa các chiến lược chiến tranh của Mỹ ở miền Nam Việt Nam (từ 1961 - 1973) đều

- A. quân Mỹ giữ vai trò quan trọng. B. quân đội Sài Gòn là lực lượng chủ yếu.
 C. nhằm chia cắt lâu dài đất nước Việt Nam. D. thực hiện ở cả hai miền Nam - Bắc.

Câu 6: Chiến thắng Vạn Tường (18/8/1965) đã mở đầu cho cao trào gì?

- A. Tìm diệt giặc Mỹ, đánh tan nguy quyền. B. Tìm Mỹ mà đánh, giải phóng miền Nam.
 C. Tìm nguy mà đánh, lòng Mỹ mà diệt. D. Tìm Mỹ mà đánh, lòng nguy mà diệt.

Câu 7: Mỹ mở cuộc phản công chiến lược mùa khô (1965 - 1966) nhằm vào khu vực nào của ta?

- A. Liên Khu V và Đông Nam Bộ. B. Đồng Bằng khu V và Tây Nguyên.
 C. Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. D. Tây Nguyên và Huế - Đà Nẵng.

Câu 8: Trong cuộc phản công chiến lược 1972, ta đã chọc thủng 3 phòng tuyến nào của địch?

- A. Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.
 B. Quảng Trị, Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ.
 C. Quảng Trị, Tây Nguyên, Đồng Bằng Sông Cửu Long.
 D. Quảng Trị, Tây Nguyên, Phước Long.

Câu 9: Tại sao Mỹ phải chuyển sang chiến lược “ Việt Nam hóa chiến tranh”?

- A. Chiến tranh cục bộ bị phá sản.
 B. Chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai bị đánh bại.
 C. Chính quyền Ngô Đình Diệm bị sụp đổ.
 D. Chiến tranh đặc biệt bị phá sản.

Câu 10: Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ được tiến hành bằng lực lượng chủ yếu nào sau đây? Điện Biên Phủ trên không là

- A. buộc Mỹ phải tuyên bố ngừng ném bom phá hoại miền Bắc.
 B. buộc Mỹ kí Hiệp định Pari chấm dứt chiến tranh, rút quân về nước.
 C. đánh bại âm mưu phá hoại công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc.
 D. đánh bại âm mưu ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc vào miền Nam.

Câu 11: Hiệp định Pari (27/01/1973) có ý nghĩa như thế nào đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta?

- A. đánh cho “Mỹ cút”, đánh cho “Ngụy nhào”.
 B. phá sản hoàn toàn chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh.
 C. tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho “Ngụy nhào”.
 D. tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho “Mỹ cút”, “Ngụy nhào”.

Câu 12: Điểm *giống nhau* giữa trận Điện Biên Phủ năm 1954) và trận “Điện Biên Phủ trên không” cuối năm 1972 là

- A. thắng lợi có ý nghĩa quyết định trên bàn đàm phán.
 B. thắng lợi có ý nghĩa quyết định trên mặt trận quân sự.
 C. thắng lợi diễn ra tại Điện Biên Phủ.
 D. thắng lợi mang tính bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống xâm lược.

Câu 13: Ngày 7/2/1965 gắn với sự kiện lịch sử nào?

- A. Mỹ dựng lên sự kiện “Vịnh Bắc Bộ” phát động chiến tranh phá hoại miền Bắc.
 B. Mỹ chính thức tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất.
 C. Quân giải phóng miền Nam tấn công doanh trại Mỹ ở Plâyku.
 D. Mỹ triển khai chiến lược Chiến tranh cục bộ ở miền Nam.

Câu 14: “Chiến tranh cục bộ” từ giữa năm 1965 là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng lực lượng

- A. quân Mỹ, đồng minh của Mỹ và quân đội Sài Gòn.
 B. quân Mỹ, quân một số nước đồng minh của Mỹ.
 C. quân đồng minh của Mỹ và quân đội Sài Gòn.
 D. quân đội Mỹ và quân đội Sài Gòn.

BÀI 30

HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC

(1973 – 1975)

A. Phần lý thuyết

I. Miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế – văn hoá, ra sức chi viện cho Miền Nam.

* *Nhiệm vụ:* Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, chi viện cho CM miền Nam.

* *Thành tựu:*

Sau 2 năm 1973 – 1974, kinh tế miền Bắc có bước phát triển, đời sống nhân dân ổn định, thực hiện tốt nghĩa vụ hậu phương.

II. Đấu tranh chống địch “bình định – lấn chiếm”, tạo thế và lực, tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam.

- 7/1973, Trung Ương Đảng họp hội nghị lần thứ 21, nêu rõ nhiệm vụ của CM MN là tiếp tục cuộc CM DTDCND, tiếp tục con đường bạo lực CM, kiên quyết đánh trả sự “lấn chiếm” của địch trên cả 3 mặt trận.

- Cuối 1974 – 1975, ta mở đợt hoạt động quân sự vào hướng Nam Bộ, giải phóng Phước Long.

- Tại khu giải phóng, ta đẩy mạnh sản xuất về mọi mặt, trực tiếp phục vụ CM miền Nam.

III. Giải phóng hoàn toàn miền Nam giành toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc

1. Chủ trương kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam

- Hội nghị Bộ chính trị Trung ương Đảng cuối năm 1974 đầu năm 1975 đề ra chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 và 1976.

- Hội nghị nhấn mạnh “*cả năm 1975* - Cần phải tranh thủ thời cơ đánh nhanh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân.

2. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975

a. *Chiến dịch Tây Nguyên (04 đến 24/3/1975).*

b. *Chiến dịch Huế - Đà Nẵng (21/3 đến 24/3/1975)*

c. *Chiến dịch Hồ Chí Minh (26/4 đến 30/4/1975).*

IV. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

(1954 – 1975)

1. Nguyên nhân thắng lợi

- Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo và phương pháp đấu tranh linh hoạt.

- Nhân dân ta giàu lòng yêu nước, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm... có hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh.

- Sự đoàn kết giúp đỡ nhau của 3 dân tộc Đông Dương. Sự đồng tình ủng hộ giúp đỡ của các lực lượng cách mạng, hòa bình, dân chủ trên thế giới nhất là của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

2. Ý nghĩa lịch sử

- Kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mỹ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và chế độ phong kiến ở nước ta hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất nước nhà.

- Mở ra kỉ nguyên mới của lịch sử dân tộc – kỉ nguyên đất nước độc lập thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Tác động mạnh đến tình hình nước Mỹ và thế giới, cổ vũ to lớn đối với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

B. Phần trắc nghiệm

Câu 1: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có vai trò lớn nhất đối cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước được thể hiện là

- A. hoàn thành nghĩa vụ hậu phương đối với tiền tuyến miền Nam và nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Campuchia.
 B. đánh bại hai cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ, phối hợp và chi viện cho miền Nam, góp phần quyết định đánh bại các kế hoạch chiến tranh thực dân mới của Mỹ.
 C. bảo vệ vững chắc chế độ xã hội chủ nghĩa, đáp ứng kịp thời yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền.

D. phối hợp với cuộc chiến đấu ở miền Nam, đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ.

Câu 2: Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước có ý nghĩa quốc tế là

- A. tác động đến tình hình thế giới. B. làm thay đổi cục diện chính trị thế giới.
 C. tác động đến nước Mỹ và thế giới. D. cổ vũ phong trào cách mạng thế giới.

Câu 3: Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước có ý nghĩa lớn nhất đối với dân tộc ta là

- A. chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, đế quốc.
 B. hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.
 C. mở ra kỉ nguyên đất nước độc lập thống nhất, đi lên CNXH.
 D. kết thúc 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc.

Câu 4: Nét độc đáo về nghệ thuật chỉ đạo quân sự của Đảng ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ là

- A. kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.
 B. kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao.
 C. kết hợp khởi nghĩa với chiến tranh cách mạng, tiến công và nổi dậy.
 D. kết hợp đấu tranh trên ba mặt trận chính trị, quân sự và ngoại giao.

Câu 5: Vì sao nói cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta là một cuộc đụng đầu lịch sử?

- A. Cuộc đấu tranh của một dân tộc nhược tiểu chống lại một đế quốc số một thế giới.
 B. Cuộc chiến tranh xâm lược, phi nghĩa đứng về phía Mỹ - một đại diện cho chủ nghĩa đế quốc.
 C. Là một cuộc chiến phản ánh tập trung những mâu thuẫn cơ bản của thời đại.

Câu 6: Quá trình kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) của nhân dân Việt Nam có điểm gì khác nhau?

- A. Kết hợp giữa sức mạnh truyền thống của dân tộc với sức mạnh hiện tại.
 B. Huy động mọi nguồn lực để tạo nên sức mạnh giành thắng lợi.
 C. Cách thức kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao.
 D. Lấy đấu tranh quân sự làm yếu tố quyết định thắng lợi trong chiến tranh.

Câu 7: Sau chiến thắng Đường số 14 - Phước Long của quân dân miền Nam Việt Nam (tháng 1 - 1975), chính quyền Sài Gòn đã

- A. phản ứng yếu ớt, dùng áp lực đe dọa từ xa. B. nhanh chóng rút quân để bảo toàn lực lượng.
 C. đưa quân đến hòng chiếm lại nhưng thất bại. D. phối hợp với quân đội Mỹ phản công tái chiếm.

Câu 8: Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) có ý nghĩa lớn nhất đối với dân tộc ta là

- A. chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, đế quốc.
 B. hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.
 C. mở ra kỉ nguyên đất nước độc lập thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.
 D. kết thúc 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc.

Câu 9: Đường lối chiến lược cách mạng xuyên suốt của Đảng ta trong thời kỳ (1954 - 1975) là

- A. tiến hành cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng.
 B. tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc.
 C. tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
 D. cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

Câu 10: Nét độc đáo về nghệ thuật chỉ đạo quân sự của Đảng ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là

- A. kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.
 B. kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao.
 C. kết hợp khởi nghĩa với chiến tranh cách mạng, tiến công và nổi dậy.
 D. kết hợp đấu tranh trên ba mặt trận chính trị, quân sự và ngoại giao.

CHƯƠNG VI
VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 2000
BÀI 31
VIỆT NAM TRONG NĂM ĐẦU SAU ĐẠI THẮNG
MÙA XUÂN 1975

A. Phân lý thuyết

I. Tình hình hai miền Bắc Nam sau đại thắng xuân 1975

**. Tình hình miền Bắc*

- Thuận lợi: Đã xây dựng được cơ sở vật chất kĩ thuật của CNXH
- Khó khăn: Hậu quả nặng nề do chiến tranh để lại

**. Tình hình miền Nam*

- Thuận lợi: được giải phóng, chế độ thực dân mới của Mỹ cùng bộ máy chính quyền Sài Gòn TW bị sụp đổ
- Khó khăn: kinh tế nông nghiệp lạc hậu.

II. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước (1975 – 1976)

- 25/4/1976, Tổng tuyển cử bầu quốc hội chung được tiến hành trong cả nước
- Kỳ họp lần thứ I quốc hội khoá VI quyết định: Chính sách đối nội, đối ngoại của nước VN thống nhất đất nước
- + Đổi tên nước : CHXHCNVN
- + Quyết định : Quốc huy, quốc kì, Quốc ca
- + Thủ đô: Hà Nội
- + Thành phố: Sài Gòn-Gia Định đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh
- + Bầu ban dự thảo Hiến pháp
- + ở các địa phương tổ chức thành 3 cấp chính quyền.

B. Phân trắc nghiệm

Câu 1: Những cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân, hải quân của Mỹ đã để lại hậu quả như thế nào?

- A. Nền kinh tế phát triển mất cân đối.
- B. Làm chậm quá trình tiến lên sản xuất lớn.
- C. Tàn phá nặng nề, gây hậu quả lâu dài đối với miền Bắc.
- D. Cản trở công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Câu 2: Thành phố Sài Gòn - Gia Định đổi tên thành Thành phố Hồ Chí Minh là quyết định của

- A. Hội nghị Hiệp thương chính trị.
- B. Ban Chấp hành trung ương Đảng.
- C. Quốc hội khóa VI.
- D. Đại hội lần thứ VI của Đảng.

Câu 3: Trong thời kỳ 1954 - 1975, đâu là một trong những nguyên nhân trực tiếp làm cho Việt Nam trở thành nơi diễn ra “sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”?

- A. Ý chí thống nhất đất nước của dân tộc Việt Nam.
- B. Sự chi phối của cục diện thế giới hai cực, hai phe.
- C. Hiệp định Giơnevơ chia Việt Nam thành hai miền.
- D. Phe xã hội chủ nghĩa ủng hộ Việt Nam chống Mỹ.

Câu 4: Sau đại thắng mùa xuân năm 1975, nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu của cả nước ta là gì?

- A. Khắc phục hậu quả chiến tranh và phát triển kinh tế.
- B. Ổn định tình hình chính trị - xã hội ở miền Nam.
- C. Thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- D. Mở rộng quan hệ giao lưu với các nước.

Câu 5: Cả nước bước vào kỉ nguyên độc lập, thống nhất, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội từ khi nào?

- A. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930.
- B. Cách mạng tháng tám thành công năm 1945.
- C. Kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp năm 1954.

D. Kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước năm 1975.

Câu 6: Thuận lợi lớn nhất của miền Bắc nước ta trong năm đầu sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước năm 1975 là gì?

- A. Đế quốc Mỹ chấm dứt chiến tranh phá hoại.
- B. Miền Bắc trở lại hòa bình.
- C. Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc đạt những thành tựu to lớn.
- D. Đế quốc Mỹ công nhận các quyền dân tộc cơ bản cho nhân dân ta.

Câu 7: Ngày 25/4/1976, đã diễn ra sự kiện quan trọng gì đối với lịch sử nước ta?

- A. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước được tổ chức tại Sài Gòn.
- B. Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tiến hành trong cả nước.
- C. Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất họp kì đầu tiên tại Hà Nội.
- D. Quốc hội khóa VI quyết định tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Câu 8: Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước (1975 - 1976) ở Việt Nam có ý nghĩa gì?

- A. Phù hợp với thực tế lịch sử dân tộc “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một”.
- B. Tạo những điều kiện thuận lợi để cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, những khả năng to lớn để bảo vệ tổ quốc và mở rộng quan hệ với các nước.
- C. Chiến thắng trước sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.
- D. Dân tộc Việt Nam đã chiến thắng kẻ thù, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội và đặt nền tảng cho công cuộc đổi mới đất nước đạt nhiều thành tựu.

Câu 9: Thuận lợi cơ bản nhất của miền Nam nước ta trong năm đầu sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước năm 1975 là gì?

- A. Mỹ rút hết quân đội về nước.
- B. Miền Nam hoàn toàn giải phóng, chế độ thực dân mới của Mỹ sụp đổ.
- C. Được các nước xã hội chủ nghĩa ủng hộ, giúp đỡ.
- D. Phong trào cách mạng thế giới phát triển mạnh đã cổ vũ cách mạng nước ta.

Câu 10: Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước được tổ chức tại

- A. Hà Nội.
- B. Việt Bắc.
- C. Sài Gòn.
- D. Thành phố Hồ Chí Minh.

Câu 11: Vì sao chúng ta phải tiến hành Hiệp thương tổng tuyển cử để thống nhất đất nước?

- A. Ở mỗi miền của nước ta còn tồn tại một hình thức chính quyền khác nhau.
- B. Vì đất nước đang lâm vào khủng hoảng trầm trọng về kinh tế, chính trị.
- C. Là nguyện vọng chính đáng của nhân dân cả nước.
- D. Phù hợp với quy luật phát triển của cách mạng và lịch sử.

Câu 12: Thuận lợi cơ bản nước ta sau đại thắng mùa Xuân năm 1975 là gì?

- A. Các nước XHCN tiếp tục ủng hộ ta.
- B. Đất nước đã được độc lập, thống nhất.
- C. Nhân dân phấn khởi với chiến thắng vừa giành được.
- B. Có miền Bắc XHCN, miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Câu 13: Sự kiện nào là quan trọng nhất trong quá trình thống nhất đất nước về mặt nhà nước?

- A. Đại hội thống nhất Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- B. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước.
- C. Hội nghị Hiệp thương của đại biểu hai miền Bắc - Nam.
- D. Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thông nhất kì họp đầu tiên.

Câu 14: Điểm giống nhau về hai cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội năm 1946 và năm 1976 là gì ?

- A. Đối mặt với những nguy cơ đe dọa của thù trong, giặc ngoài.
- B. Tình hình đất nước có những điều kiện thuận lợi về kinh tế - xã hội.
- C. Được sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa và nhân loại trên thế giới.
- D. Được tiến hành ngay sau những thắng lợi to lớn của dân tộc Việt Nam.

Câu 15: Tình hình miền Nam sau năm 1975 có gì nổi bật?

- A. Hoàn toàn giải phóng.
- B. Mỹ dựng lên chế độ Ngô Đình Diệm.
- C. Là thuộc địa kiểu mới của Mỹ.
- D. Bị tàn phá nặng nề bởi chiến tranh phá hoại của Mỹ.

BÀI 32
VIỆT NAM TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CNXH
(TỪ NĂM 1986 ĐẾN NĂM 2000)

A. Phân lý thuyết

I. Đường lối đổi mới của Đảng

1. Hoàn cảnh lịch sử

- Trong nước: Sau 2 kế hoạch 5 năm, CMVN đạt được những thắng lợi đáng kể nhưng gặp không ít khó khăn đất nước khủng hoảng KT – XH
- Thế giới: Tác động của CM KH – KT và sự khủng hoảng của Liên Xô và Đông Âu.

2. Đường lối đổi mới

- Đề ra từ Đại hội VI(T12/1986) được bổ sung, điều chỉnh ở Đại Hội VII; VIII; IX.
- Nội dung (SGK)

II. Việt nam trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới(1986 – 2000)

1. Kế hoạch 5 năm 1986 – 1990

- *Mục tiêu*: thực hiện 3 chương trình kinh tế: lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

-*Thành tựu*:

- + Lương thực đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu.
- + Hàng hoá tiêu dùng dồi dào
- + Kinh tế đối ngoại phát triển nhanh và mở rộng.

2. Kế hoạch 5 năm (1991 – 1995)

- *Mục tiêu*: vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển KT – XH đưa nước ta thoát khỏi khủng hoảng

-*Thành tựu*:

- + Tình trạng đình đốn rồi ren trong lưu thông được khắc phục
- + Kinh tế tăng trưởng nhanh, lạm phát bị đẩy lùi, kinh tế đối ngoại phát triển.

3. Kế hoạch 5 năm (1996 – 2000)

- Mục tiêu*: Tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết vấn đề bức xúc về XH, đảm bảo an ninh quốc phòng.

-*Thành tựu*:

- + GDP tăng 7% / năm, Nông nghiệp phát triển liên tục.
- +Kinh tế đối ngoại phát triển
- +KH công nghệ có bước chuyển biến tích cực, GD - ĐT phát triển nhanh, chính trị – XH ổn định, quốc phòng an ninh tăng cường quan hệ đối ngoại mở rộng.

4. Ý nghĩa lịch sử của đổi mới

- Tăng cường sức mạnh tổng hợp làm thay đổi bộ mặt đất nước và cuộc sống nhân dân.
- Củng cố độc lập dân tộc và chế độ XHCN.
- Nâng cao vị thế, uy tín của nước ta.

5. Hạn chế (SGK)

B. Phần trắc nghiệm

Câu 1: Tại sao trong đường lối đổi mới đất nước, Đảng lấy đường lối đổi mới kinh tế làm trọng tâm?

- A. Kinh tế phát triển là cơ sở để nước ta đổi mới trên những lĩnh vực khác.
- B. Kinh tế nhà nước chưa được củng cố tương xứng với vai trò chủ đạo.
- C. Nền kinh tế mất cân đối, lạm phát ở mức cao, lao động thiếu việc làm.
- D. Hiệu kinh tế quốc dân còn thấp, chưa có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế.

Câu 2: Quan điểm đổi mới của Đảng ta tại đại hội VI?

- A. Đổi mới về kinh tế. B. Đổi mới về chính trị. C. Đổi mới về văn hóa. D. Đổi mới toàn diện và đồng bộ.

Câu 3: Đại hội Đảng lần VI (12/1986) xác định rõ quan điểm đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam là đổi mới toàn diện và đồng bộ, nhưng trọng tâm vẫn là

- A. đổi mới về chính trị.
- B. đổi mới về kinh tế và chính trị.
- C. đổi mới về kinh tế.
- D. đổi mới về văn hóa.

Câu 4: Tại sao Đảng ta tiến hành công cuộc đổi mới đất nước (12/1986)?

- A. Đất nước lâm vào khủng hoảng toàn diện, tình hình thế giới có nhiều thuận lợi.
- B. Tình hình trong nước có nhiều thuận lợi, Đảng đổi mới để nắm bắt thời cơ.
- C. Đất nước đang trên đà phát triển và được sự ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa.
- D. Để khắc phục sai lầm, đưa đất nước thoát ra khỏi khủng hoảng.

Câu 5: Chủ trương đổi mới của Đảng trong Đại hội Đảng lần thứ VI (12/1986) là gì?

- A. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng trên cơ sở phát triển nông nghiệp - công nghiệp nhẹ.
- B. Thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.
- C. Phát triển nền kinh tế theo cơ chế thị trường.
- D. Đổi mới toàn diện và đồng bộ nhưng trọng tâm là đổi mới về kinh tế.

Câu 6: Việt Nam thực hiện đường lối đổi mới trong hoàn cảnh đất nước như thế nào?

- A. Lực lượng sản xuất còn nhỏ bé, cơ sở vật chất - kĩ thuật lạc hậu, năng suất lao động thấp.
- B. Năng suất lao động và hiệu quả kinh tế chưa cao, chưa có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế.
- C. Nền kinh tế còn mất cân đối, lạm phát ở mức cao, lao động thiếu việc làm.
- D. Đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng, trước hết là khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Câu 7: Việt Nam thực hiện đường lối đổi mới trong hoàn cảnh thế giới như thế nào?

- A. Tình hình thế giới và quan hệ giữa các nước có nhiều thay đổi, Liên Xô và các nước XHCN lâm vào khủng hoảng toàn diện, trầm trọng.
- B. Hệ thống chủ nghĩa xã hội sụp đổ ở Liên Xô tan rã, phong trào cách mạng thế giới thoái trào.
- C. Chiến tranh lạnh kết thúc, quan hệ quốc tế chuyển từ đối đầu sang đối thoại.
- D. Hòa bình thế giới được củng cố, nhưng xung đột, khủng bố vẫn diễn ra ở một số khu vực.

Câu 8: Một trong những chủ trương của Đảng ta về đường lối đổi mới kinh tế là

- A. phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.
- B. cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, công nghiệp - thương nghiệp tư bản tư doanh.
- C. xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, hình thành cơ cấu kinh tế mới.
- D. phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Câu 9: Một trong những chủ trương của Đảng ta về đường lối đổi mới chính trị là

- A. đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, từ kinh tế - chính trị đến tổ chức.
- B. xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của dân, do dân, vì dân.
- C. phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, xây dựng con người mới.
- D. đổi mới kinh tế gắn liền với đổi mới về chính trị, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Câu 10: Nguyên nhân *quyết định* thắng lợi bước đầu của công cuộc đổi mới hiện nay ở nước ta là?

- A. Sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam với đường lối đúng đắn.
- B. Tinh thần đoàn kết, lòng yêu nước, lao động cần cù, sáng tạo của nhân dân.
- C. Hoàn cảnh quốc tế vô cùng thuận lợi, sự giúp đỡ to lớn của bạn bè thế giới.
- D. Tinh thần đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau của ba dân tộc Đông Dương.

Câu 11: Tại sao Đảng ta chọn đổi mới kinh tế là trọng tâm?

- A. Một số nước đã lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm.
- B. Những khó khăn của đất nước ta bắt đầu từ kinh tế.
- C. Kinh tế phát triển là cơ sở để nước ta đổi mới những lĩnh vực khác.
- D. Do hậu quả của chiến tranh kéo dài, kinh tế nước ta nghèo nàn, lạc hậu.

Câu 12: Những thành tựu đạt được trong công cuộc đổi mới giai đoạn (1986 - 1990) chứng tỏ

- A. đường lối đổi mới phát huy được sức mạnh của quần chúng nhân dân.
- B. nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị có một số đổi mới.
- C. quan hệ đối ngoại của ta được mở rộng, phá thế bị bao vây.
- D. đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới là phù hợp.

BÀI 34

TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT ĐẾN NĂM 2000

A. Phần lý thuyết

I. Các giai đoạn chính và đặc điểm của tiến trình lịch sử.

1. Giai đoạn 1919 – 1930

- Thực dân Pháp khai thác thuộc địa lần 2 với Việt nam
- 3/2/1930, Đảng CSVN ra đời chấm dứt khủng hoảng sự khủng hoảng về đường hướng và lãnh đạo CM

2. Giai đoạn 1930 – 1945

- Đảng lãnh đạo cao trào CM 1930 – 1931-> Là cuộc tổng diễn tập đầu tiên của CM
- Cao trào dân chủ 1936 – 1939 chống phản động thuộc địa và tay sai đòi quyền tự do, dân chủ và cơm áo hoà bình là cuộc tổng diễn tập lần thứ 2 của CM
- 9/3/1945, Nhật đảo chính Phát động cao trào kháng Nhật cứu nước
- Đảng lãnh đạo nhân dân giành chính quyền trong cả nước.

3. Giai đoạn 1945 – 1954

- Nhân dân ta đương đầu với những thử thách “Thù trong”, “giặc ngoài”
- Đảng và chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra đường lối kháng chiến toàn quốc
- 7/5/1954, chiến thắng Điện Biên Phủ đã kết thúc 9 năm kháng chiến chống Pháp

4. Giai đoạn 1954 – 1975

- Sau 1954, đất nước bị chia cắt làm 2 miền
- Đảng lãnh đạo Nhân dân 2 miền Nam Bắc cùng 1 lúc thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược khác nhau
- Cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân 1975 kết thúc sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, mở ra kỉ nguyên mới

5. Giai đoạn 1975 đến nay

- Sau 1975, cả nước đi lên CNXH
- Tháng 12/1976, Đại hội lần thứ IV của Đảng (Hà Nội) tổng kết quá trình 21 năm xây dựng CNXH, khôi phục lại tên cũ là ĐCSVN
- Tháng 12/1986, Đại hội VI đề ra đường lối mới.

II. Nguyên nhân thắng lợi, những bài học kinh nghiệm, phương hướng đi lên.

1. Nguyên nhân thắng lợi

- Đảng lãnh đạo nhân dân ta phát huy truyền thống yêu nước, kiên trì với con đường CNXH đã chọn
- Tháng 12/1986, đại hội lần thứ VI của Đảng đã đề ra đường lối đổi mới, đáp ứng được nhu cầu cấp bách của dân tộc

2. Bài học kinh nghiệm

- Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH
- Củng cố và tăng cường khối đoàn kết toàn dân và đoàn kết quốc tế.
- Sự lãnh đạo của Đảng.

B. Phần trắc nghiệm

Câu 1: Phương châm tác chiến của quân dân ta trong chiến dịch Hồ Chí Minh (4/1975) là

- A. “tiên ăn chắc, đánh ăn chắc”. B. “đánh nhanh, thắng nhanh”.
C. “cơ động, linh hoạt, chắc thắng”. D. “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”.

Câu 2: Nội dung lịch sử nào tạo nên sự thay đổi căn bản trong so sánh lực lượng có lợi cho cách mạng miền Nam kể từ đầu năm 1973?

- A. Mỹ tuyên bố ngừng ném bom đánh phá hoàn toàn miền Bắc.
B. Mỹ kí Hiệp định Pari và rút quân đội ra khỏi nước ta.
C. Mỹ kí Hiệp định Viêng Chăn lập lại hòa bình ở Lào.
D. Vùng giải phóng của ta được mở rộng và lớn mạnh.

Câu 3: Thắng lợi nào đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta (1954 -1975) từ tiến công chiến

lược sang tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam?

- A. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972.
- B. cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968).
- C. Chiến dịch Tây Nguyên.
- D. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

Câu 4: Vì sao trong kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam, Đảng Lao động Việt Nam chọn Tây Nguyên làm

hướng tiến công chủ yếu trong năm 1975?

- A. Là địa bàn chiến lược quan trọng, địch chốt giữ một lực lượng mỏng và bố phòng sơ hở.
- B. Địa hình ở đây chủ yếu là rừng núi, tạo điều kiện hết sức thuận lợi để ta tiêu diệt địch.
- C. Quân đội Sài Gòn phán đoán sai hướng tiến công của quân ta nên không có sự phòng bị.
- D. Địch chốt giữ ở đây một lực lượng mạnh, trang bị vũ khí hiện đại nhưng bố phòng sơ hở.

Câu 5: Sự kiện Tổng thống Mỹ ra lệnh di tản hết người Mỹ khỏi Sài Gòn (18 - 4 - 1975) và Nguyễn Văn Thiệu tuyên

bổ từ chức Tổng thống Mỹ (21-4 - 1975) đã chứng tỏ

- A. sự sa sút tột độ về mặt tinh thần, ý chí trong nội bộ địch.
- B. chính quyền Sài Gòn đã bị sụp đổ hoàn toàn.
- C. thời cơ mở chiến dịch giải phóng Sài Gòn đã chín muồi.
- D. cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của ta đã kết thúc thắng lợi.

Câu 6: Vì sao trong chiến dịch Tây Nguyên (3-1975) ta chọn Buôn Ma Thuật đánh trận mở màn ?

- A. Lực lượng địch ở đây quá mỏng.
- B. Địch bố phòng có nhiều sơ hở.
- C. Có vị trí chiến lược, then chốt.
- D. Lực lượng của ta ở đây rất mạnh.

Câu 7: Thắng lợi nào là cơ sở để Bộ Chính trị Trung ương Đảng củng cố thêm quyết tâm giải phóng hoàn toàn

miền Nam trong hai năm 1975 – 1976 ?

- A. Chiến thắng trận “Điện Biên Phủ trên không”.
- B. Chiến thắng chiến dịch Tây Nguyên.
- C. Chiến thắng chiến dịch Huế - Đà Nẵng.
- D. Chiến thắng Đường 14 – Phước Long.

Câu 8: Chiến dịch nào có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975?

- A. Chiến dịch Đường 14 – Phước Long.
- B. Chiến dịch Tây Nguyên.
- C. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.
- D. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 9: Vì sao thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) là thắng lợi mang

tính thời đại?

- A. Làm đảo lộn hoàn toàn chiến lược toàn cầu của Mỹ.
- B. Tạo thời cơ lớn cho cách mạng Lào và Campuchia giành thắng lợi.
- C. Đánh bại 4 kế hoạch chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ.
- D. Đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới có quy mô lớn nhất.

Câu 10: Nguyên nhân cơ bản quyết định đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là

- A. sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- B. truyền thống yêu nước, đoàn kết của nhân dân ta.
- C. có hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh.
- D. tinh thần chiến đấu dũng cảm của quân dân hai miền Nam – Bắc.

Câu 11: Điểm giống nhau giữa chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) là

- A. cuộc tiến công của lực lượng vũ trang.
- B. đập tan hoàn toàn đầu não và sào huyệt cuối cùng của địch.
- C. cuộc tiến công của lực lượng vũ trang và nổi dậy của quần chúng.
- D. những thắng lợi có ý nghĩa quyết định kết thúc cuộc kháng chiến.

Câu 12: Điểm giống nhau về vai trò của Mỹ trong các chiến lược chiến tranh của Mỹ ở miền Nam từ năm 1961-1975 là

- A. giữ vai trò cố vấn chỉ huy.
- B. vừa cố vấn chỉ huy vừa trực tiếp chiến đấu.

C. vừa cổ vũ chỉ huy vừa phối hợp chiến đấu. D. trực tiếp chiến đấu.

Câu 13: Nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam trong thời kì 1954 – 1975 là

- A. đấu tranh giải phóng miền Nam. B. kháng chiến chống Pháp.
C. chống Mĩ, cứu nước. D. xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 14: Điểm *giống nhau* cơ bản giữa Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Đảng (1-1959) và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 của Đảng (7-1973) về phương hướng cách mạng miền Nam là

- A. tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. B. tiếp tục đấu tranh chính trị, hòa bình.
C. khẳng định con đường bạo lực cách mạng. D. khởi nghĩa giành chính quyền bằng đấu tranh chính trị là chủ yếu.

Câu 15: Chiến dịch Hồ Chí Minh có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975 vì

- A. đánh bại hoàn toàn chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ” của quân đội Sài Gòn.
B. đập tan đầu não và sào huyệt cuối cùng của chính quyền và quân đội Sài Gòn.
C. mở ra quá trình sụp đổ hoàn toàn của chính quyền và quân đội Sài Gòn.
D. làm cho chính quyền Sài Gòn đứng trước nguy cơ sụp đổ hoàn toàn.

Câu 16: Trong thời kì 1954 – 1975, quân và dân miền Nam chống Mĩ và chính quyền Sài Gòn trên cả ba vùng chiến lược là

- A. thị xã, thành phố và nông thôn. B. rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị.
C. nông thôn, đô thị và đồng bằng. D. rừng núi, đô thị lớn và đồng bằng ven biển.

Câu 17: So với chiến dịch Điện Biên Phủ (1954), Chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) có gì khác về cách đánh?

- A. Bao vây, chia cắt, tổng công kích đánh chiếm các cơ quan đầu não của địch.
B. Đánh từng bước, tiêu diệt từng cứ điểm của địch.
C. Thọc sâu vào trung tâm thành phố đánh chiếm các cơ quan đầu não của địch.
D. Chia cắt địch, từng bước đánh chiếm các cơ quan đầu não của chúng.

Câu 18: Đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam từ năm 1930 - 1975 do Đảng đề ra và thực hiện thành công là

- A. độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.
B. giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội.
C. tự do và chủ nghĩa xã hội.
D. cải cách ruộng đất và chủ nghĩa xã hội.

Câu 19: Ý nào là điểm *khác biệt* về phương châm tác chiến của chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) so với chiến dịch Điện Biên Phủ (1954)?

- A. Tiến hành thần tốc, táo bạo, bất ngờ. B. Tiến hành đánh nhanh thắng nhanh.
C. Đánh vào cứ điểm quan trọng nhất của kẻ thù. D. Đánh vào cơ quan đầu não của kẻ thù.

Câu 20: So với chiến dịch Điện Biên Phủ (1954), chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) có gì khác về ý nghĩa lịch sử?

- A. Đã làm thất bại hoàn toàn các kế hoạch quân sự của địch.
B. Đánh dấu sự hoàn thành của cách mạng vô sản
C. Chấm dứt ách thống trị của thực dân, đế quốc.
D. Tạo tiền đề hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Câu 21: Tại sao nói công cuộc đổi mới ở nước ta là phù hợp với xu thế chung của thời đại?

- A. Tất cả các nước trên thế giới đều đang tiến hành cải cách, mở cửa.
B. Xu thế chung của thế giới hiện nay là hòa nhập, mở cửa hợp tác và phát triển.
C. Hai hệ thống chính trị thế giới không còn đối lập nữa.
D. Nhiều tổ chức kinh tế khu vực và thế giới đặt vấn đề quan hệ với Việt Nam.

Câu 22: Nội dung nào sau đây *không* đúng với chủ trương đổi mới về chính trị của Đảng?

- A. Xây dựng Nhà nước Pháp quyền xã hội chủ nghĩa.
B. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện quyền dân chủ nhân dân.
C. Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc.
D. Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 1

Câu 1. Biểu hiện nào *không* phản ánh đúng xu thế phát triển của thế giới từ khi Chiến tranh lạnh chấm dứt đến năm 2000?

- A. Trật tự thế giới đơn cực được xác lập trong quan hệ quốc tế.
- B. Hòa bình, hợp tác và phát triển là xu thế chủ đạo của thế giới.
- C. Các quốc gia đều tập trung lấy phát triển kinh tế làm trọng điểm.
- D. Các nước lớn điều chỉnh quan hệ theo hướng đối thoại, thỏa hiệp.

Câu 2. Trật tự hai cực Ianta được hình thành trên cơ sở nào?

- A. Những quyết định của Hội nghị Ianta và thỏa thuận sau đó của ba cường quốc.
- B. Những quyết định của các nước thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.
- C. Những quyết định của Hội nghị Póttxđam.
- D. Những thỏa thuận sau đó của ba cường quốc Liên Xô, Mỹ, Anh.

Câu 3. Nội dung “*Chiến lược toàn cầu*” của Mỹ nhằm mục tiêu cơ bản nào?

- A. Ngăn chặn và tiêu diệt các nước xã hội chủ nghĩa.
- B. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc.
- C. Không chế các nước đồng minh của Mỹ.
- D. Thiết lập sự thống trị trên toàn thế giới.

Câu 4. Nguyên nhân *cơ bản* nào đưa nền kinh tế Mỹ phát triển mạnh mẽ sau chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Các tập đoàn tư bản Mỹ có sức sản xuất, cạnh tranh có hiệu quả ở trong và ngoài nước.
- B. Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên thiên nhiên phong phú, nhân lực dồi dào, trình độ kỹ thuật cao.
- C. Áp dụng thành tựu cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại, nâng cao năng suất lao động.
- D. Quân sự hoá nền kinh tế để buôn bán vũ khí, phương tiện chiến tranh thu lợi nhuận cao.

Câu 5. Nội dung nào *không* phải là nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc?

- A. Không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước
- B. Không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực với nhau.
- C. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.
- D. Chung sống hòa bình với sự nhất trí của năm cường quốc

Câu 6. Sự phát triển “*thần kì*” của Nhật Bản được biểu hiện rõ *nhất* thời điểm nào?

- A. Trong khoảng hơn 20 năm (1950 – 1973), tổng sản phẩm quốc dân của Nhật Bản tăng 20 lần
- B. Năm 1968, tổng sản phẩm quốc dân đứng hàng thứ hai trên thế giới sau Mỹ.
- C. Thập niên 70 (thế kỉ XX) Nhật Bản trở thành 1 trong 3 trung tâm kinh tế tài chính của thế giới tư sản
- D. Từ nước chiến bại, hết sức khó khăn, thiếu thốn, Nhật Bản vươn lên thành một siêu cường về kinh tế.

Câu 7. Nhân tố *hàng đầu* dẫn tới sự phát triển của nền kinh tế Nhật Bản trong những năm 1952-1973 là

- A. chi phí cho quốc phòng thấp (không vượt quá 1% GDP).
- B. áp dụng những thành tựu khoa học-kỹ thuật để nâng cao năng suất.
- C. tận dụng triệt để các yếu tố thuận lợi từ bên ngoài để phát triển.
- D. con người được coi là vốn quý nhất, là chìa khóa của sự phát triển.

Câu 8. Quyết định nào của Hội nghị Póttxđam (7-1945) tạo ra những khó khăn mới cho cách mạng Đông Dương sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Đồng ý cho quân Trung Hoa Dân quốc và quân Anh vào Đông Dương.
- B. Đông Nam Á vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước phương Tây.
- C. Quân Anh sẽ mở đường cho thực dân Pháp chiếm lại Đông Dương.
- D. Liên Xô không được đưa quân đội vào Đông Dương.

Câu 9. Nhận xét nào là *đúng* về chính sách đối ngoại của Mỹ từ năm 1945 - 2000?

- A. Tiến hành chiến tranh xâm lược, chống lại chủ nghĩa khủng bố.
- B. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, không chế các nước tư bản.
- C. Tiến hành chạy đua vũ trang, chống lại các nước trên thế giới.
- D. Hình thức thực hiện khác nhau nhưng có cùng tham vọng muốn làm bá chủ thế giới.

Câu 10. Mục tiêu lớn *nhất* của Nhật Bản muốn vươn đến từ năm 1991 đến năm 2000?

- A.** Là một cường quốc về quân sự và chính trị. **B.** Là một cường quốc về công nghệ và kinh tế.
- C.** Vị trí trên trường quốc tế về kinh tế và chính trị. **D.** Là một cường quốc về kinh tế và quân sự.
- Câu 11.** Liên minh châu Âu (EU) ra đời không chỉ nhằm hợp tác liên minh giữa các nước thành viên trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ mà còn
- A.** cả trong lĩnh vực chính trị, đối ngoại và an ninh chung.
B. cả trong lĩnh vực chính trị, văn hóa và an ninh chung.
C. cả trong lĩnh vực đối ngoại và an ninh chung.
D. cả trong lĩnh vực chính trị và đối ngoại.
- Câu 12.** Để nhanh chóng kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai, ba cường quốc Liên Xô, Mỹ, Anh đã thống nhất nội dung nào dưới đây?
- A.** Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật.
B. Hồng quân Liên Xô sẽ tấn công vào sào huyệt Béc-lin của Đức
C. Liên Xô sẽ vào giải giáp quân phiệt Nhật ở Bắc Triều Tiên.
D. Sử dụng bom nguyên tử để tiêu diệt phát xít Nhật.
- Câu 13.** Ngoài liên minh chặt chẽ với Mỹ, Nhật Bản vẫn coi trọng quan hệ với Tây Âu và chú trọng phát triển quan hệ với các nước
- A.** Nam Á. **B.** Mỹ Latinh. **C.** Đông Nam Á. **D.** Đông Bắc Á.
- Câu 14.** Vì sao nói "Liên minh Châu Âu là tổ chức liên kết khu vực lớn nhất hành tinh"?
- A.** Số lượng thành viên nhiều. **B.** Kết nạp tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị.
C. Quan hệ với hầu hết các quốc gia trên thế giới. **D.** Chiếm khoảng hơn ¼ GDP của toàn thế giới.
- Câu 15.** Nguyên nhân phát triển kinh tế nào là đặc trưng riêng của Tây Âu so với Mỹ và Nhật Bản?
- A.** Áp dụng những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật hiện đại.
B. Tận dụng các yếu tố bên ngoài để phát triển.
C. Các chính sách và biện pháp điều tiết của Nhà nước.
D. Hợp tác có hiệu quả trong khuôn khổ của Cộng đồng châu Âu (EC).
- Câu 16.** Điểm *giống nhau* trong chính sách đối ngoại của các đời Tổng thống Mỹ là
- A.** xác lập một trật tự thế giới có lợi cho Mỹ. **B.** chiến lược lấp chỗ trống.
C. chuẩn bị tiến hành “ Chiến tranh tổng lực”. **D.** chiến lược toàn cầu hóa.
- Câu 17.** Để phát triển khoa học – kỹ thuật, ở Nhật Bản có hiện tượng gì ít thấy ở các nước khác?
- A.** Coi trọng việc nhập kỹ thuật hiện đại, mua bằng phát minh của nước ngoài.
B. Đi sâu vào các ngành công nghiệp dân dụng.
C. Coi trọng và phát triển nền giáo dục quốc dân, khoa học – kỹ thuật.
D. Xây dựng nhiều công trình hiện đại trên mặt biển và dưới đáy biển.
- Câu 18.** Kế hoạch Mác-san (6/1947) còn được gọi là
- A.** kế hoạch phục hưng kinh tế châu Âu. **B.** kế hoạch phục hưng châu Âu.
C. kế hoạch phục hưng kinh tế Tây Âu. **D.** kế hoạch khôi phục châu Âu.
- Câu 19.** Sự kiện nào đặt nền tảng *mới* cho quan hệ giữa Mỹ và Nhật Bản?
- A.** Mỹ viện trợ kinh tế cho Nhật Bản. **B.** Hiệp ước an ninh Mỹ – Nhật được kí kết.
C. Mỹ xây dựng căn cứ quân sự trên lãnh thổ Nhật Bản. **D.** Mỹ đóng quân tại Nhật Bản.
- Câu 20.** Lí do nào sau đây giúp nước Mỹ đạt được nhiều thành tựu rực rỡ về khoa học - kỹ thuật?
- A.** Mỹ chủ yếu là mua bằng phát minh sáng chế từ các nước khác trên thế giới
B. Mỹ là nước khởi đầu cách mạng khoa học- kỹ thuật lần thứ hai
C. Nhiều nhà khoa học lỗi lạc trên thế giới đã sang Mỹ, nhiều phát minh khoa học được phát minh tại Mỹ.
D. Mỹ đặc biệt quan tâm phát triển khoa học- kỹ thuật, coi đây là chiến lược để phát triển đất nước.

-----**Hết**-----

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 2

Câu 1. Trật tự hai cực Ianta được hình thành trên cơ sở nào?

- A. Những quyết định của các nước thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.
- B. Những quyết định của Hội nghị Ianta và thỏa thuận sau đó của ba cường quốc.
- C. Những quyết định của Hội nghị Póttxđam.
- D. Những thỏa thuận sau đó của ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh.

Câu 2. Nguyên nhân phát triển kinh tế nào là đặc trưng riêng của Tây Âu so với Mĩ và Nhật Bản?

- A. Hợp tác có hiệu quả trong khuôn khổ của Cộng đồng châu Âu (EC).
- B. Áp dụng những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại.
- C. Tận dụng các yếu tố bên ngoài để phát triển.
- D. Các chính sách và biện pháp điều tiết của Nhà nước.

Câu 3. Để phát triển khoa học – kĩ thuật, ở Nhật Bản có hiện tượng gì ít thấy ở các nước khác?

- A. Xây dựng nhiều công trình hiện đại trên mặt biển và dưới đáy biển.
- B. Coi trọng và phát triển nền giáo dục quốc dân, khoa học – kĩ thuật.
- C. Coi trọng việc nhập kĩ thuật hiện đại, mua bằng phát minh của nước ngoài.
- D. Đi sâu vào các ngành công nghiệp dân dụng.

Câu 4. Lí do nào sau đây giúp nước Mĩ đạt được nhiều thành tựu rực rỡ về khoa học - kĩ thuật?

- A. Nhiều nhà khoa học lỗi lạc trên thế giới sang Mĩ, nhiều phát minh khoa học được phát minh tại Mĩ.
- B. Mĩ là nước khởi đầu cách mạng khoa học- kĩ thuật lần thứ hai.
- C. Mĩ chủ yếu là mua bằng phát minh sáng chế từ các nước khác trên thế giới.
- D. Mĩ đặc biệt quan tâm phát triển khoa học- kĩ thuật, coi đây là chiến lược để phát triển đất nước.

Câu 5. Sự phát triển “thần kì” của Nhật Bản được biểu hiện rõ *nhất* thời điểm nào?

- A. Thập niên 70 (thế kỉ XX) Nhật Bản trở thành 1 trong 3 trung tâm kinh tế tài chính của thế giới tư sản
- B. Năm 1968, tổng sản phẩm quốc dân đứng hàng thứ hai trên thế giới sau Mĩ.
- C. Từ nước chiến bại, hết sức khó khăn, thiếu thốn, Nhật Bản vươn lên thành một siêu cường về kinh tế.
- D. Trong khoảng hơn 20 năm (1950 – 1973), tổng sản phẩm quốc dân của Nhật Bản tăng 20 lần

Câu 6. Nhân tố *hàng đầu* dẫn tới sự phát triển của nền kinh tế Nhật Bản trong những năm 1952-1973 là

- A. con người được coi là vốn quý nhất, là chìa khóa của sự phát triển.
- B. chi phí cho quốc phòng thấp (không vượt quá 1% GDP).
- C. áp dụng những thành tựu khoa học-kĩ thuật để nâng cao năng suất.
- D. tận dụng triệt để các yếu tố thuận lợi từ bên ngoài để phát triển.

Câu 7. Nhận xét nào là *đúng* về chính sách đối ngoại của Mĩ từ năm 1945 - 2000?

- A. Tiến hành chạy đua vũ trang, chống lại các nước trên thế giới.
- B. Hình thức thực hiện khác nhau nhưng có cùng tham vọng muốn làm bá chủ thế giới.
- C. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, khống chế các nước tư bản.
- D. Tiến hành chiến tranh xâm lược, chống lại chủ nghĩa khủng bố.

Câu 8. Để nhanh chóng kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai, ba cường quốc Liên Xô, Mỹ, Anh đã thống nhất nội dung nào dưới đây?

- A. Liên Xô sẽ vào giải giáp quân phiệt Nhật ở Bắc Triều Tiên.
- B. Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật.
- C. Sử dụng bom nguyên tử để tiêu diệt phát xít Nhật.
- D. Hồng quân Liên Xô sẽ tấn công vào sào huyệt Béc-lin của Đức.

Câu 9. Ngoài liên minh chặt chẽ với Mỹ, Nhật Bản vẫn coi trọng quan hệ với Tây Âu và chú trọng phát triển quan hệ với các nước

- A. Đông Bắc Á.
- B. Đông Nam Á.
- C. Mỹ Latinh.
- D. Nam Á.

Câu 10. Vì sao nói "Liên minh Châu Âu là tổ chức liên kết khu vực lớn nhất hành tinh"?

- A. Quan hệ với hầu hết các quốc gia trên thế giới.
- B. Kết nạp tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị.
- C. Số lượng thành viên nhiều.
- D. Chiếm khoảng hơn $\frac{1}{4}$ GDP của toàn thế giới.

Câu 11. Mục tiêu lớn nhất của Nhật Bản muốn vươn đến từ năm 1991 đến năm 2000?

- A. Vị trí trên trường quốc tế về kinh tế và chính trị.
- B. Là một cường quốc về kinh tế và quân sự.
- C. Là một cường quốc về công nghệ và kinh tế.
- D. Là một cường quốc về quân sự và chính trị.

Câu 12. Biểu hiện nào không phản ánh đúng xu thế phát triển của thế giới từ khi Chiến tranh lạnh chấm dứt đến năm 2000?

- A. Các nước lớn điều chỉnh quan hệ theo hướng đối thoại, thỏa hiệp.
- B. Các quốc gia đều tập trung lấy phát triển kinh tế làm trọng điểm.
- C. Hòa bình, hợp tác và phát triển là xu thế chủ đạo của thế giới.
- D. Trật tự thế giới đơn cực được xác lập trong quan hệ quốc tế.

Câu 13. Nội dung nào không phải là nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc?

- A. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.
- B. Chung sống hòa bình với sự nhất trí của năm cường quốc.
- C. Không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực với nhau.
- D. Không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.

Câu 14. Điểm giống nhau trong chính sách đối ngoại của các đời Tổng thống Mỹ là

- A. chuẩn bị tiến hành "Chiến tranh tổng lực".
- B. xác lập một trật tự thế giới có lợi cho Mỹ.
- C. chiến lược toàn cầu hóa.
- D. chiến lược lấp chỗ trống.

Câu 15. Nội dung "Chiến lược toàn cầu" của Mỹ nhằm mục tiêu cơ bản nào?

- A. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc.
- B. Thiết lập sự thống trị trên toàn thế giới.
- C. Khống chế các nước đồng minh của Mỹ.
- D. Ngăn chặn và tiêu diệt các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 16. Quyết định nào của Hội nghị Potsdam (7-1945) tạo ra những khó khăn mới cho cách mạng Đông Dương sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Đông Nam Á vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước phương Tây.
- B. Liên Xô không được đưa quân đội vào Đông Dương.
- C. Quân Anh sẽ mở đường cho thực dân Pháp chiếm lại Đông Dương.
- D. Đồng ý cho quân Trung Hoa Dân quốc và quân Anh vào Đông Dương.

Câu 17. Nguyên nhân cơ bản nào đưa nền kinh tế Mỹ phát triển mạnh mẽ sau chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Các tập đoàn tư bản Mỹ có sức sản xuất và cạnh tranh lớn và có hiệu quả ở trong và ngoài nước
- B. Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên thiên nhiên phong phú, nguồn nhân lực dồi dào, trình độ kỹ thuật cao.
- C. Áp dụng những thành tựu của cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại để nâng cao năng suất lao động.
- D. Quân sự hoá nền kinh tế để buôn bán vũ khí, phương tiện chiến tranh thu lợi nhuận cao.

Câu 18. Kế hoạch Mác-san (6/1947) còn được gọi là

- A. kế hoạch khôi phục châu Âu.
- B. kế hoạch phục hưng kinh tế Tây Âu.
- C. kế hoạch phục hưng kinh tế châu Âu.
- D. kế hoạch phục hưng châu Âu.

Câu 19. Sự kiện nào đặt nền tảng *mới* cho quan hệ giữa Mỹ và Nhật Bản?

- A. Mỹ viện trợ kinh tế cho Nhật Bản. B. Mỹ xây dựng căn cứ quân sự trên lãnh thổ Nhật Bản.
C. Mỹ đóng quân tại Nhật Bản. D. Hiệp ước an ninh Mỹ – Nhật được kí kết.

Câu 20. Liên minh châu Âu (EU) ra đời không chỉ nhằm hợp tác liên minh giữa các nước thành viên trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ mà còn

- A. cả trong lĩnh vực đối ngoại và an ninh chung.
B. cả trong lĩnh vực chính trị, văn hóa và an ninh chung.
C. cả trong lĩnh vực chính trị và đối ngoại.
D. cả trong lĩnh vực chính trị, đối ngoại và an ninh chung.

----- **HẾT** -----

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 3

Câu 1. Nội dung nào dưới đây *không* được ghi trong Hiệp định sơ bộ (6/3/1946)?

- A. Ta đồng ý cho Pháp ra miền Bắc thay thế cho quân Trung Hoa Dân Quốc.
- B. Hai bên ngừng bắn ở Nam Bộ.
- C. Nhượng cho Pháp một số quyền lợi kinh tế, văn hoá ở Việt Nam.
- D. Pháp công nhận Việt Nam là quốc gia tự do, nằm trong khối Liên Hiệp Pháp.

Câu 2. Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (2/1951) có ý nghĩa là

- A. Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- B. Đại hội kháng chiến toàn dân.
- C. Đại hội xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- D. Đại hội kháng chiến thắng lợi.

Câu 3. Khi thực dân Pháp tiến công lên Việt Bắc vào thu đông 1947, Đảng ta đã ra chỉ thị gì?

- A. phải phòng ngự trước, tiến công sau.
- B. phải phá tan cuộc hành tấn công mùa đông của giặc Pháp.
- C. phải thực hiện tiến công chiến lược lên biên giới.
- D. đánh nhanh thắng nhanh.

Câu 4. Kết quả quan trọng *nhất* trong những ngày toàn quốc kháng chiến chống Pháp ở Hà Nội là

- A. giam chân địch trong thành phố để ta chuẩn bị lực lượng kháng chiến
- B. phá hủy nhiều kho tàng của thực dân Pháp.
- C. giải phóng được thủ đô Hà Nội.
- D. tiêu diệt toàn bộ quân Pháp ở thủ đô Hà Nội.

Câu 5. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên thực hiện chủ trương vô sản hóa (năm 1928) nhằm mục tiêu chủ yếu là

- A. chuẩn bị thành lập các tổ chức Cộng sản ở Việt Nam.
- B. giác ngộ nông dân theo lập trường của giai cấp vô sản.
- C. nâng cao ý thức chính trị cho giai cấp công nhân.
- D. trang bị lý luận cách mạng cho cán bộ của Hội.

Câu 6. Sau Tạm ước 14/9/1946, quân Pháp vẫn khiêu khích tấn công quân ta ở những khu vực nào?

- A. Hải Phòng - Quảng Ninh.
- B. Lạng Sơn - Thái Nguyên.
- C. Hà Nội - Bắc Ninh.
- D. Hải Phòng - Lạng Sơn.

Câu 7. Trong giai đoạn 1936 - 1939, nhân dân Việt Nam *chưa* thực hiện được nhiệm vụ

- A. kết hợp các hình thức đấu tranh công khai và bí mật.
- B. đòi các quyền tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.
- C. giành độc lập dân tộc và cách mạng ruộng đất.
- D. chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít.

Câu 8. Nguyên nhân *chủ yếu* nào dẫn đến sự thất bại của cuộc Khởi nghĩa Yên Bái (2/1930)?

- A. Giai cấp tư sản dân tộc lãnh đạo.
- B. Khởi nghĩa nổ ra hoàn toàn bị động.
- C. Tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng còn non yếu.
- D. Đế quốc Pháp còn mạnh.

Câu 9. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (7/1936) chủ trương thành lập mặt trận nào sau đây?

- A. Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.
- B. Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương.
- C. Mặt trận Việt Nam độc lập Đồng minh.
- D. Mặt trận thống nhất dân chủ Đông Dương.

Câu 10. Điểm *khác biệt* cơ bản giữa Luận cương chính trị với Cương lĩnh chính trị đầu tiên là gì?

- A. Không xác định đúng mâu thuẫn cơ bản của xã hội thuộc địa, nặng về đấu tranh dân tộc.
- B. Luận cương xác định đúng mâu thuẫn cơ bản của xã hội thuộc địa, nặng về đấu tranh giai cấp.
- C. Luận cương xác định nhiệm vụ đấu tranh dân tộc là hàng đầu nhưng không đề ra được sách lược liên minh giai cấp, đoàn kết dân tộc.
- D. Luận cương không xác định đúng mâu thuẫn cơ bản của xã hội thuộc địa, nặng về đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất.

Câu 11. Từ cuối 1953 đến đầu 1954, ta phân tán lực lượng địch ra những vùng nào?

- A. Điện Biên Phủ, SêNô, Plâyku, Luôngphabang.

- B. Điện Biên Phủ, Thakhet, Plâyku, Luôngphabang.
- C. Điện Biên Phủ, Sê Nô, Plâyku, Sầm Nưa.
- D. Lai Châu, Điện Biên Phủ, Sê Nô, Luôngphabang.

Câu 12. Chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh đã tỏ rõ bản chất cách mạng của mình: Đó là chính quyền của dân, do dân và vì dân. Tính chất nào dưới đây *không* phải là bản chất của Chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh?

- A. Chia ruộng đất công cho dân cày nghèo, bãi bỏ các thứ thuế vô lý.
- B. Thực hiện các quyền tự do dân chủ.
- C. Mở lớp dạy chữ Hán cho các tầng lớp nhân dân.
- D. Xóa bỏ các tập tục lạc hậu, xây dựng đời sống mới.

Câu 13. Tháng 2 - 1951, tại Vinh Quang (Tuyên Quang) đã diễn ra sự kiện nào dưới đây?

- A. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng cộng sản Đông Dương.
- B. Đại hội Chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc lần I.
- C. Đại hội thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt.
- D. Hội nghị đại biểu để thành lập Liên minh nhân Việt - Minh - Lào.

Câu 14. Phong trào đấu tranh ở Nghệ - Tĩnh sau ngày 12/9/1930 đã dẫn đến hiện tượng gì?

- A. Nâng mục tiêu đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế lên đấu tranh lật đổ đế quốc và phong kiến tay sai.
- B. Chính quyền của đế quốc phong kiến bị tê liệt và tan rã ở nhiều nơi.
- C. Đảng đã phát động nhân dân đấu tranh vũ trang giành chính quyền thắng lợi.
- D. Chính quyền tay sai ở cấp thôn, xã tích cực hỗ trợ thực dân Pháp đàn áp và khủng bố phong trào.

Câu 15. Phương pháp đấu tranh cách mạng được Đảng Cộng sản Đông Dương trong thời kì (1936 - 1939) là sự kết hợp

- A. đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang, bất hợp pháp.
- B. công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp.
- C. hợp pháp, bất hợp pháp, đấu tranh chính trị.
- D. công khai, bí mật và đấu tranh vũ trang.

Câu 16. Nội dung cơ bản của bản Tạm ước Việt - Pháp (14/9/1946) là

- A. nhượng cho Pháp một số quyền lợi chính trị.
- B. ta nhượng bộ thêm cho Pháp một số quyền lợi kinh tế - văn hoá ở Việt Nam.
- C. thực dân Pháp ngừng bắn ngay ở Nam Bộ.
- D. Pháp công nhận Việt Nam có Chính phủ tự trị nằm trong khối Liên Hiệp Pháp.

Câu 17. Nguyên nhân cơ bản *nhất* quyết định sự bùng nổ phong trào cách mạng 1930 - 1931 là

- A. thực dân Pháp khủng bố dã man những người yêu nước sau thất bại của khởi nghĩa Yên Bái.
- B. địa chủ phong kiến cấu kết với thực dân Pháp đàn áp, bóc lột thậm tệ đối với nông dân.
- C. ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933).
- D. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời, kịp thời lãnh đạo quần chúng công - nông cả nước đấu tranh.

Câu 18. Nguyên nhân có quyết định *nhất* đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945?

- A. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Hồ Chí Minh.
- B. Có khối liên minh công - nông vững chắc.
- C. Nhật bị quân Đồng minh đánh bại, kẻ thù chính của Đông Dương đã gục ngã.
- D. Truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất của nhân dân.

Câu 19. Sách giáo khoa lịch sử 12 trang 150 có đoạn: “*Chiến dịch này là một chiến dịch lịch sử của quân đội ta, ta đánh thắng chiến dịch này có ý nghĩa quân sự và ý nghĩa chính trị quan trọng*”. Hãy cho biết đoạn trích trên nói về chiến dịch nào?

- A. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông (1947).
- B. Cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân (1953 - 1954).
- C. Chiến dịch Biên Biên Phủ (1954).
- D. Chiến dịch Biên giới thu - đông (1950).

Câu 20. Nguyên nhân có tính quyết định *nhất* đối với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược năm (1945 - 1954) là

- A. có lực lượng vũ trang 3 thứ quân, hậu phương miền Bắc vững mạnh.
- B. có sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.

- C. có sự liên minh chiến đấu của nhân dân 3 nước Đông Dương.
 D. có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- Câu 21.** Một trong những nguyên nhân thất bại của phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX là
 A. phong trào còn mang nặng tính tự phát. B. không gắn cứu nước với canh tân đất nước.
 C. chưa sử dụng nhiều phương pháp đấu tranh. D. thiếu sự lãnh đạo của một giai cấp tiên tiến.
- Câu 22.** Văn bản nào sau đây được kí kết giữa Mỹ với chính phủ Bảo Đại (tháng 9/1951)?
 A. Hiệp ước tương trợ Việt - Mỹ. B. Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương.
 C. Hiệp định không xâm phạm lẫn nhau. D. Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt - Mỹ.
- Câu 23.** Để bảo vệ thành quả cách mạng, nhiệm vụ cơ bản nhất mà nước ta cần thực hiện ngay sau cách mạng tháng Tám 1945 là
 A. giải quyết nạn đói. B. giải quyết khó khăn về tài chính.
 C. giải quyết nạn đói. D. xây dựng chính quyền cách mạng.
- Câu 24.** Sự kiện lịch sử nào dưới đây đánh dấu khuynh hướng cách mạng vô sản thắng thế, giành quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam?
 A. Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản. B. Tân Việt Cách mạng đảng bị phân hoá.
 C. Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập. D. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên ra đời.
- Câu 25.** Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954) là
 A. tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
 B. toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ ủng hộ quốc tế.
 C. toàn diện, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
 D. trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ ủng hộ của quốc tế.
- Câu 26.** Điều gì chứng tỏ rằng: Từ tháng 9/1930 trở đi phong trào cách mạng 1930 - 1931 dần dần đạt tới đỉnh cao?
 A. Vấn đề ruộng đất của nông dân được giải quyết triệt để.
 B. Phong trào diễn ra sôi nổi, rộng khắp trong cả nước.
 C. Đã thực hiện được liên minh công nông vững chắc.
 D. Thành lập chính quyền Xô viết ở Nghệ - Tĩnh.
- Câu 27.** Cuộc Tiến công chiến lược của ta trong Đông - Xuân (1953 - 1954) đã
 A. làm cho Mỹ cắt viện trợ cho Pháp, trực tiếp can thiệp vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.
 B. buộc Pháp phải tuyên bố chấm dứt chiến tranh xâm lược ở Đông Dương.
 C. làm cho kế hoạch Nava bước đầu bị phá sản, buộc quân chủ lực của chúng phải bị động phân tán.
 D. làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava, buộc Pháp phải ngồi vào bàn đàm phán với ta ở Giơnevơ.
- Câu 28.** Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhhi năm 1950 được xây dựng dựa trên cơ sở nào dưới đây?
 A. Kinh nghiệm chỉ huy của Đờ Lát đơ Tátxinhhi. B. Sự lớn mạnh của nguy quân.
 C. Kinh tế Pháp phát triển. D. Viện trợ của Mỹ.
- Câu 29.** Lực lượng nào đã dọn đường và tiếp tay cho thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Việt Nam?
 A. Phát xít Nhật. B. Quân Trung Hoa Dân quốc.
 C. Thực dân Anh. D. Đế quốc Mỹ.
- Câu 30.** Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 5/1941) đã chủ trương hoàn thành cuộc cách mạng nào?
 A. Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới. B. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
 C. Cách mạng giải phóng dân tộc. D. Cách mạng tư sản dân quyền.
- Câu 31.** Đảng Cộng sản Đông Dương xác định kẻ thù của cách mạng trong giai đoạn 1939 - 1945 là
 A. đế quốc, phát xít. B. bọn phản động thuộc địa và tay sai.
 C. phát xít Nhật, tay sai. D. thực dân, phong kiến.
- Câu 32.** Mục đích của Pháp khi mở cuộc tiến công lên Việt Bắc thu - đông 1947 là
 A. khóa chặt biên giới Việt - Trung chặn nguồn liên lạc của ta với thế giới.
 B. buộc ta phải đàm phán với những điều khoản có lợi cho chúng.
 C. giành thắng lợi về quân sự để rút quân về nước.
 D. nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

Câu 33. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (5/1941) thành lập Mặt trận nào?

- A. Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh). B. Mặt trận Đồng Minh.
C. Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương. D. Mặt trận Liên Việt.

Câu 34. Đại hội VII Quốc tế Cộng sản (7/1935) xác định nhiệm vụ trước mắt của cách mạng thế giới là

- A. chống chế độ phản động thuộc địa. B. chống chủ nghĩa đế quốc.
C. chống chủ nghĩa thực dân. D. chống chủ nghĩa phát xít.

Câu 35. Khối liên minh công - nông ở Việt Nam được hình thành từ khi nào?

- A. Trong phong trào dân chủ 1936 - 1939. B. Trong phong trào công nhân 1930 - 1931.
C. Từ trong phong trào cách mạng 1930 - 1931. D. Từ trong phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh.

Câu 36. Mục tiêu đấu tranh của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn (1936 - 1939) được Đảng ta xác định là gì?

- A. Tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo, hòa bình. B. Đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng dân tộc.
C. Độc lập dân tộc và người cày có ruộng. D. Đánh đổ đế quốc - phát xít.

Câu 37. Chủ trương chiến lược của quân ta trong Đông - Xuân 1953 - 1954 là tiến công vào

- A. những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu.
B. Điện Biên Phủ, trung tâm điểm của kế hoạch quân sự Nava.
C. vùng đồng bằng Bắc Bộ, nơi tập trung quân cơ động của Pháp.
D. toàn bộ các chiến trường ở Việt Nam, Lào và Campuchia.

Câu 38. Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11/1939, đánh dấu sự chuyển hướng đúng đắn về chỉ đạo chiến lược cách mạng vì?

- A. giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc. B. giải quyết kịp thời vấn đề ruộng đất cho nông dân.
C. xác định kẻ thù trước mắt là phát xít Nhật. D. đặt vấn đề dân tộc cho toàn Đông Dương.

Câu 39. Thành công của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội (1946) ở Việt Nam chứng tỏ

- A. nhân dân bước đầu giành chính quyền, làm chủ đất nước.
B. nhân dân có tinh thần đoàn kết và ý thức làm chủ đất nước.
C. sự ủng hộ to lớn của cộng đồng quốc tế đối với Việt Nam.
D. quyền lực nhà nước chính thức thuộc về cơ quan hành pháp.

Câu 40. Khó khăn lớn nhất của thực dân Pháp ở Điện Biên Phủ là

- A. không có đường tiếp tế. B. Xa Hà Nội và Sài Gòn.
C. xa hậu phương và lực lượng ít. D. Dễ bị bao vây và cô lập.

----- **HẾT** -----

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 4

I. Phần trắc nghiệm (6.0 điểm)

Câu 1. Vì sao nói Đảng cộng sản Việt Nam ra đời (3/2/1930) là sự chuẩn bị đầu tiên có tính quyết định cho bước phát triển nhảy vọt mới của cách mạng Việt Nam?

- A. Đáp ứng căn bản nguyện vọng của các giai cấp trong xã hội Việt Nam.
- B. Lãnh đạo nhân dân Việt Nam Tổng khởi nghĩa tháng Tám thành công.
- C. Đề ra đường lối chính trị đúng đắn và hệ thống tổ chức chặt chẽ.
- D. Chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo cách mạng.

Câu 2. Sự kiện lịch sử nào dưới đây đánh dấu khuynh hướng cách mạng vô sản thắng thế, giành quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam?

- A. Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản.
- B. Tân Việt Cách mạng đảng bị phân hoá.
- C. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên ra đời.
- D. Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập.

Câu 3. Điểm *giống nhau* cơ bản giữa nội dung Hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 11/1939) và Hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 (tháng 5/1941) là gì?

- A. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp bách nhất.
- B. Liên kết công - nông chống phát xít.
- C. Chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh.
- D. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp lên hàng đầu.

Câu 4. Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 5/1941) đã chủ trương hoàn thành cuộc cách mạng nào?

- A. Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.
- B. Cách mạng giải phóng dân tộc.
- C. Cách mạng tư sản dân quyền.
- D. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Câu 5. Hoạt động yêu nước của Nguyễn Tất Thành trong những năm 1911 - 1918 có ý nghĩa như thế nào đối với cách mạng Việt Nam?

- A. Đặt cơ sở cho việc xác định con đường cứu nước mới.
- B. Thiết lập mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và thế giới.
- C. Xác định được con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc.
- D. Chuẩn bị điều kiện về tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản.

Câu 6. Sự ra đời và hoạt động của 3 tổ chức cộng sản ở Việt Nam năm 1929 có hạn chế nào?

- A. Làm mất đoàn kết, ảnh hưởng không tốt đến cách mạng Việt Nam.
- B. Ngăn cản sự đoàn kết lực lượng cách mạng Việt Nam.
- C. Tranh giành phạm vi ảnh hưởng của tổ chức đảng với nhau.
- D. Làm phong trào cách mạng Việt Nam chậm phát triển.

Câu 7. Chủ trương chiến lược của quân ta trong Đông - Xuân năm (1953 - 1954) là tiến công vào

- A. Điện Biên Phủ, trung tâm điểm của kế hoạch quân sự Nava.
- B. vùng đồng bằng Bắc Bộ, nơi tập trung quân cơ động của Pháp.
- C. toàn bộ các chiến trường ở Việt Nam, Lào và Campuchia.
- D. những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu.

Câu 8. Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ (12/1953) nhằm mục đích

- A. tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Thượng Lào.
- B. tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Hạ Lào.
- C. tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.
- D. tiêu diệt sinh lực địch, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.

Câu 9. Phong trào cách mạng (1930 - 1931) để lại bài học kinh nghiệm gì cho Cách mạng tháng Tám năm 1945?

- A. Thành lập ở mỗi nước Đông Dương một hình thức mặt trận riêng.
- B. Đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền.
- C. Kết hợp các hình thức đấu tranh bí mật, công khai và hợp pháp.
- D. Sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng để giành chính quyền.

Câu 10. Khởi liên minh công - nông ở Việt Nam được hình thành từ khi nào?

- A. Từ trong phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh. B. Trong phong trào dân chủ năm 1936 - 1939.
C. Trong phong trào công nhân năm 1930 - 1931. D. Từ phong trào cách mạng năm 1930 - 1931.

Câu 11. Tại Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (7/1936) mục tiêu đấu tranh *trước mắt* của cách mạng trong giai đoạn (1936 - 1939) là

- A. đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng dân tộc. B. độc lập dân tộc và người cày có ruộng.
C. tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo, hòa bình. D. đánh đổ đế quốc - phát xít.

Câu 12. Cuộc Tiến công chiến lược của ta trong Đông - Xuân năm (1953 - 1954) đã

- A. làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava, buộc Pháp phải đàm phán với ta ở hội nghị Giơnevơ.
B. làm cho Mỹ cắt viện trợ cho Pháp, trực tiếp can thiệp vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.
C. làm cho kế hoạch Nava bước đầu bị phá sản, buộc quân chủ lực của chúng phải bị động phân tán.
D. buộc Pháp phải tuyên bố chấm dứt chiến tranh xâm lược ở Đông Dương.

Câu 13. Từ cuối năm 1953 đến đầu năm 1954, quân ta phân tán lực lượng địch ra những vùng nào?

- A. Điện Biên Phủ, Sênô, Plâyku, Sầm Nưa.
B. Điện Biên Phủ, Thà Khẹt, Plâyku, Luôngphabang.
C. Điện Biên Phủ, Sênô, Plâyku, Luôngphabang.
D. Lai Châu, Điện Biên Phủ, Sênô, Luôngphabang.

Câu 14. Vì sao sau cách mạng tháng 8/1945, Đảng và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải thực hiện chính sách “*đối ngoại mềm dẻo*”?

- A. Chính quyền còn non trẻ không thể đối phó với nhiều kẻ thù.
B. Trung Hoa Dân quốc dùng tay sai để chống phá cách mạng.
C. Pháp được sự giúp đỡ và hậu thuẫn của quân Anh.
D. Kẻ thù còn mạnh, chống phá chính quyền cách mạng.

Câu 15. Thành công của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội (6 - 1 - 1946) ở Việt Nam chứng tỏ

- A. quyền lực nhà nước chính thức thuộc về cơ quan hành pháp.
B. nhân dân bước đầu giành chính quyền, làm chủ đất nước.
C. nhân dân có tinh thần đoàn kết và ý thức làm chủ đất nước.
D. sự ủng hộ to lớn của cộng đồng quốc tế đối với Việt Nam.

Câu 16. Đại hội VII Quốc tế Cộng sản (tháng 7 - 1935) xác định nhiệm vụ trước mắt của cách mạng thế giới là

- A. chống chủ nghĩa phát xít. B. chống chế độ phản động thuộc địa.
C. chống chủ nghĩa thực dân. D. chống chủ nghĩa đế quốc.

Câu 17. Phương pháp đấu tranh cách mạng thời kì (1936 - 1939) là sự kết hợp đấu tranh

- A. chính trị, đấu tranh vũ trang, bất hợp pháp.
B. hợp pháp, bất hợp pháp, đấu tranh chính trị.
C. công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp.
D. công khai, bí mật và đấu tranh vũ trang.

Câu 18. Nét nổi bật *nhất* của cuộc vận động dân chủ trong những năm 1936 - 1939 là gì?

- A. Tư tưởng và chủ trương của Đảng được phổ biến, trình độ chính trị của đảng viên được nâng cao.
B. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng và ăn sâu trong quần chúng nhân dân.
C. Tập hợp được một lực lượng công - nông - binh hùng mạnh.
D. Đảng tập hợp được một lực lượng chính trị của quần chúng đông đảo và sử dụng hình thức, phương pháp đấu tranh phong phú.

Câu 19. Nội dung *cơ bản* của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954) là

- A. toàn diện, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
B. toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ ủng hộ quốc tế.
C. trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ ủng hộ của quốc tế.
D. tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

Câu 20. Kết quả quan trọng *nhất* trong những ngày toàn quốc kháng chiến chống Pháp ở Hà Nội là

- A. giải phóng được thủ đô Hà Nội.
B. phá hủy nhiều kho tàng của thực dân Pháp.

- C. tiêu diệt toàn bộ quân Pháp ở thủ đô Hà Nội.
 D. giam chân địch trong thành phố để ta chuẩn bị lực lượng kháng chiến.
- Câu 21.** Để bảo vệ thành quả cách mạng, nhiệm vụ cơ bản *nhất* mà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa cần thực hiện ngay sau cách mạng tháng Tám 1945 là
 A. giải quyết khó khăn về tài chính.
 B. xây dựng chính quyền cách mạng.
 C. giải quyết nạn đói.
 D. giải quyết nạn đói.
- Câu 22.** Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam (2/1930) có điểm gì *khác* so với Luận cương chính trị (10/1930) của Đảng Cộng sản Đông Dương?
 A. Xác định được công nhân và nông dân là lực lượng cách mạng.
 B. Xác định đúng nhiệm vụ cách mạng là đánh đổ đế quốc.
 C. Đánh giá đúng khả năng chống đế quốc của giai cấp bóc lột.
 D. Khẳng định vai trò lãnh đạo thuộc về chính đảng vô sản.
- Câu 23.** Lí luận nào được Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên truyền bá về Việt Nam?
 A. Lí luận cách mạng vô sản.
 B. Lí luận cách mạng giải phóng dân tộc.
 C. Lí luận Mác - Lênin.
 D. Lí luận đấu tranh giai cấp.
- Câu 24.** Nguyên tắc cơ bản của Việt Nam trong việc kí kết Hiệp định Sơ bộ (6 - 3 - 1946) và Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương (21 - 7 - 1954) là
 A. không vi phạm chủ quyền dân tộc.
 B. phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù.
 C. đảm bảo giành thắng lợi từng bước.
 D. giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng.

II. Phần tự luận (4.0 điểm)

Câu 1: (2.5 điểm)

Vì sao nói sau cách mạng tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa rơi vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”? Khó khăn nào là nghiêm trọng nhất? Vì sao?

Câu 2: (1.5 điểm)

Trình bày nội dung kế hoạch quân sự Nava (tháng 5 năm 1953)?

----- **HẾT** -----

BÀI LÀM

I. Phần trắc nghiệm (6.0 điểm)

(HS chọn đáp án đúng và điền vào các ô sau đây)

1		6		11		16		21	
2		7		12		17		22	
3		8		13		18		23	
4		9		14		19		24	
5		10		15		20		/	

II. Phần tự luận (4.0 điểm)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

[illegible]